

LÊ HƯƠNG

SỬ-LIỆU **Phủ Nam**

ឯកសារប្រវត្តិប្ប-ណ៍



NGUYỄN NHIỀU

LÊ - HƯƠNG

SỬ LIỆU

PHÙ - NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Phù Nam là một Vương quốc thành lập từ thế kỷ thứ 12 trước Dương lịch, theo sử Trung Hoa, và có thể lập quốc nhiều thế kỷ trước thời ấy. Nhưng theo các nhà khảo cổ Tây Phương thì căn cứ vào những chứng tích xác thực như bia đá, bản văn khắc trên cột đèn, vách thành, những đoạn sử, những di vật tìm thấy trong lòng đất, Vương quốc này được xếp vào lịch sử thế giới bắt đầu từ thế kỷ thứ 1 sau Thiên Chúa giáng sanh. Trải qua một thời kỳ cực thịnh từ thế kỷ thứ 3 đến thứ 5, Phù Nam bị Vương quốc Chân Lạp xâm chiếm và tiêu diệt vào cuối thế kỷ thứ 6. Trên bản đồ, Phù Nam bị xóa hẳn tên, đến thế kỷ thứ 17 các Quốc vương Chân Lạp nhường cho Việt Nam để đền ơn bảo hộ ngai vàng. Từ đó, một phần lớn đất Phù Nam trở thành miền Nam Việt Nam ngày nay.

Vào giữa thế kỷ thứ 10, người Pháp chiếm Việt Nam, đô hộ Chân Lạp, bây giờ gọi là Cao Miên, nhận thấy nước này không có bộ sử, bèn sắp xếp các bản văn ghi công nghiệp của các đấng Tiên vương trên bia đá, cột đèn và Niên giám trong Hoàng triều dựng nên một quyển sử bắt đầu từ ngày vị Quốc vương đầu tiên xuất hiện, trong ấy, các khảo cổ gia Pháp cũng ghi rõ những nhà Vua vừa sáng lập Vương quốc Chân Lạp đã khởi binh xâm lăng và tiêu diệt nước Phù Nam.

Thế nhưng ở phần đầu bộ sử Cao Miên, người Pháp ghi một đoạn sơ lược về Vương quốc Phù Nam và cho rằng Phù Nam là tổ tiên của Cao Miên !

Chúng tôi soạn tập sử liệu này, cố nhiên không phải là một quyển sử, với mục đích ước mong chứng minh sự hiện diện riêng biệt của Phù Nam, một cường quốc xuất hiện trong lịch sử Đông Nam Á giống như La Mã trong lịch sử Âu Châu.

VỊ TRÍ PHÒNG ĐỊNH

Chiếu trên bản đồ thế giới hiện tại các khảo cổ gia phỏng định rằng Vương quốc Phù-Nam ở vùng hạ lưu sông Mékong, phía Đông choán cả miền Nam Việt-Nam ngày nay và một phần đất Chiêm-Thành. phía Bắc đến miền trung lưu sông Cửu-Long thuộc đất Lào, phía Tây Bắc một phần lớn thung lũng sông Ménam đất Thái-Lan và bán đảo Malacca (Mã-Lai). Giữa lúc Phù-Nam bành trướng thế lực thì Chiêm-Thành, Ai-Lao, Chân-Lạp, Thái-Lan chưa lập quốc và Việt-Nam còn ở miền Bắc và miền Trung.

Theo sử liệu Trung-Hoa thì từ thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 6, Vương quyền của Phù-Nam không những chỉ ở trong vùng lưu vực trung và hạ của sông Mékong mà thôi, lại còn lan rộng đến miền TENASSERIM trên vịnh Bengale. Nhờ các hải trấn nằm trên bờ vịnh Thái-Lan, Phù-Nam giao thương với các hải cảng SINGARA, LIGOR, XAIYA của nước Mã-Lai. Các vị Quốc vương nước này nhìn nhận Vương quyền Phù-Nam. Đối ngoại, Phù-Nam liên lạc về ngoại giao và thương mại với Trung-Hoa và Ấn-Độ.

Trước kia, các nhà khảo cổ Âu-Tây căn cứ theo sử Trung-Hoa và những tập ký ức của các Tùy-viên Sứ giả mà ước đoán vị trí của Vương quốc Phù-Nam như sau :

— Ông Ma-Touan-Lin (Mã-Đoàn-Lâm) người đời Tống (960 - 1280) ở Lạc-Binh tự là Quí-Dữ viết trong bộ VĂN HIỂN THÔNG KHẢO rằng Phù-Nam ở trong một đảo lớn về phía Nam quận Nhật-Nam, trong biển Tây cách Nhật-Nam 7.000 lý, (1) về phía Tây Nam cách Lâm-Ấp 3.000 lý, diện tích lãnh thổ rộng lối 3.000 lý.

(1) Một lý dài 400 thước tây.

— Trong quyển Sử ký Tư-Mã-Thiên có đoạn ghi rằng : Dưới triều vua Thành-Vương nhà Châu, năm Tân Mão (1109 trước Dương-lịch) có Sứ nước Việt-Thường sang triều cống chim bạch trĩ. Vị Sứ giả không biết đường trở về được Châu-công-Đản cho 5 xe Chỉ Nam để dò đường. Sứ giả đi qua xứ Phù-Nam, Lâm-Ấp về nước đúng một năm,”

— Đường thư chép : “Bà Lợi (P’o-Li tên của Phù-Nam) ở phía Đông Nam nước Chiêm-Thành, phía Nam có nước Chu-Nại, đến sau niên hiệu Vĩnh-Huy (Đường Cao Tông 650-655) bị nước Chân-Lạp chiếm.”

— Ông Klaproth và Pauthier cho rằng Phù-Nam ở vùng Pégou nước Miến-Điện.

— Ông Déguine cho Phù-Nam là một hòn đảo ở phía Tây nước Thái-Lan.

— Ông Abel Résumat cho Phù-Nam là một tỉnh của Trung-Hoa ở miền Bắc Việt-Nam.

— Ông Wilford cho Phù-Nam là một Vương quốc ở Mã-Lai.

— Ông Stanisla Julien cho Phù-Nam ở Thái-Lan.

— Ông Barth cho Phù-Nam ở Ấn-Độ.

— Ông Schelegel cho đất Thái bị một chư hầu của Phù-Nam chiếm đóng.

— Ông Bowring và ông Wade cho rằng Vương quốc Phù Nam ở Thái-Lan căn cứ theo danh từ Phù-Nam do chữ TCHE-TOU (Xích-thò) là một vùng đất đỏ nhờ phù sa bồi lên.

— Ông Aymonier cho rằng đất Phù-Nam gồm miền Nam nước Cao-Miên, bây giờ là miền Nam Việt-Nam.

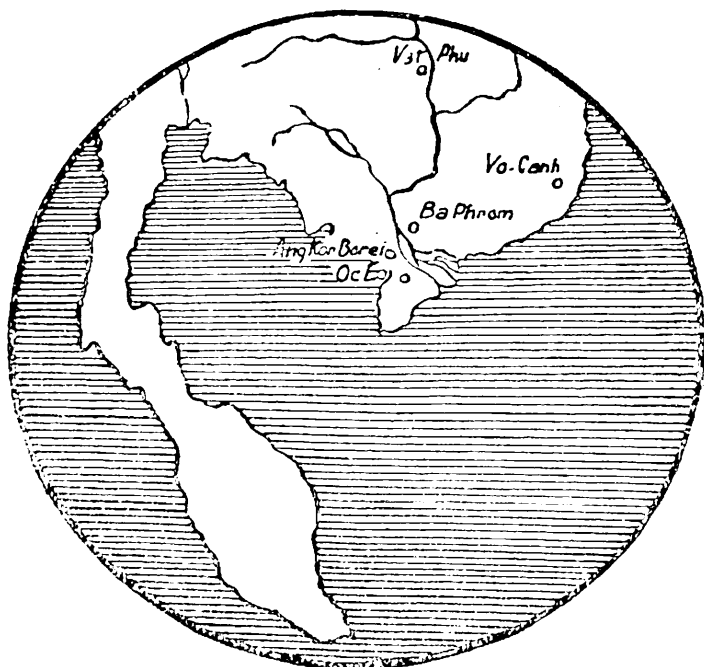
— Ông Blagden cho rằng Phù-Nam gồm đất Cao-Miên, Thái-Lan đến vùng Pégou ở Miến-Điện.

SỬ LIỆU

Phù-Nam là tên của người Trung-Hoa gọi quốc-gia này, phát âm giọng Quan thoại: FOU-NAN, đọc theo hai chữ B'IU-NAM là tiếng Miên thời xưa BNAM, ngày nay là PHNOM nghĩa là núi, hoặc đồi. Các vị Quốc vương Phù-Nam có tước hiệu là «VUA NÚI» (Sơn-Vương), tiếng Bắc Phạn (Sanskrit) là PARVATABHUPĀLA hay ÇAILARĀJA, tiếng Miên là KURUNG BNAM. Người Trung-Hoa quen dùng Vương hiệu gọi tên Vương quốc.

Lãnh thổ Phù-Nam xuất hiện từ đời Vua nhà Châu (Tcheou) ở Trung-Hoa vào thế kỷ thứ 12 trước Dương Lịch. Tương truyền thuở ấy vị Quốc vương Phù-Nam có gọi một phái đoàn Sứ giả sang Tàu. Nhưng giả thuyết này không được các sử gia nhìn nhận vì không có bằng chứng xác thực. Mãi đến đầu thế kỷ thứ 1 sau Thiên Chúa giáng sanh, người ta mới xác nhận việc Sứ bộ nước Việt-Thường (YUE-CHANG) tức là Việt-Nam, đến triều kiến Vua Thành Vương (TCH'ENG-WANG) nhà Châu (1115-1078) vào năm 1109 trước Dương lịch, cống hiến chim bạch trĩ. Bấy giờ việc triều chánh do Ông Châu.Công (TCHÉOU-KONG) liệu lý. Sứ giả Việt-Thường không biết đường về, Ông Châu.Công sáng chế xe Chỉ Nam cấp cho để dò đường, Sứ giả đi qua xứ Phù-Nam và Lâm-Ấp (LIN-YI) về nước đúng một năm.

Qua thế kỷ thứ 2, vua nước Tàu cử một phái đoàn Sứ giả đầu tiên do Ông Trương-Khiên (TCHANG-K'IENT) hướng dẫn theo đường bộ sang giao hảo chánh thức với các quốc-



Lãnh thổ PHŨ-NAM từ thế-kỷ thứ 1 đến thế-kỷ thứ 6.

○ Tên thị-trấn được biết.

gia ở Tây phương. Đến thị trấn BACTRIANE (1), Ông Trương-Khiên thấy nhiều cây tre và hàng lụa từ các vùng hiện thời là tỉnh Vân-Nam (YUN-NAN) và Tứ-Xuyên (Sseu-Tch'ouan) mang tới. Người địa phương cho ông biết

(1) Bactriane là đất của Á-Châu ngày xưa ở giáp giới Trung-Hoa và Nga-Sô, hiện thời bị nước Turkestan và Iran chia đôi. Thủ đô là BACTRES.

rằng họ mua các món ấy ở một quốc-gia rất thịnh vượng tên là Trầm-đô (?) CHEN-TOU (Ấn-Độ). Vị Sứ giả nghĩ đến những nỗi gian nguy của con đường trên hướng Bắc thường bị các bộ lạc du mục miền Trung Á cướp phá, nhất định dùng đường biển xuống hướng Nam mở cuộc bang giao với Ấn-Độ. Do đấy, người Tàu mới bắt đầu biết Vương quốc Phù-Nam trên đường vượt đại dương.

Cũng trong thế kỷ thứ 2, vào năm 166, phái đoàn Sứ giả của Hoàng-đế La-Mã MARC AURÈLE đến nước Giao-Châu (KIAO-TCHEOU) tức là Việt-Nam. Việc bang giao này bắt nguồn cho nước Trung-Hoa liên lạc với tất cả các quốc gia ở dọc theo hải phận từ Bắc-Việt đến Tây phương. Trong số ấy, cách xa biên thủy xứ Lâm-Ấp (LIN-YI) trên đất Trung Việt ngày nay có Vương quốc Phù-Nam giữ một địa vị rất quan trọng. Từ thế kỷ thứ 3 đến thứ 7, sử sách Trung-Hoa thường nhắc nhở đến lãnh thổ bị Ấn-Độ hóa này, hình như được xem là một trạm bắt buộc giữa đường từ Tàu sang Ấn. Đến thế kỷ thứ 7, tên Phù-Nam biến mất không còn để lại dấu vết nào cả

x X x

Sử Trung-Hoa ghi rằng :

«Vương quốc Phù-Nam ở về phía Nam ấp phong Nhật-Nam (JENAN) trong một cái vịnh lớn hướng Tây đại dương. Phù-Nam cách xa Nhật-Nam hơn 3.000 lý về phía Tây-Nam xứ Lâm-Ấp (LIN-YI). Thủ đô cách bờ biển 500 lý. Trong nước

có một con sông lớn chảy từ hướng Tây Bắc về hướng Đông đồ ra biển. Lãnh thổ này rộng hơn 3000 lý. Mặt đất thấp và bằng phẳng, Khí hậu và phong tục phần nhiều giống xứ Lâm-Ấp. Trong xứ sản xuất vàng, bạc, đồng, kẽm, trầm hương, ngà voi, con công, chim thẳng chài, chim két năm sắc lông.

Cách biên giới ở hướng Nam hơn 3.000 lý có nước ĐỐN-TỐN (TOUEN SIUN) trên đảo Malacca, bờ biển dốc đứng. Lãnh thổ này chỉ rộng hơn 1.000 lý, thủ-đô ở gần biển 10 lý, có 5 vị Quốc vương đều là chư hầu của Phù-Nam. Vị Lãnh Chúa ở phía Đông nước ĐỐN-TỐN liên lạc với nước Giao-Châu (KIAO-TCHEOU), phần đất ở phía Tây giáp với Ấn-Độ, với xứ Parthie và một xứ ở cực xa. Các nhà buôn bán đến rất đông trao đổi hàng hóa. Lý do là vì lãnh thổ Đốn-Tốn có hình vòng cung đâm ra biển hơn 1.000 lý. Mặt đại dương (tính từ vịnh Bắc-Việt đến Malacca) không có bờ và các nhà hàng hải chưa đi thẳng một mạch được. Ngòi chợ ấy là nơi hội họp của phương Tây và phương Đông. Hằng ngày chợ nhóm hơn mười ngàn người. Không có món gì thiếu, hàng quý, vật lạ, của hiếm đầy đủ. Ngoài ra có loại cây đề làm rượu giống cây lựu. Người ta lấy mật và bông bỏ vào lu nhiều ngày thì hóa thành rượu.

Ngoài khơi nước ĐỐN-TỐN có một hòn đảo lớn là xứ TÌ-KHIÊN (P'I—K' IEN) ở cách Phù-Nam 8.000 lý. Người địa phương thuật lại rằng vị Quốc vương cao 12 chân và cái đầu dài 3 chân, đã sống từ nhiều thời đại mà không chết và không ai biết Ngài bao nhiêu tuổi. Ấy là một nhà Vua thần. Ngài biết hết những việc làm quấy, phải của tất cả dân chúng và thông suốt tương lai, hậu vận của họ. Vì thế không ai dám cãi lệnh Ngài. Trong các nước ở phương Nam,

người ta gọi Ngài là «*nhà Vua cỡ lớn*» (1). Thờ dân cất nhà ở, mặc quần áo, ăn cơm không có chất nhựa. Tiếng họ nói hơi khác tiếng Phù-Nam. Trong xứ có một ngọn núi có vàng nổi trên đá nhiều vô số. Luật lệ trong xứ là ăn thịt kẻ có tội trước mặt nhà Vua. Dân chúng không chịu tiếp các nhà buôn ngoại quốc, nếu có người nào đến, họ giết chết và ăn thịt. Bởi vậy, không có người lạ nào dám ghé xứ ấy. Nhà Vua ở trên cung điện cất cao hơn nhà dân chúng, Ngài không ăn thịt.

(1) Trong quyển Nam Sử (NAN CHIE) khoản những năm 420-589 do ông Lý-Diên-Thọ (LI-YEN-CHEOU) soạn vào thế kỷ thứ 7 có ghi một đoạn nói về Phù-Nam giống trong quyển Sử ký nhà Lương. Tiêu sử của ông Lưu-Yếu (LIEOU-MIAO) ở đoạn 49 trang 6 ghi rằng ông sống vào cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 6, nổi tiếng nhờ tập sưu khảo. Ông TRẦM-ƯỚC (CHEN YU) tác giả quyển Sử ký nhà Tiền Tống, nhà học giả NHẬT-PHƯƠNG (JEN FANG) và các tay danh sĩ thời bấy giờ thường đến tham khảo ý kiến họ Lưu. Một hôm, ông TRẦM-ƯỚC nói:

— Quyển SÁNG VĂN (TSOUAN WEN) của HÀ-THỪA-THIỆN (HO- TCH'ENG-T'IENT) thật là tuyệt tác, có ghi sự tích của TRƯƠNG-TRUNG-SU' (TCHANG-TCHONG-CHE) và của «*Nhà Vua cỡ lớn*». Vậy nguồn gốc của những tích ấy ở đâu?

LƯU-YẾU đáp:

— Về việc TRƯƠNG-TRUNG-SU' bề cao 1 chân và 2 ngón chân căn cứ vào tập LUẬN HÀNH (LOUEN HENG, còn «*Nhà Vua cỡ lớn*» chính là Quốc vương nước TỈ KHIÊN (P'I— KIEN), trong quyển «*Phù nam vĩ nam ký*» (FOU NAN YI NAN KI), Ông Châu-Kiến-An (TCHOU-KIEN-NGAN) viết: «*Từ đời xưa đến ngày nay, nhà Vua vẫn còn sống*».

Ông Trầm-ước lấy hai quyển sách tìm xem, quả đúng như lời ông Lưu-Yếu.

và không thờ phụng Thần, Thánh. Con và cháu của Ngài cũng chết như người thường chỉ có Ngài là bất tử. Vị Quốc vương Phù-Nam (1) thường phái Sứ giả mang thư đến Ngài và Ngài hồi đáp luôn luôn. Ngài thường tặng Vua Phù-Nam chén đĩa làm bằng vàng ròng đủ 50 người dùng. Hình dáng chén đĩa có khi giống cái đĩa tròn lớn, có khi giống cái cốc rượu bằng đất nung gọi là ĐA-LA (TO LO) trọng lượng 5 thăng (CHENG) hoặc giống hình cái chén trọng lượng 1 thăng. Ngài biết chữ Ấn-Độ và viết nhiều bản văn, mỗi bản lối 3.000 chữ. Ngài ghi lại nguồn gốc tiền kiếp của Ngài giống như các kiếp trước của Đức Phật. Ngài cũng bình luận về việc làm phải, về điều thiện.

Người ta còn kể rằng về hướng Đông nước Phù Nam là biển rộng mênh mông. Giữa biển có một hòn đảo lớn. Trên đảo là quốc gia Chư-bạc (TCHOU-PO). Ở hướng Đông nước này là xứ MÃ-NGŨ-CHÂU (MA-WOU-TCHEOU). Nếu đi về hướng Đông trên đại dương thêm 1.000 lý nữa, ta sẽ đến một hòn đảo lớn gọi là TỰ NHIÊN ĐẠI CHÂU. Trên đảo có một cây sống trong lửa. Thờ dân ở gần đảo lột vỏ cây này xe chỉ, dệt thành một mảnh vải bề dài lối vài chân dùng làm khăn tay. Khăn này bề ngoài giống như khăn dệt bằng chỉ gai màu đỏ nhưng sậm hơn. Khi có vật gì dính vào khăn, người ta quăng vào lửa, khăn sẽ sạch như cũ. Người ta còn dùng vải ấy làm tim đèn, đốt không bao giờ hư hao.

Người Phù-Nam trước kia thích xăm mình và trần truồng, tóc để xỏa trên lưng và không biết quần áo gì cả. Trong nước có loại sấu lớn bề dài hai trượng (tchang) bằng 10 chân, sấu có 4 chân miệng rộng từ 6 đến 7 chân, hai hàm

(1) Chính là FAN SIUN (Phạm.Tâm)

răng bén nhọn như gươm. Chúng ăn cá nhưng nếu gặp díp chúng cũng ăn con nai hay người ta như thường. Ở phía Nam xứ Thương Ngô (TS'ANG-WOU) và trong các nước khác cũng có rất nhiều sấu».

x X x

Ông Khang Thái (K'ANG T'AI) viết trong quyển PHÙ-NAM KÝ (FOU NAN KI) dưới triều nhà Đông Ngô (222-265) như sau: «Từ Lâm-Ấp đến hải cảng ngay cửa sông LƯ DỤNG (LOU YONG) ở Nhật-Nam (JE NAN) độ hơn 200 lý. Từ đây, người ta xuôi miền Nam đến Vương quốc Phù-Nam và các nước khác. Người ta luôn luôn dùng hải cảng này để ra khơi».

x X x

Vào cuối thế kỷ thứ 5 đến đầu thế kỷ thứ 6, ông LÊ-ĐẠO-NGUYỄN (LI-TAO-YUAN) soạn quyển THỦY-KINH-CHÚ (CHOUEI-KING-TCHOU) có ghi hai đoạn quan trọng về Phù-Nam. Trong chương 36, trang 24, ông viết :

«Vùng đất này ngày xưa gọi là TƯỢNG-LÂM (SIANG-LIN) nay trở thành thủ đô nước LÂM-ẤP (LIN-YI), hướng Đông giáp biển, hướng Tây đến nước TỪ-LANG (SIU-LANG) hướng Nam giáp Phù-Nam, hướng Bắc giáp nước CỬU ĐỨC (KIEOU-TO) ..

Cũng trong chương 36, trang 29, ông viết :

«Dân rợ TỪ-LANG hay LANG HOANG (LANG-HOUANG) ở miền thượng lưu sông Lâm-Ấp. Đi về hướng Nam sẽ đến Vương quốc Phù-Nam.»

Sau đó, có người dùng tài liệu ấy viết một bài về Vương quốc Phù-Nam :

‘Căn cứ theo dữ kiện ghi trong quyển «Thủy-Kinh-chú», ông Trúc-Chi (TCHOU-TCHE) viết trong tập Phù-Nam-ký (FOU NAN KI) như vậy : «Vương quốc Phù-Nam ở cách Lâm-Ấp 4.000 lý, người ta có thể đến bằng đường bộ và đường biển. Xưa kia, Tướng ĐÀN-HÒA-CHI (T'AN-HO-TCHE) cầm quân theo đường sông vào thủ đô cách 6 lý từ vòng thành thương khẩu của «Những nhân viên Hải quân». (Con sông này có thể chảy ngang kinh đô nước Lâm-Ấp, Trên cây cầu ở hướng Đông là nơi Quốc vương Lâm-Ấp tên FAN-YANG-MAI (Phạm-Dương-Mại) giao tranh với Đàn-Hòa-Chi bị trúng thương ngã từ trên lưng voi, Giòng sông chảy về hướng Đông Nam ngang qua thương khẩu của «Những nhân viên Hải quân», bắt nguồn từ vùng man rợ ở ngoài lãnh thổ SIU-LANG (TỬ-LANG) còn gọi là LANG HOANG (LANG-HOUANG).

Từ thương khẩu xuôi theo giòng, người ta đến hồ nước hướng Đông của ngọn Trường giang. Nước tràn đầy mặt hồ và khi thủy triều lên thì chảy về hướng Tây. Trong một ngày một đêm nước lớn và ròng hai lượt, mỗi lần lớn thì dâng cao từ bảy hay tám chân. Tại đây đến tận hướng Tây, mỗi tháng có hai lần nước lên cao vào ngày mùng một và 15, mỗi lần trong bảy ngày, mực nước đến 16 hay 17 chân. Trong vòng 7 ngày lại có một lần nước lên ban ngày và một lần ban đêm từ 1 đến 2 chân. Mùa xuân, hạ, thu, đông đều giống như nhau, mực nước lên và xuống không xê dịch, nước không tràn và không rút bớt. Người ta gọi đấy là HAI-YUN (Hải

Vận) và cũng gọi là SIANG CHOUËI (Tượng-Thủy) và đặt tên con sông là TƯỢNG-PHỦ (SIANG P'OU).

x X x

Nhờ những chi tiết này, một danh sĩ uơ TẤN (TSIN 265 — 419) viết trong tập ký ức :

«Nước SUỐI VÀNG tinh khiết, sông Tượng phủ trong xanh. Suối, sông, cửa sông có nhiều côn trùng thật nhỏ cần lũng gồ, đục khoét thuyền bè. Trong vài mươi ngày, chúng có thể ăn hư một chiếc thuyền. Dưới dòng nước trong sạch có một loại cá mình đen, bề dài 5 trượng (tchang), đầu giống như ngựa, nằm chờ người ta lợi xuống thì cắn ngay».

Trong quyển Phù-Nam-Ký (FOU NAN KI) của TRÚC CHI (TCHOU TCHE) có ghi :

«Lãnh thổ ĐỐN-TỐN (TOUEN-SIUN) thuộc Vương quốc Phù-Nam. Vị Lãnh chúa tên CÔN-LÔN (K'OUEN-LOUEN). Trong nước có năm trăm gia đình người HỒ (HOU) và hơn một ngàn tu sĩ Bà La Môn người Ấn. Dân Đốn Tốn theo đạo Bà La Môn và gả con gái cho các tu sĩ này, vì thế rất nhiều tu sĩ không trở về cố quốc. Họ chỉ đọc kinh sách của Thần Thánh và dâng cúng ngày đêm những bình màu trắng đựng dầu thơm và bông hoa. Khi mang bệnh, họ mong được «điều táng» nếu không thể sống. Thân nhân khiêng họ ra khỏi thành phố vừa nhảy múa, vừa ca hát. Một bầy chim chờ sẵn xé thịt xác chết. Mớ xương còn lại được đốt ra tro bỏ vào một cái hũ quăng xuống biển. Nếu bầy chim không ăn, người ta bỏ thây kẻ bất hạnh vào một cái thúng. Người nào chọn lối «hỏa táng» thì đốt

xác chết, lấy tro bỏ vào hủ chôn xuống đất. Trong lúc tang ma, họ cúng tế liên tiếp nhiều ngày».

x X x

Sử ký nhà Bắc Tống (SONG 420-478) trong chương ghi về Âm nhạc có chép lại một bài hát do ông TRƯƠNG-HOA (TCHANG-HOUA 232-300) soạn cho Vua Thế tổ Võ đế (265-290) nhà Tây Tấn (TSIN 265-313) có câu : «*Nước Phù Nam nhờ rất nhiều người làm thông ngôn và dân Tú-thận (SOU-CHEN) mượn y phục*»

Quyển «Ngoại quốc truyện» (WAI KOUO TCHOUAN) có ghi 3 chương về Phù Nam:

«Chương 1 viết: «Khi trong nhà một người Phù-Nam mất đồ đạc, gia chủ lấy một cái hủ cơm đem vào đền thờ nhờ Thần Thánh chỉ bắt kẻ trộm. Hủ cơm để dưới chân Thần tượng. Hôm sau, gia chủ lấy hủ đem về gọi tất cả gia nhân chia mỗi người một miếng để ăn. Trong miếng kẻ gian có máu chảy ra, không nhai được. còn người lương thiện thì nuốt cơm như thường. Tục lệ này có từ xứ Nhật Nam (Je-Nan) đến cuối biên cương.

Chương 2 viết gần giống từng chữ trong tập LƯƠNG THƯ (LEANG CHOU) về loại khăn đốt không cháy.

Chương 3 viết: «Dân Phù-Nam rất cao lớn, họ ở trong nhà có chạm trổ và bày biện trang hoàng. Họ rất rộng rãi, thường bố thí và có nuôi nhiều chim và thú. Nhà Vua thích đi săn. Người nào cũng cỡi voi. Khi nào đi săn thì kéo dài nhiều ngày, nhiều tháng.»

Vào thế kỷ thứ 3, ông TÃ-TU (TSO-SSEU) viết một bài

phú nhan đề TAM-ĐÔ-PHÚ (SAN-TOU-FOU) nghĩa là bản văn nói về Ba Kinh đô mà một là thủ-phủ của nhà Đông Ngô (Wou 222-280) chính Ngô Vương đã phái ông Khang Thái (K'ANG T'AI) đến Phù-Nam. Tả-Tư viết rằng: Thuở ấy, nền văn minh Trung-Hoa lan rộng đến các quốc-gia: Ô-HỦ (WOU-HOU), LANG HOANG (LANG HOUANG), PHÙ NAM (FOUNAN), TÂY ĐỒ (SI TOU), các Tù Trướng xứ ĐẨM NHĨ (TAN EUL), xứ HẮC SĨ (HEI-TCH'É) các Hoàng thân xứ KIM LÂN (KIN-LIN), xứ TƯỶNG QUẬN (SIANG KIUN)

Đầu thế kỷ thứ 6, ông TƯ THỐNG (SIAO T'ONG) đem bài phú này vào tập VĂN TUYỀN (WEN-SIUAN). Vào hạ bán thế kỷ thứ 7, nhà bác học LÝ THIÊN (LI-CHAN) viết một bài bình luận nổi tiếng và đây là đoạn nói về bài Tam-đô phú : «Sách DI-VẬT-CHÍ (JI-WOU-TCHE) viết rằng : Ô-HỦ (WOU-HOU) là tên của một giống rợ ở miền Nam, lập xóm làng trong dãy núi sâu. Khi có người trong bộ lạc bị giết, họ ngồi tại chỗ người chết và chờ kẻ sát nhân. Nếu kẻ ấy đến, bắt luận là phải hay quấy, họ trả thù và ăn thịt ngay.

Người dân nước LANG HOANG (LANG-HOUANG) là giống rợ ở trên dãy Trường Sơn về hướng Tây nước Lâm-Áp. Ban đêm họ đi tìm vàng và biết được loại vàng nào tốt.

Dân Phù-Nam đặc biệt khôn khéo hơn, ta không thể làm lẫn với hai giống rợ sau này.

Người TÂY ĐỒ (SI-T'OU) nhuộm răng trắng ra đen bằng một thứ cỏ.

Người ĐẨM NHĨ (TAN-EUL) xâm lỗ tai.

Ngoài khơi xứ Phù-Nam có nước KIM-LÂN (KIM-LIN) cách xa lối 2000 lý. Trong nước có mỏ bạc, dân chúng rất

đông, họ thích săn voi và bắt sống để nuôi. Khi voi chết họ lấy ngà.

TƯƠNG-QUẬN (SIANG-KIUN) là ấp phong hiện thời của xứ Nhật-Nam (JENAN), ở đây còn có ấp phong TƯƠNG-LÂM (SIANG-LIN) nữa.

x X x

Nhà hiền triết trứ danh CÁT-HỒNG (KO-HONG) có ghi một thủ tục của nước Phù Nam trong quyển BẢO-PHÁT-TỬ (PAO-P'OU-TSEU) như sau :

«Trong nước Phù Nam có một loại kim cương có thể gạch bề cầm thạch, bề ngoài giống đá thạch anh. Kim cương ở dưới đáy biển sâu hàng trăm trượng (tchang) và trên mặt đá như thạch nhũ. Nếu ta lấy sắt đập, kim cương không hư bề trái lại sắt bị móp, nhưng nếu ta đập bằng sừng con trâu thì nó bề tan ngay.»

x X x

Ông VẠN-CHẤN (WAN-TCHEN) viết trong quyển NAM CHÂU DỊ VẬT (NAN TCHEOU YI WOU):

«Vương quốc Phù Nam ở phía Tây nước Lâm Ấp hơn 3000 lý. Trong nước có một vị Quốc vương là người dựng nên quốc gia này. Các chư hầu đều là quan chức và tướng soái bên tả, bên hữu của nhà Vua ; tất cả đều gọi là CÔN-LÔN (K'OUEN-LOUEN).

Nước ĐỐN-TỐN (TOUEN-SIUN) cách xa Phù Nam hơn 3000 lý vốn là một lãnh thổ riêng biệt. Một vị Quốc vương Phù Nam tên FAN-MÃN (PHẠM-MẠNG) rất can đảm đã chinh phục nước này. Hiện thời Đốn Tốn lệ thuộc Phù Nam.»

Dưới đời nhà TẤN (TSIN 265-419), ông KÊ-HÀN (KI-HAN) viết quyển NAM PHƯƠNG THẢO MỘC TRẠNG (NAN FANG TS'AO MOU TCHOUANG) sưu tập loại cây cối ở các lãnh thổ phương Nam có nói về vương quốc Phù Nam. Trong tập Thượng, trang 5, mục «Cây mía», gọi là CHU-GIA (TCHOU TCHO) như sau:

«Năm thứ 6 triều Thái Khương (T'AI K'ANG 285), vương quốc Phù Nam dâng lễ cống cây chũr giá dài ba gút mỗi trượng».

Trong tập Trung, trang 6, mục «Tiêu công nghệ» BẢO-HƯƠNG LÝ (PAO-HIANG LU) tác giả ghi:

«Năm thứ 6 triều Thái Khương (285), vương quốc Phù Nam dâng lễ cống 100 đôi giày gọi là Bảo hương lý. Hình dáng lạ lùng của đôi giày khiến Hoàng thượng thờ dài rất lâu và mỉm cười trước sự cầu tạo có vẻ thô kệch. Tuy nhiên Ngài truyền cất trong dãy kho ở ngoài để giữ đầy đủ sản phẩm của mỗi nước.»

Trong tập Hạ, trang 6, mục «Cây tre» gọi là VÂN KHÂU TRÚC (YUN-K'IEOU-TCHOU), tác giả ghi:

«Loại cây này gốc ở Phù Nam; sự thật thì ở Giao châu, Quảng đông (KOUANG-TONG) và Quảng tây (KOUANG-SI) có loại tre mỗi đốt dài hai trượng, vòng tròn từ một đến hai trượng là thường.»

x X x

Quyển Bách Khoa «THÔNG ĐIỀN» (T'ONG TIEN) soạn thảo vào cuối thế kỷ thứ 8 do ông ĐỖ-HẬU (TOU-YEOU) có một đoạn nói về Phù Nam ở hồi thứ 188, trang 12, không có gì mới mẻ ngoài một câu đề cập đến phái đoàn Sứ giả nước

này dưới triều nhà Tùy (SOUEI 581 — 618). Bấy giờ, người Trung Hoa ghi rằng tên tộc vị Quốc vương Phù Nam là KOU-LONG (CỒ-LONG) và trong lãnh thổ có rất nhiều gia đình mang họ này. Người viết sách thuật rằng khi hỏi thăm các cụ già thì được biết người dân K'OUEN-LOUEN (CÔN-LÔN) không có họ.

Trong quyển NGÔ LỊCH (WOU-LI) (1) có ghi : Năm HOÀNG VÕ (HOUANG-WOU 225), Vương quốc Phù Nam và các quốc gia khác đến triều cống những vật dụng bằng thủy tinh ». (NGÔ LỊCH HOÀNG VÕ TỬ NIÊN PHÙ-NAM CHƯ NGOẠI QUỐC LAI HIỂN LƯU-LY).

Trong quyển LƯƠNG TỬ CÔNG TỬ KỶ (LEANG-SSEU KONG TSEU KI) viết vào thế kỷ thứ 6, có câu : « Một chiếc thuyền lớn của Phù Nam ở hướng Đông nước Ấn Độ đem bán một tấm kiếng bằng lưu ly (P'o-li) xanh, đường kính đo được một chân năm ngón chân, cân nặng bốn mươi cân »

Trong « Tuyền tập » của NGÔ QUÂN (WOU KIUN) soạn vào thế kỷ thứ 6, trang 84 có một câu nói về loại mía ở Phù Nam : « Mía cao 3 đốt một trượng (10 chân). Khi ánh nắng chiếu vào mía khô lại, khi gió thổi mía uốn cong mình. »

Nhà sư Trung Hoa pháp danh NGHĨA TỊNH (YI-TSING) đi khắp các mặt biển miền Nam từ năm 671 đến 695 có ghi trong tập NAM HẢI KỶ QUI NỘI PHÁP TRUYỆN (NAN HAI KI KOU EI NEI FA TCHOUAN) trang 68 như sau :

« Từ nước Lâm ấp đi về hướng Tây Nam một tháng đến lãnh thổ BẠC-NAM (PA-NAN) mà người ta gọi vương quốc

(1) có lẽ là quyển Niên Lịch của nhà NGÔ (222-280) thường được nhắc trong phần bình luận của bộ TAM QUỐC CHÍ.

Phù Nam thuở xưa; đó là một nước dân chúng ở trần truồng. Người dân tôn thờ rất nhiều Thần Thánh. Kể đó, Phật giáo được truyền bá và lan rộng khắp nơi. Nhưng hiện thời, một vị Quốc vương hung dữ tiêu diệt tất cả không còn một nhà sư nào. Bọn tà giáo xâm lấn vào các nơi thờ phụng.»

Nhà sư Nghĩa Tịnh viết trong quyển ĐẠI ĐUỜNG TÂY VỨC CẦU PHÁP CAO TĂNG TRUYỆN (TA T'ANG SI YU T'IEOU FA KAO SENG TCHOUAN) rằng: «Các vị sư muốn đến nước Ấn Độ phải đi qua một ngàn con sông và vương quốc BẠC-NAM là hải cảng của con sông này. (NAM QUỐC HỮU THIÊN GIANG KHẦU DÃ). Sư ghi lại cuộc hành trình của ba vị tăng NGHĨA LĂNG (YI-LANG), NGHĨA HUYỀN (YI-HIUAN) và TRÍ NGẠN (TCHE-NGAN) đến nước Ấn như vầy :

«Khi đến WOU-LAI, lối hướng Tây PAKHOI chur tăng xuống một chiếc thuyền buôn vượt ngàn muôn cơn sóng đi qua vương quốc Phù Nam và bỏ neo ở xứ LANG-KIA (1) (Lang già).»

x X x

TÂN ĐUỜNG THU, (SIN T'ANG CHOU) quyền Sử ký mới của nhà Đường (618-906) do hai ông ÂU-DƯƠNG-TU (NGEOU-YANG-SIEOU) và TỔNG KỶ (SONG-KI) soạn hồi thế kỷ thứ 11 có ghi một đoạn nói về Phù Nam :

«Vương quốc Phù Nam ở về phía Nam xứ Nhật Nam (JENAN), đất đai thấp như nước HOÀN VƯƠNG (HOUAN WANG) tức Lâm Ấp (Người Trung Hoa gọi Lâm Ấp là Hoàn Vương từ năm 757, nhưng sau đời Tân Đường (906) thì bỏ

(1) Địa danh cũ của đảo Tích Lan, thuở ấy người Ấn gọi là LANKA.

danh từ này). Tại thủ đô có vách tường bao bọc thành phố, lâu đài, cung điện và nhà cửa dân chúng. Nhà Vua mang tên tộc là CỒ-LONG (KOU-LONG). Ngài ở trong một vọng lâu cao hai tầng. Vòng thành cất bằng lũy gỗ. Người ta lợp nhà bằng lá tre. Khi nhà Vua ra ngoài, Ngài cỡi voi. Nước da dân chúng đen, tóc quấn, không mặc quần áo. Họ trồng lúa một năm và gặt ba lần. Trong nước có loại kim cương bề ngoài giống như đá thạch anh, người ta tìm thấy rất nhiều dưới lòng sông và trên núi đá. Dân chúng lặn xuống nước mò kiếm dễ dàng. Kim cương có chất cứng có thể gạch bề cầm thạch nhưng nếu đụng nhằm cái sừng con trâu thì bề tàn ra. Người Phù Nam thích đá gà và cho heo cắn lộn. Họ đóng thuế bằng vàng, trân châu và dầu thơm. Nhà Vua đóng đô ở thành ĐẶC-MỤC (T'Ô-MOU). Thành lĩnh thủ đô bị nước Chân Lạp (TCHEN-LA) xâm chiếm, nhà Vua phải lui về phía Nam ngự trong thành NA-PHẮT-NA (NA-FOU-NA). Dưới triều VÕ ĐỨC (WOU-TO 618-626) và TRỊNH QUÁN (TCHENG-KOUAN 627-649) Vua Phù Nam có phái Sứ giả sang triều cống.

Cũng trong quyền sử này có đoạn nói về Chân Lạp (TCHEN-LA) :

“Dưới triều TRỊNH QUÁN (TCHENG KOUAN 627-649), Quốc vương KSATRIYA ICANA đánh dẹp nước Phù Nam và chiếm lãnh thổ nhưng Phù Nam vẫn còn giữ được thanh danh.”

Trong đoạn nói về nước Ấn Độ có ghi : «Miền Đông nước Ấn Độ là bờ biển, giáp ranh với Vương quốc Phù Nam và Lâm Ấp. Ấn Độ sản xuất kim cương, củ nghệ và trầm đem

đồi thờ sản nước ĐẠI TẦN (TA TS'IN), Phù Nam và Giao Châu.

Thủ đô Phù Nam có một thời tên VYĀDHAPURA, «thị trấn thợ săn», người Trung Hoa gọi là Đặc-Mục (T'Ō-MOU) có lẽ là tiếng nói theo danh từ Miên DMĀK hay DALMĀK cùng một nghĩa ấy. (1) Thành phố ở gần ngọn đồi BAPHNOM người Tàu gọi là Ma-đam (MO-TAN) và làng BANAM thuộc tỉnh Preyvang mà hiện thời hai địa danh này vẫn còn tồn tại. Sử ký nhà Lương (LEANG 502-556) chép rằng thủ đô Phù Nam ở cách bờ biển 500 lý (200 cây số). Đây là gần đúng khoảng cách vùng BAPHNOM với hải cảng ÓC EO, hoặc một thị trấn nào gần bờ biển. Lãnh thổ này có nhiều sông rạch nên người Trung Hoa có thể ngồi thuyền qua đất Phù Nam đến bán đảo Mã Lai. Phù Nam nằm trên con đường biển giữa Trung-Hoa và Ấn Độ thời bấy giờ.

Ngoài ra, dân Phù Nam còn tập trung ở 3 địa điểm :

— Hải cảng ÓC EO ở gần núi Ba thê thuộc tỉnh Rạch Giá,

(1) Trong quyển INSCRIPTIONS DU CAMBODGE tập 2 trang 110 ông Coedès viết ; «Có thể VYĀDHAPARA có nghĩa là «thị trấn của nhà Vua săn bắn» và nêu ý kiến của nhà khảo cổ M.O.W. Wolters cho rằng trong tập T'AI-PING-YA-LAN có thuật lại cuộc tiếp xúc của vị Tùy viên Sứ giả Trung-Hoa Khang Thái (K'ANG TAI) với Triều đình Phù Nam. K'ANG TAI ghi : «Một vị Quốc vương Phù Nam tên Hồn-bàn-Huống (HOEN-P'AN-HOU-ANG) có tài đánh bắn bắt nhiều thớt voi lớn trong rừng đem về dạy làm việc nhà. Vài quốc gia láng giềng kính phục tài nhà Vua chịu thần phục Vương quốc PHŨ NAM.»

— Thị trấn THNOL MOROY, người Pháp dịch là «Ville des cent rues : thành phố trăm đường» ở về phía Nam Đông-Nam Rạch Giá, ngay giữa Đồng Chim,

— Thị trấn ANGKOR BOREI thuộc tỉnh Takeo (Cao-Miên) ở phía Bắc tỉnh Châu-Đốc.

Dấu tích nước Phù Nam hiện nay còn lại là 4 tấm bia đá khắc chữ Bắc Phạn (Sanskrit), 2 tấm chạm hình Thần Vishnou tìm thấy ở miền Nam Việt Nam (Đồng Tháp Mười) và phía cực Nam Cao-Miên, một tấm chạm hình Phật đào được ở Bati, phía Nam thủ đô Phnom Penh, một tấm ở Võ-Cạnh (Nha Trang). Bốn tấm bia này khắc vào thế kỷ thứ 5 và thứ 6.

HẢI CẢNG ỐC EO

Vào tháng 2 năm 1944, Ông Louis Malleret, nhà khảo cổ Pháp đến vùng Ốc Eo thuộc xã Mỹ Lâm, tổng Kiên Hảo, tỉnh Rạch Giá, năm 1957 đổi là quận Kiên Thành, tỉnh Kiên Giang, khai quật di tích một thành phố bị sụp đổ trong lòng đất. Đó là hải cảng Ốc Eo của Phù Nam, nơi tiếp đón các thương thuyền ngoại quốc, tên xưa là UR KÊV, có nghĩa là lay chuyển, xô đẩy, làm chấn động. Cờ nhân gọi như thế có lẽ để ghi dấu một thị trấn bị chôn vùi vì địa chấn hoặc vì hồng thủy đã mang đất phù sa đổ xuống quá nhiều và một cách bất ngờ. Giả thuyết này có phần đúng hơn là một nhà khảo cổ Pháp cho rằng chữ UR KÊV gần giống như chữ Ô-KEO của người Miên có nghĩa là "con rạch quý giá", "rạch kim cương", vì các nhà địa chất học ngày nay tính rằng hằng năm sông Mêkong mang ra biển từ 500 đến 1.200 triệu thước khối phù sa bồi ngay mũi Cà-Mau trở lên phía Bắc đến Vàm sông Cái Lớn (Rạch giá), bãi biển lớn ra tuy chậm nhưng rõ thấy rõ ràng. Do đấy, người ta ước đoán rằng thuở ấy bờ biển còn nằm trong xa, ngay chỗ tìm thấy di tích thành phố Ốc Eo rồi do một trận thiên tai, phù sa đổ sụp xuống chôn vùi vào lòng đất. Và từ đấy mỗi năm bồi thêm một ít cho đến bây giờ bờ biển cách hải cảng lối 25 ngàn thước ! Ngoài vùng Ốc Eo, người ta còn tìm thấy nhiều chiếc ghe lớn có cột buồm nằm sâu ở phía Tây U-Minh thượng (An-Xuyên), những dãy sò ốc, vỏ ốc nằm lộ thiên hàng ngàn thước ở Giồng Đá, xã Bàn-tân-định (Rạch Giá) và ở giữa khoảng núi Sập, núi Ba Thê. Hai

vùng sò ốc này đến nay chưa được nghiên cứu hoặc khai quật kỹ lưỡng vì nạn chiến tranh, nhất là vùng thứ nhì gọi tắt là “sò” ở gần Ốc Eo.

Ông Malleret nói rằng ông được biết sự hiện diện của hải cảng này trong lịch sử từ đầu năm 1942 do một món nữ trang bằng vàng của một nông phu bắt gặp khi vỡ ruộng trong một vùng không có tên ở tỉnh Rạch Giá. Có người mô tả hình dáng vật ấy giống như sợi giây nịt kết bằng nhiều mảnh vàng móc nối với nhau, có người cho rằng giống như cái mào chạm hình bông hoa, có người lại nói là chiếc vòng đeo ở cổ. Ông nhất định tìm hiểu sự thật nhân dịp đi khảo sát về các dấu tích xưa cũ trong phần đất thuộc tỉnh Châu đốc, Long xuyên, Rạch Giá và Hà Tiên. Ngày 3.4.1942, ông chú ý đến một tượng Phật nhỏ bằng đồng kiểu mẫu ít khi có, đề trên bàn thờ một ngôi chùa ở Ba Thê. Người bơi xuồng đưa ông đi nói rằng người ta tìm được tượng Phật ấy trong vùng đã phát giác món vật kể trên.

Sự thật người Việt quanh vùng đã đào gặp nhiều món nữ trang bằng vàng từ 5, 6 năm trước. Những mảnh vàng hình rồng khắc chữ nhỏ, khắc chữ Thọ, chữ Phước, hình ngỗng thần, bò thần theo đạo Bà-la-môn được nấu thành vàng khối đem bán ở Phnom Penh vì người tìm được sợ bị tịch thu và bắt bớ. Một nhà báo thời ấy đăng bài phóng sự phóng đại tin này làm kích động thêm tánh tham của dân chúng. Hàng ngàn người ở khắp nơi đổ xô đến đào xới. Hàng quán, tiệm mua vàng, cầm đồ mọc đầy như cái chợ, có cả hát bội, cải lương! Chánh quyền địa phương ra lệnh ngăn cấm, bắt người đào và kẻ mua. Người ta ước lượng số bảo vật mất đi nhiều bằng 9 phần 10 số còn lại hiện thời.



*Huy chương vàng chạm hình Vua ANTONIN LE PIEUX
tìm thấy ở ỐC EO*

Sau nhiều tháng nghiên cứu sử sách và các hình chụp trên
tàu bay để tìm địa điểm hải cảng, Ông Malleret quả quyết rằng

món nữ trang kia sản xuất đồng thời với nhiều món khác đã xuất hiện trước đây và nhất định do một đô thị cũ kỹ mà ra. Theo tài liệu và hình ảnh thu thập được, ông thấy một vòng đai vuông vức lối một ngàn năm trăm (1.500) thước mỗi góc, như thế, thành phố xưa kia chiếm lối 225 mẫu, nhưng đến khi quan sát tại chỗ, ông nhận thực là một hình chữ nhật ngang 1500 thước, dài 3000 thước, tính luôn cả vòng thành là 450 mẫu, bằng phân nửa diện tích thủ đô ANGKOR THOM của Cao-Miên thời xưa. Căn cứ vào những dấu vết trên đất, ông cho đào 22 nơi và tìm thấy 12 di tích kiến trúc hiện chỉ còn lại những nền móng chìm dưới mặt đất 60 phân. Trong số này có di tích quan trọng của hai ngôi đền lớn. Một ngôi còn lại nhiều căn phòng với vách tường cao gần bốn thước, một ngôi lát sàn bằng nhiều viên đá hoa cương có chạm trổ hoặc không, kết dính nhau bằng lỗ mộng. Một viên đá lát nguyên khối này bề dài 3 thước 15, bề ngang 2 thước 75, dày 0th.28. Sau cùng có nhiều viên đá hoa cương không biết cò nhân dùng làm gì, đục đẽo sơ sài, sắp xếp giống hình một căn phòng hình chữ nhật, hoặc chất thành đồng cũng theo hình vuông dài, một linh phù (linga) bằng đá tạc giống như thật bề cao 1 thước 73 nằm dưới đất, một tượng đá lùn tạc thân trên của người đàn ông nghiêng mình trên chân trái duỗi thẳng. Rải rác chung quanh các công trình kiến trúc này, nhà khảo cổ tìm thấy chén bát, lu, hũ bằng đất nung, khí cụ làm ruộng, những đồ dùng nhỏ bằng đồng và nữ trang. Có nơi ông thấy các món nữ trang nằm trên cát và xem xét các dấu vết gần đấy ông có thể suy luận đó là nhà kim hoàn. Ông cũng thấy những căn nhà sàn giống như nhà của đồng bào ở các tỉnh có nước ngập. Tiếp tục đào sâu thêm một thước tám (1th.80) ông thấy nhiều xương cốt của người và thú vật, vỏ ốc và chén bát bằng

đất nung. Xem xét những món vật nặng cột theo chài lưới, ông cho biết dân chúng sống với nghề đánh cá. Hiện thời tuy từ Ốc Eo ra đến bờ biển cách 25 cây số, nhưng người ta có thể quả quyết vào thời ấy, hải cảng này ở sát mặt nước. Ngoài những hột chai nhuộm màu và có mài mặt, những viên kim cương thuộc hạng nhì như hồng mã não mà nhà khảo cổ tìm thấy có viên đang làm dang dở; ông cho rằng có thể các đồ vật bằng đất nung được làm tại chỗ vì ông thấy một cái vò bằng gỗ để đập đất gần giống như vò của người Cao Miên dùng hiện nay. Tiếp tục đào xới khắp vùng, ông tìm thấy:

— vết tích những căn nhà sàn bằng vật liệu nhẹ, nền vách đèn thờ xây bằng gạch và đá hoa cương.

— nhiều lưới búa bằng đá mài, nhiều đồ dùng bằng đất nung,

— hàng ngàn hột chuỗi bằng thủy tinh và đá quý,

— hơn 60 bảo thạch, ấn, ngọc chạm bằng nhiều loại mã não, thạch anh,

— lối 100 cồ vật bằng đồng, tượng nhỏ và búa phù bằng thiếc, vài cồ vật bằng sắt,

— trên 1.000 mỹ trang phẩm đủ loại (nhẫn, hoa tai, vòng) bằng vàng nguyên chất, cân nặng cả thảy trên 1.000 grammes,

Trên một diện tích 75 thước vuông có 107 loại đồ vật được ghi làm bằng chứng trong ấy có 576 viên ngọc bằng đá cứng hoặc bằng thủy tinh thường thường tạc theo hình nhỏ nhiều màu như xanh dương, xanh lá cây, đỏ, nâu, vàng hay đen, tất cả nằm rải rác trên một bình diện 48 thước vuông. Những món vật bằng kim khí không được nhiều, một xâu chuỗi vàng, hai viên chuỗi bằng thau, phân nửa cái chuông nhỏ

bằng đồng và hai món đồ bằng bạc, một phần đồng tiền và một miếng dẹp hình vuông khắc hình con ốc biển ở giữa. Ngoài những mảnh vàng rải rác trong lớp cát chỉ có hai miếng cắt sắt được tìm thấy mà thôi. Ngoài trừ một cái bình nhỏ có nắp bằng đất nung và một cái giá bốn chân, những chứng tích về loại đồ gốm đều là mảnh bể không còn hình dáng gì cả.

Vài miếng ngói dợn sóng mỏng đã bể nằm trên mặt cát, phía dưới lớp đất có nhiều mảnh gạch vụn. Theo một di tích của căn nhà còn lại dưới lớp đất có nhiều miếng vàng nhỏ mỏng hoặc viên tròn lớn nhỏ khác nhau từ một phần mười ly đến hai ly. Vài món nhin bằng kiếng hiển vi cho thấy dấu vết của khí cụ rạch từng đường thật nhỏ đúng là tác phẩm của thợ kim hoàn. Gần đây có một cái núm của nắp đậy bằng đồng và một cái hủ dề lật úp bên trong có vài miếng đất nung bể và nhiều mảnh than. Một đầu cột sàn nhà đường kính 20 phân còn đứng sâu dưới đất, một đoạn cột khác nằm dài trong bùn. Hai cái giếng đào ở ranh đô thị về hướng Đông Nam và Tây Bắc.

Căn cứ vào kỹ thuật chế tạo các đồ vật trên và đối chiếu các bản văn khắc trên đá, người ta phỏng ước rằng văn minh Ốc Eo đã phát triển vào giữa thế kỷ thứ 2 và thứ 3 Dương lịch và toàn thịnh từ thế kỷ thứ 3, thứ 4. Trong tổng số đồ vật tìm được, người ta phân biệt loại bản xứ và loại "du nhập". Loại sau này có tính cách đặc biệt quan trọng, nó chứng minh và xác định một thời kỳ thịnh vượng của nền thương mại Phù Nam, đồng thời cũng có ảnh hưởng sâu đậm đối với ngành mỹ thuật xứ này.

Loại đồ vật Ấn Độ có rất nhiều :

— một đầu tượng Phật bằng đồng kiểu Gandhara (thuộc Trường phái Bắc Ấn vào thế kỷ thứ 1),

— nhiều chiếc nhẫn vàng chạm nổi hình bò thần NAN DIN, con bò của thần Çiva cỡi,

— ấn có khắc chữ Phạn và chữ Brahmi (ở vào thế kỷ thứ 2, thứ 5),

— Ngọc chạm chìm hình phụ nữ tể Thần Lửa, hoặc dâng hoa, chứng tỏ đạo Bà-la-môn phái thờ thần Çiva đã truyền bá ở Phù Nam.

Kế đến là *cổ vật Trung Hoa*, một mảnh gương bằng đồng đời Hậu Hán (25-220) và tượng Phật nhỏ bằng đồng đời nhà Ngụy (386-557).

Đặc biệt nhất là *cổ vật La Mã* gồm có:

— một huy chương vàng chạm hình Vua ANTONIN LE PIEUX đánh dấu năm 152 Dương lịch,

— một đồng tiền vàng chạm hình MARC AURÈLE,

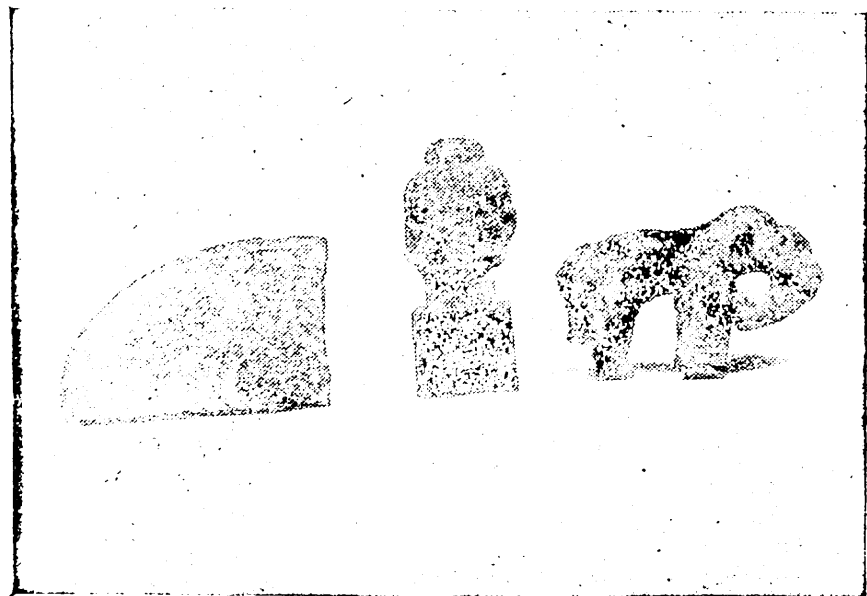
— một loại ngọc (mã瑙) chạm hình như hình chuột kéo xe có gà ngồi trên, hoặc thủy tinh có chạm lõng một cách «hoa tinh»,

— nhiều *cổ vật* bằng đồng, thiếc, kẽm do các nước miền Địa Trung Hải sáng chế,

— một *cổ vật* Ba-Tư thời SASSAMIDE (226-652 Dương lịch).

Các *cổ vật* liệt kê trên đại loại từ thế kỷ thứ 2 đến thứ 5 minh chứng rằng từ các thế kỷ đầu Dương lịch, Vương quốc Phù Nam đã có giao thương với nước Trung Hoa, Mã Lai, Ấn Độ, La Mã Trung Đông. Không những hải cảng Óc Eo chỉ

tiếp thương thuyền các quốc gia mà thôi, cả những chiếc KOLANDIA là chiến hạm hạng lớn chở hàng hóa của thương gia trong các tỉnh ở vương quốc La Mã sát cạnh Hồng hải.



- Một mảnh gương bằng đồng đời nhà Hậu-Hán (25-220).
- Đầu tượng Phật bằng đồng, tóc búi trên đỉnh đầu.
- Tượng con voi bằng đồng.

Các cổ vật «bản xứ» cho biết thị trấn Óc Eo là một trung tâm công nghệ rất phong phú. Sản phẩm bằng đồng, thiếc cũng như nữ trang bằng vàng, vàng nạm ngọc thạch đạt đến một kỹ thuật tinh vi. Riêng nghề nấu thủy tinh và nghề chạm ngọc thạch, mã nào cũng rất điêu luyện.

Người đời sau thắc mắc không hiểu vì sao vùng Óc Eo bị chôn dưới lớp cát ? Nhìn vào những món vật khai quật được, các nhà khảo cổ có thể chứng minh là dân chúng đã hấp tấp rời bỏ một cách vội vàng đến nỗi những đồ quý giá như nữ trang, vàng bạc cũng không kịp mang theo. Phải chăng có một thiên tai hãi hùng rơi xuống vùng Óc Eo.? Theo tài liệu địa chất học thì mỗi năm hầu hết miền tam giác châu sông Cửu Long đều bị ngập lụt. Chất phù sa do sông này mang theo bồi đắp thêm cả vùng, ước lượng lối một tỷ rưỡi thước khối. Trong mấy tháng mưa, nước sông chứa nhiều phù sa hơn tháng nắng.

Ông Malleret cho rằng sự bành trướng của miền tam giác châu tương đối chậm. So sánh các bản đồ từ năm 1552 đến nay, ta nhận thấy không có sự khác biệt bao nhiêu. Ông nói rằng vùng Óc Eo hằng năm đều chịu cánh ngập lụt, bằng có là những nhà sàn tìm thấy trong lòng đất. Riêng Óc Eo bị vùi lấp có lẽ do một trận lụt kinh hồn thỉnh linh đồ ụp bùn lầy, phù sa xuống thành phố. Thiên tai có thể xảy ra vào khoảng cuối thế kỷ thứ 7. Quan sát chung quanh, người ta thấy ở những nơi thấp lớp phù sa dày lối 2 thước, nơi cao (đất giồng) lối 6 tấc. Trung bình mỗi năm sông Cửu Long bồi một lớp đất dày từ 0,0005 đến 0,00016 thước hay lối 0,05 đến 0,016 thước mỗi thế kỷ. Các nhà địa chất học gọi là «phù sa mới» thuộc thời Pleistocènes (phù sa cũ thuộc thời Holocènes).

THỊ TRẤN THNOL MOROY

Thị trấn THNOL MOROY, còn gọi là THNAL MRAY thị trấn "trăm đường", đã được nhắc nhắc nhở từ lâu. Năm 1931, Ông LUCIEN BOUSCARDE, Thanh Tra Học Chánh ở Bạc Liêu ngồi thuyền theo ngã kinh CẠNH ĐỀN đến QUAN LỘ đi vào nhưng bị lạc giữa đồng hoang nên không thể ấn định rõ rệt vị trí của thị trấn.

Năm 1938, người ta càng bàn tán nhiều hơn. Có người cho rằng nơi đó là một địa điểm đóng quân của Vua Gia-Long trong lúc chống nhà Tây-Sơn, và gọi tên là LIẾP ĐÁ, LIẾP BÀN, LIẾP VƯỜN, ĐỀN CÔNG CHÚA, hoặc NỀN CÔNG, CHÚA. Người Việt gốc Miên nói rằng đây là một thành phố xưa có nhiều đường lộ hoặc bờ đê nên mới có tên THNOL MOROY, thị trấn trăm đường.

Tháng 4 năm 1938, trong lúc công tác ở SÓC TRĂNG, ông MALLERET được một người Việt gốc Miên hướng dẫn theo ngã CÀ MAU xuôi giòng sông Trẹm và sông CẠNH ĐỀN qua vùng sinh lầy đến một giải đất rộng mà người dân đường thả thật không còn biết gì thêm nữa. Trên giải đất này, ông MALLERET tìm thấy một miếng đá lát bằng diệp thạch, vôi, mảnh đá cát (Hoa cương thạch) và nhiều mảnh nôi, niêu, chén hũ bẻ. Vùng này hoàn toàn hoang vắng bấy giờ thuộc xã VĨNH PHONG, tổng THANH YÊN tỉnh Rạch Giá. Người Việt gốc Miên dời đi nơi khác trong năm 1926-1927 lúc tên CHUCHOC nổi loạn. Trên mặt đất có vài dấu vết đào xới. Người ta quá



Chiếc nhũn hình bò thần NANDIN

quyết rằng một vị tu sĩ ở ẩn trong vùng đã tìm được nhiều thoi vàng.

Cuộc tìm kiếm được tiếp tục vào tháng 4 năm 1943 do ông Lucien Bouscarde, lúc ấy giữ chức Thanh Tra Học Chánh liên tỉnh ở Long xuyên đã khám phá được nhóm gò đồng đắp cao trên ấy có nhiều viên gạch và mảnh chén, nồi bễ rất giống với loại ở Ốc Eo.

Tháng 4 năm 1944, Ông Malleret cùng với ông Bouscarde theo một con kinh mới đào bề dài 1.300 thước phía trong Cạnh Đền để tránh vùng lầy mà ông đã gặp năm 1938. Hai ông tìm thấy rất nhiều vỏ sò ốc trong vùng đất đã san bằng và một đồng lớn vỏ sò huyết không lồ chứng tỏ nơi đó xưa kia là bờ biển. Dọc theo bờ kinh có vỏ sò mảnh nồi chén bễ mang những nét vẽ giống loại ở Ốc Eo, ngoài ra cũng có vài kiểu khác lạ. Nhiều mảnh vỡ thật lớn chứng tỏ là lu hay hủ to. Ông Malleret gặp một cái hủ nguyên vẹn nhiều cổ và chân hủ, những mảnh gạch nai, nhiều xương người và thú vật. Người dắt đường đưa ông đến một địa điểm, nơi đó một ngày trước, có người vừa tìm được sáu cái sọ người nằm gần nhau. Đồng bào trong vùng đã đề sáu đầu lâu trên bờ kinh và dự tính sẽ giết heo cúng tế trước khi chôn cất. Ông Malleret thấy bốn cái còn nguyên vẹn, một cái bẻ nát và cái thứ sáu bị người nào ăn cắp mất hồi hôm. Nơi tìm thấy đầu lâu này có rất nhiều xương người ở cách đây lối 50 thước về phía Đông. Không có một bộ xương nào còn nguyên vẹn. Ông đem hết về Saigon luôn cả những đốt xương sống và xương tay, xương chân vừa đào gặp. Ông dò lòng kinh mới đào thấy nhiều nơi sâu từ 1 thước 20 đến 1 thước 30, có nơi 1 thước 50. Chính mộ xương tàn nằm sâu trong lòng đất từng ấy thước. Trên đó

giữa 50 phân và một thước là vỏ ốc, từ 50 phân trở lên là mảnh lu, chén bề. Không ai thấy dấu vết nhà sàn hay đá ong. Cuộc nghiệm xét mặt trong một hồ nuôi cá đào sâu 2 thước 30 cho thấy đất sét màu sậm pha trộn với phân cây có màu đen choán hết bề cao cái hồ không có xếp từng tầng rõ rệt, đến lớp cát ở giữa cũng không có. Hai gò đất cao cách nhau lối 20 thước, chung quanh có nhiều viên đá cát lớn bao phủ giống các gò đất ở Ốc Eo. Đá chất thành hình tròn bề cao từ 4 đến 5 thước trong ấy có một ít gạch. Đá cát này rất mịn như đá ở núi Sập.

Tại ngôi miếu gọi là miếu ông Vua hay miếu Hoàng tử Cảnh có hai phiến đá thờ gọi là Pesani và một tượng đá hình dương vật (linga). Trong nhà một nông dân ở Cảnh Đền có một phiến đá tròn có cạnh. Tất cả những đá thờ, xương người và vỏ sò đều tìm được trong lúc đào kinh. Ngoài ra còn có một miếng cẩm thạch để làm nữ trang, một miếng đá phiến nham thạch màu xanh dợt giống hình một hoa tai, một chiếc nhẫn có mặt để gắn đá, một miếng kim khí hình tròn có vòng đeo và nhiều viên đá tròn để kết làm vòng đeo cò, tất cả rất giống những loại nữ trang tìm thấy ở Ốc Eo. Trong nhà một đồng bào, ông Malleret thấy một cái bầu tròn, một cái đĩa có chân bằng đồng đóng mốt xanh giống loại đã tìm thấy ở Tráp đá và Ốc Eo.

Theo bà E. GÉNET VARCIN, những xương người này thuộc giống người Nam Dương quần đảo gọi là giống Protomalais ở các hải đảo miền Nam di dân lên. Giống người này cùng loại với những người Thượng ở Việt Nam, người Kha, người Boloven ở Lào, người Penang, Bahnar, Plén ở Cao Miên, người Dayak ở Bornéo.



Hột mã-nảo chạm hình hai con chuột kéo xe do gà cầm cương

BỐN BẢN VĂN PHẠN NGỮ (SANSKRIT) CỦA PHŨ-NAM

Bốn bản văn này, hai bản ghi trên mặt tường trụ đá tìm được ở Đồng tháp mười (Kiến Phong) và ở Bati (Cao Miên), một bản ghi trên bia đá ở Võ Cạnh (Khánh Hòa) và một bản ghi trên bia đá ở tỉnh Takeo (Cao Miên).

BẢN THỨ NHẤT khắc trên một tường trụ ở cửa tò vò bằng đá phiến nham tìm thấy trong những khối đá đổ vỡ của đền Prasat Pram Lovek ở Đồng tháp mười. Người ta khiên phiến đá ấy đến Tòa Hành chính Sadec khoảng năm 1878—1879 và mãi đến năm 1928 mới đem về Viện bảo tàng Saigon.

Bản văn gồm 22 hàng chia làm 12 đoạn truy niệm sự cung hiến một hình tượng chạm dấu chân vị thần Vishnou gọi là CHAKRATIRTHASVAMIN. Theo lời văn ghi lại thì tác giả là Thái-tử GUNAVARMAN, chác chắn mấy đoạn đầu thuộc về vị Quốc vương cha của Thái-tử hoặc các đấng Tiên vương gần nhất, tiếc thay mặt chữ đã mòn nhiều chỗ. Người ta chỉ được biết bản văn ghi vị Quốc vương, cha của Thái-tử GUNAVARMAN, thuộc dòng dõi Vua KUANDINYA, đã giao cho con chỉ huy một lãnh thổ “chinh phục được trên vùng bùn lầy”, nghĩa là đã tháo nước cho khô ráo phù sa sông Cửu Long tạo nên cánh Đồng Tháp mười ngày nay.

BẢN VĂN (1)

Đoạn 1. (Mòn hết)

Đoạn 2. ... ân huệ của người... Vua Ja... do cánh tay của ai, vùng Biển sữa bị tát cạn trở thành một hồ Thần-đơn (2).

Đoạn 3. . . . trong trận chiến với nhà Vua tên Vira... Caturbhuja . . .

Đoạn 4. . . . âra bị lửa thiêu hủy . . .

Đoạn 5 . . . hoa sen . . . trên mặt đất . . . tất cả . . . quân đội đối phương . . . nhờ người mà trên thế gian này có vô số đền thờ thần Bhagavat xây cất với nhiều của cải.

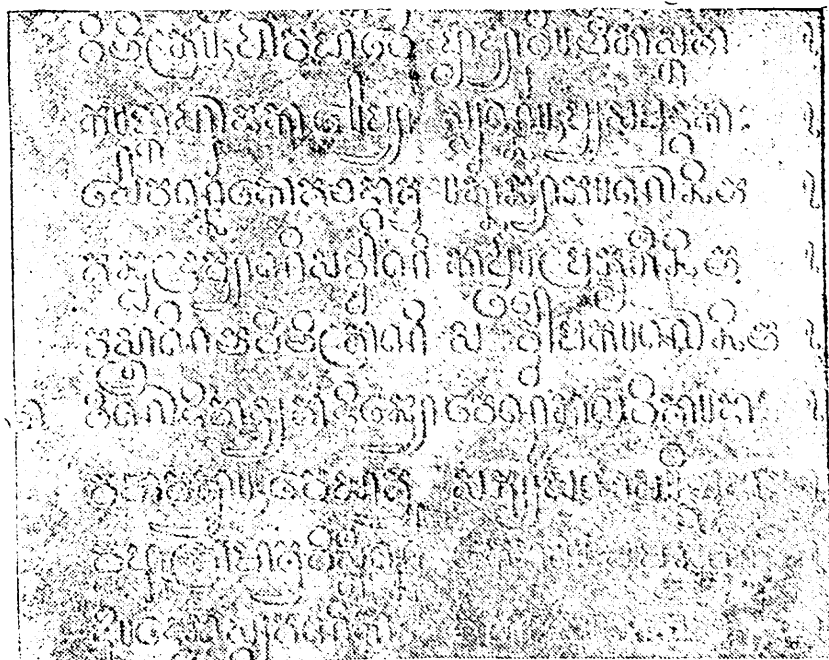
Đoạn 6. Nhà Vua đã cưới một người đàn bà đẹp có một dáng đi . . . và một thắt lưng xinh xắn, sanh đứa con trai tên Gunavarman, tâm hồn cao thượng và trí thông minh . . .

Đoạn 7. Do nhà Vua gặp vận may có dáng đi hùng dũng của vị thần Vikramin và chính là «Mặt trăng» của giòng dõi Tiên vương Kaundinya, vị Thái-tử này, dù còn nhỏ tuổi, đã được chỉ định lãnh đạo một địa phương sung đạo chinh phục trên bùn lầy, nhờ Ngài là người có đạo đức và phẩm hạnh.

Đoạn 8. Do Thái-tử Gunavarman... của bà mẹ Ngài, đã đặt trên mặt đất dấu chân của thần Bhagavat, dấu chân mà cách trình bày với sắc thái không thể so sánh được do Ngài xây dựng, (Ngài) không còn muốn hình ảnh nào khác trên đời nữa.

(1) Những dấu chấm là nguyên văn mòn hết.

(2) Thức ăn của thần thánh.



Đoạn 9. Ngày thứ tám, đầu chân này cúng dâng chư thần do các vị tu-sĩ Bà-la-môn thông hiểu kinh Vệ Đà, kinh Upaveda và kinh Vedanga, giống như những người bất tử, đã nhận những huấn điều trong kinh điển Cruti, tuyên bố danh xưng trên mặt đất là Cakratirthasvamin.

Đoạn 10. Mong rằng người sùng đạo đối với vị thần ngự tại địa điểm đã kính dâng lên thần Ới Cakratirtha, điều thiện.... của Thái-tử Gunavarman đạo đức, hiểu thuận và nhân từ hoặc người nào chỉ đi vào (đền), sẽ đến nơi yên nghỉ tối

cao của thần Vishnou với tâm hồn hoan hỉ, giải thoát được nghiệp chướng xấu xa của mình.

Đoạn 11. Người nào được Gunavarman là vị Thái-tử rất chuộng sự công bình ký thác cho thần Bhagavat phải tuân theo lệnh Ngài, tùy theo sự sắp xếp của tất cả tu-sĩ Bhagavatas, những kẻ khốn khổ không được bảo vệ và những kẻ làm việc tại nơi ấy, chiếu theo luật định, kẻ nào làm trái ngược qui tắc sẽ sa xuống địa ngục của Diêm-vương Yama cùng với những kẻ mang năm trọng tội (1)

Đoạn 12. Mong rằng người có tâm hồn cao thượng sẽ làm khởi sắc những điều tốt đẹp của thần Bhagavat... được đến nơi yên nghỉ tối cao của thần Vishnou và đạt được một thanh danh to tát, vui hưởng niềm hạnh phúc vô biên.

x X x

BẢN THƯ NHÌ được Thiếu-tá-de Lajonquière báo cáo lần đầu tiên, khắc trên một miếng đá phiến nham trước kia dùng làm tường trụ và sau đó lại dùng làm mi cửa mặt ngoài, phía dưới cánh cửa hông hướng Nam của cổng vào hướng Đông, trong vòng thành trung ương của ngôi đền Ta Prohm (tỉnh Bati). Năm 1920, theo lời yêu cầu của ông Georges Maspéro bây giờ giữ chức vụ quyền Công-sứ ở Cao-Miên, sở Mỹ-thuật Miên gò miếng đá ấy đem về Viện bảo tàng Albert Sarraut ở Phnompenh.

Bản văn viết bằng Phạn ngữ (Sanskrit) gồm có một số hàng không thể xác định và lời hai mươi hàng có thể nhận ra. Sáu đoạn đầu và hai đoạn kế có thể phiên dịch hoàn toàn, 6

(1) Năm tội lớn nhất là: giết một tu-sĩ Bà-la-môn, say rượu, ăn cắp, ngoại tình với vợ thầy mình và đồng mưu với một trong 4 tội kẻ trên.

đoạn tiếp theo chỉ đọc lỏm bỏm nhưng cũng có thể dịch được, từ hàng thứ mười ba, mặt đá mòn nhiều thái quá không nhìn ra chữ.

BẢN VĂN

Đoạn 1. Vinh diệu thay cho kẻ chiến thắng được kẻ thù là tất cả sự đam mê với những dấu vết của chúng (mầm móng, nghĩa là sự đam mê trong trạng thái ngủ say). Vinh diệu thay cho kẻ đạt được trạng thái hoàn toàn trong mọi việc mà lý trí không nhận chân những chướng ngại, hiểu được kinh Jina với lòng từ bi và hướng vào hạnh phúc của người khác, mà điếm vinh quang vĩ đại và không có tí vết truyền bá trong khắp lãnh vực của không gian.

Đoạn 2. Sau khi cứu vớt được thế giới đắm chìm trong lòng đại dương của ba điều kiện tạo dựng (ưa nhục dục, nhục thể, vô hình) và đạt tới Niết Bàn là vùng đất cao nhất không thể thấy được, không thể so sánh được.... đấng Tôn sư ấy mà những thánh tích nhắm vào sự tạo hạnh phúc cho muôn loài, hiện nay vẫn còn ban bố hạnh phúc cho kẻ khác.

Đoạn 3. (Nhà Vua) mặc dù ở địa vị cao cả cũng không xem một đức hạnh nào như là không có ý nghĩa, và giống như một báu vật đội trên đầu.... đứng trên muôn loài, và cố gắng chiêm nghiệm tất cả đức tánh của Hoàng gia hợp lại, Quốc vương Çri Rudravarman này quả là người duy nhất của đấng Hóa công tạo nên ở thế gian.

Đoạn 4. Tất cả việc thiện của nhà Vua rất mực trung thành với Phật pháp (dharma)... mục đích thực hiện những ý định tốt của Ngài đối với thế gian và không phải (để thực

hiện) những việc làm của tên Ksatrija trái ngược với ý Ngài.

Đoạn 5. Đấng từ thân của nhà Vua này là Quốc vương Jayavarman bổ nhiệm người con của một tu sĩ đứng đầu giới tu sĩ Bà la môn giữ chức Thanh tra Tài sản,

Đoạn 6.... Đức Thích ca, Đức Dharma, Đức Sangha, mỗi vị với tất cả đức tốt, tru tú.... người thực hiện mọi hành vi của một Upasaka, không bị sa ngã...

(Từ đây đến cuối, chữ mờ không thể đọc được. Hai đoạn đầu tỏ lòng tôn kính Đức Phật, hai đoạn kể tỏ diễm vinh quang của Quốc vương Rudravarman, đoạn 5 ghi đấng từ thân của nhà Vua là Quốc vương Jayavarman bổ nhiệm một người con của vị tu sĩ Bà la môn giữ chức Thanh tra Tài sản, Đoạn tiếp nối chắc chắn ghi lời khen tụng của viên chức này và của gia đình ông ta cùng thuật lại việc xây cất vài ngôi đền dưới triều Vua Rudravarman)

x X x

BẢN THỨ BA tìm thấy ở làng Võ Cạnh hay đúng hơn ở ven làng Phó Vân hoặc Phú Vinh, tổng Xương Hà, huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa. Bản văn ghi trên một bia đá hoa cương kích thước mặt ngoài lối 1 thước 53 x 0 thước 72 x 0 thước 67, bề cao toàn diện hơn 2 thước 50, phần ghi chữ lối 1 thước 40, bề cao của chữ 0 thước 04, viết bằng Bắc Phạn (Sanskrit). Xưa kia, bia được dựng gần một ngôi tháp xây bằng gạch dấu vết còn thấy đến năm 1901 mới tuyệt tích,

Toàn thể bản văn rất khó đọc, chỉ có 8 câu chót có thể hiểu từng đoạn, mục đích ghi lại cuộc xây dựng ngôi đền thờ

của vị Quốc vương kế nghiệp Vua Çri Mara. Cờ nhân khắc chữ trên hai mặt bia, mỗi hàng viết từ mặt này sang mặt kia chứ không phải chữ trên mặt trước thuộc trang 1, chữ mặt sau thuộc trang 2.

BẢN VĂN

. . . lòng trắc ẩn đối với muôn loài... trận chiến thắng thứ nhất . . . Ngày trăng tròn, Người tuyên bố trong buổi họp theo vị Quốc vương ưu tú của tất cả Quốc vương rằng : «Ta muốn (bá quan) uống giọt nước thánh của lời nhà Vua phán !»

Người . . . thuộc giòng Vua Çri Mara, người được danh dự cùng huyết thống với (Vua) Çri Mara đã tuyên bố giữa (buổi họp) những kẻ ấy, lời nói đầy hảo ý đối với muôn loài. Người là bậc ưu tú nhất của hai «Karin», khi ngự trên ngai vàng, Người xem xét tình trạng bất an của thế gian, mà rằng :

«Khi con Trầm và em Trầm cùng người nào khác được thỏa mãn ý muốn chiếm tài sản làm của riêng... những gì (tạo thành) kho tàng của Trầm, bạc, vàng, những vật hay đời đời và bất động, tất cả món ấy, Trầm cúng hiến cho họ với niềm vui sướng và sự lợi ích (cho muôn loài). Đây là lệnh của Trầm : Những vị Quốc vương sắp đến phải làm cho phù hợp ý Trầm Cũng phải biết bầy tôi của Trầm tên Vira...»

(Ý nghĩa về tình trạng bất an của thế gian, lòng trắc ẩn đối với muôn loài, sự hy sinh tài sản cho kẻ khác, tất cả những đặc tánh mà vị Quốc vương kế nghiệp Vua Çri Mara biểu thị lòng rộng rãi của mình là một bản văn quá rõ rệt thuộc về Phật Giáo. Những nhà Vua theo Bà la môn thường cúng hiến vô số tài sản vào các đền thờ, không bao giờ nghĩ đến việc

giúp đỡ mọi người bằng số tài sản thặng dư. Tinh thần của Đức Phật Acoka thể hiện trong bản văn này).

x X x

BẢN THỨ TƯ ghi trên phiến đá nham được ông R. Dalet tìm thấy trong một đồng đá ở gần miếu thờ ông Tà Dambang Dek thuộc xã Khvao, quận Prei Sandek, cách ngôi chùa Somavodei lối 200 thước, trong tỉnh Treang, nay gọi là Takeo.

Bản văn gồm 18 hàng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) chia làm 5 đoạn. Từ cuối hàng thứ bảy nhiều chữ bị lu mờ không thể đọc được.

Lời văn nói về việc lập một tu viện thờ thần VISHNOU có một hồ nước và một tư thất do Hoàng hậu Kulaprabhavati, Chánh cung của Quốc vương Jayavarman coi sóc.

BẢN VĂN

Đoạn 1. Cho người nặng lòng suy tưởng yên giấc ngàn thu nơi lẫm tằm này là vùng Biển sữa, nằm trên giường đầy những rắn Sesa uốn cong mình; chúc người yên nghỉ nơi đây gồm ba thể giới trong lòng mình, người nằm đây có một đóa hoa sen mọc từ cuống rún, bảo vệ Hoàng hậu, Chánh cung của Quốc vương Çri Jayavarman.

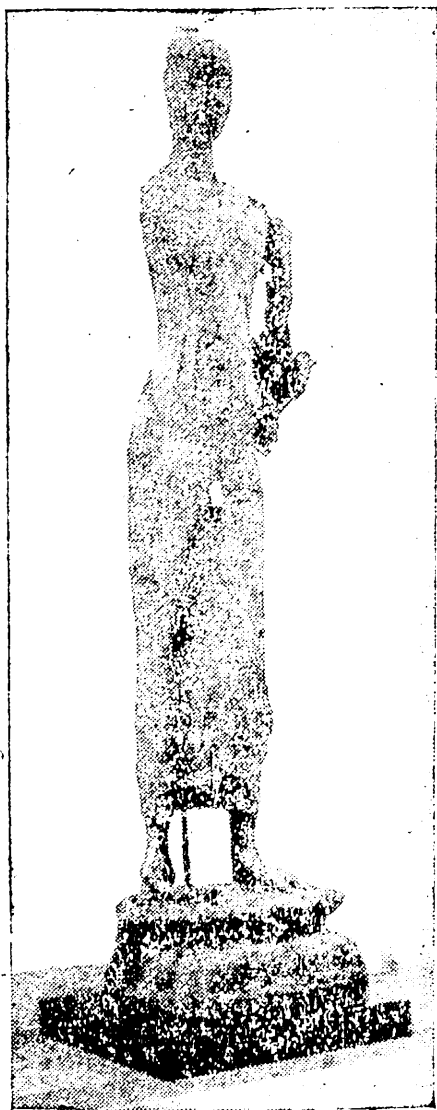
Đoạn 2. Hủy danh là Kulaprabhavati, Hoàng hậu giúp gia đình Bà thịnh vượng nhờ đức hạnh của Bà. Bà được Quốc vương Jayavarman khen tặng như một giáo lý nhờ vào sự chiến thắng (những kẻ khác) của Ngài.

Đoạn 3 nơi cư ngụ của tín đồ Bà la môn giáo tại thành Kurumba... đã dựng một tượng thần trang sức bằng vàng... với tâm tư chịu nặng vì những kết quả không tốt của việc làm... dù có điều vui vẻ nhưng thiếu niềm hạnh phúc.

Đoạn 4. Nồi danh trên hoàn vũ như Hoàng hậu, như Chánh cung Saci của Quốc vương Sakra, Svaha của Thần Lửa, Rudrami của Hara và Sri của Sripati, rất muốn được kết duyên với Quốc vương Sri. . . . đã nhiều phen nhận xét sự bất nhưt của nhà Vua trên thế giới

Đoạn 5. Rất thân mật với Quốc vương Çri Jayavarman đã nhận như là người bạn của Bà và hưởng nhiều hạnh phúc... đã ý thức rằng việc thụ hưởng điều lạc thú chóng tàn như bọt nước... (bà xây cất) một tu viện có hồ nước và một tư thất

(Bản văn này do ông U.N. Ghoshal phiên dịch chữ Sanskrit ra Anh ngữ)



*Tượng Phật bằng gỗ dưới triều PHÙ NAM tìm được ở
Đồng tháp mười*

TRIỀU ĐẠI PHÙ NAM

LIEOU - YE (? - ?)

Nguồn gốc của vương quốc Phù Nam được ghi trong quyền «Sử ký Tư-mã-Thiên» về đoạn Sứ giả Việt Thường nhờ kim chỉ nam của ông Châu Công đi về nước, ngang qua Phù Nam và Lâm Ấp có nói nước Phù Nam đang có một vị Nữ vương tên SAY-LIÊU trị vì. Ông Mã-đoàn-Lâm trong quyền «Văn hiến thông khảo» ghi rằng Phù Nam có một Nữ vương tên DIỆP-LIÊU mạnh mẽ, còn trẻ tuổi rất giống con trai, can đảm phi thường, nổi danh trong những cuộc chinh phạt các quốc gia láng giềng. Người Pháp phiên âm danh từ DIỆP LIÊU là LIEOU-YE hoặc YE-YE (1) và cho rằng có nghĩa là «LÁ DỪA». Người Tàu cho là «LÁ DƯƠNG LIÊU».

Không ai biết được gì thêm về Triều đại này vì Lieou-Ye không biết chữ nên không để lại di tích nào và chưa có bang giao nước Trung Hoa nên người Tàu không nhắc trong sử của họ.

(1) Người Pháp cho rằng «có thể» xưa kia ở Phù Nam có một «ngành họ tên LÁ DỪA» cũng như họ đã tìm thấy trong lịch sử nước Chiêm Thành.

KAUNDINYA (? - ?)

Sử liệu đầu tiên nói về Phù Nam là tập ký ức của K'ANG-TAI (Khang Thái) và TCHOU-YING (Châu Ưng), hai vị Sứ giả Trung Hoa giữa thế kỷ thứ 3 Dương lịch. Bản chánh tập ký ức này đã mất nhưng nhiều đoạn còn rải rác trong các Niên giám và các tập «Bách khoa toàn thư», hợp với một bản văn viết bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) vào thế kỷ thứ 3 Dương lịch chứng minh được lịch sử của quốc gia này vào hai thế kỷ trước.

Theo ông K'ANG-TAI (Khang Thái) thì vị Quốc vương Phù Nam thứ nhất tên KAUNDINYA (1) phiên âm là HOUEN T' IEN hay HOUEN CHEN, người Việt dịch là HỒN ĐIỀN. Nhà Vua là người ngoại quốc, có lẽ từ Ấn độ, bán đảo Mã lai hay về các đảo từ phía Nam, nơi đó, sử Trung Hoa chép rằng có một vương quốc tên là KIẾU (KIAO). Ngài rất tôn sùng các vị thần Bà la môn nên thần cảm động. Một hôm, Ngài nằm mơ thấy vị thần trong gia đình cho Ngài một cây cung và truyền lệnh Ngài xuất dương trên một chiếc thương thuyền lớn. Sáng hôm sau, Ngài vào đền thờ làm lễ và thấy cây cung ở dưới gốc cây, bèn dong buồm ra biển, gió thần đưa thuyền đến đất Phù Nam. Vị Nữ vương Lieou-Ye thấy người lạ liền xua quân cỡi thuyền nhẹ ra định đánh cướp bị Kaundinya bắn một phát tên thần xuyên qua thuyền đến tận chỗ Nữ chúa đứng, trúng một tên quân. Licou-Ye hoảng sợ, xin đầu hàng và chịu kết duyên với vị Hoàng thân

(1) Kaundinya theo đạo Bà la môn gốc ở Motie (Ấn độ) nơi mà vào giữa thế kỷ thứ 3 người Trung Hoa gọi là WOU-WEN; ông thuộc vào một ngành họ nổi danh trong vùng Tây Bắc nước Ấn.

Ấn độ, lập nên vương quốc Phù Nam. Ngài không bằng lòng thấy vợ trần truồng, lấy tấm vải xếp lại trồng từ trên cò để che thân. Đoạn, Ngài cai trị lãnh thổ tự xưng là «Đại Hoàng đế nước Phù Nam» lấy theo vương hiệu RÂJÂDHIRÂJA của Ấn độ. Ngài sanh một Hoàng tử và cấp cho 7 thành phố làm ấp phong.



Một món nữ trang : hình con ruồi mang viên ngọc.

Chắc chắn cốt truyện này là biến thể của một huyền thoại Ấn độ nói về vua Kaundinya và công chúa SOMÂ, ái nữ

của Vua Rắn bảy đầu. Truyền thần tiên này được khắc trên bia đá tìm thấy tại Mỹ Sơn đất Chiêm thành, nay thuộc tỉnh Phú Yên. Truyền chép rằng Vua Kaundinya lãnh một cây giáo do thần AÇVATTHAMAN con của thần DRONA tặng. Ngài phóng xuống đất để chỉ nơi Ngài sẽ xây đế đô tương lai, rồi Ngài phối hôn với SOMÂ (1), ái nữ của thần Rắn NAGA và sáng lập một vương triều, sanh một dòng Vua cai trị đất Phù Nam.

Ngoài việc dạy đàn bà mặc chần thay vì đồ trần truồng, Vua Kaundinya đem văn hóa Ấn độ, chữ viết và luật pháp truyền bá trong dân gian. Đây là sự "Ấn độ hóa" ở Phù Nam lần thứ nhất.

(1) Cuộc phối hợp huyền bí này còn được duy trì dưới triều đại ANGKOR vào cuối thế kỷ 13 bằng một cuộc lễ do vị Tùy-viên Sử giả Trung-Hoa CHÂU-ĐẠT-QUAN (Tchéou-ta-Kouan) ghi trong tập ký ức «Chân Lạp phong thổ ký» như sau : «...Tôi có nghe nói rằng ở trong cung có nhiều chuyện lạ lùng lắm, nhưng có một lệnh cấm vô cùng nghiêm nhặt không cho ai thấy. Nhà Vua ngủ trong ngôi tháp bằng vàng giữa cung. Nhiều nhà tai mắt trong nước thuật với tôi rằng: xưa kia trong tháp ấy có một nàng tiên ẩn vào hình con rắn chín đầu là vị tiên bảo hộ cho quốc gia dưới triều đại của một vị Quốc vương. Nàng tiên ấy mỗi đêm biến thành một thiếu nữ đi tìm nhà Vua để ân ái. Nhà Vua đã có vợ nên bà Hoàng Hậu không dám vào cung trước một giờ nào đó, nhưng sau hai tiếng gõ làm hiệu cho biết nàng tiên đi rồi nhà Vua mới có thể tiếp Hoàng Hậu hay mấy bà vợ khác. Nếu nàng tiên không đến một đêm đó là dấu hiệu nhà Vua sắp băng, nếu nhà Vua vắng mặt trong cuộc hội ngộ thì người ta có thể tin chắc rằng sẽ có một trận hỏa hoạn hoặc những thiên tai khác»...

HOUEN-P'AN-HOUANG (?-917)

Sử ký nhà Lương (Leang 502-556) chép rằng một trong những người con của Vua Kaundinya là HOUEN-P'AN-HOUANG (Hỗn-Bàn-Huống), sanh năm 127 Dương lịch. Ngài nối ngôi Vua cha, dùng mưu phân chia lãnh thổ làm nhiều chư hầu và gieo rắc sự nghi ngờ giữa các Lãnh chúa. Đoạn, Ngài cầm quân tấn công và dẹp hết tất cả vị này, giao cho con, cháu trấn đóng, gọi là Tiều vương. Ngài thăng hà năm 90 tuổi, vào đầu thế kỷ thứ 3.

HOUEN-P'AN-P'AN (917-920)

Người con thứ tên HOUEN-P'AN-P'AN (Hỗn-Bàn-Bàn) nối ngôi theo cuộc bầu cử. Tân vương rất tôn sùng việc thờ cúng thần Çiva. Ngài giao binh quyền cho một tướng lãnh tên ÇRI MÂRA, người Trung Hoa gọi là FAN-MAN (PHẠM MẬU) đề nghị ngôi, Sau ba năm ở ngôi, nhà Vua thăng hà.

FAN.CHE.MAN (920-925)

Theo sử Nam triều nhà Tề (Ts'i 479-501) toàn danh của FAN.MAN là FAN-CHE-MAN (Phạm sử Mậu). Tướng Fan-Che-Man được dân chúng bầu lên ngôi Vua. Ngài là một tướng can đảm đầy mưu lược, nối chí Tiên vương xua quân chinh phục lân bang trên lục địa và trên mặt biển khiến Ngài nổi tiếng lẫy lừng. Ngài bành trướng thế lực rộng lớn, người thời bấy giờ tôn Ngài là «Phù Nam Đại vương». Ngài lập một hải cảng chi phối mặt biển, đóng nhiều chiến thuyền lớn và vượt khắp đại dương.

Sử ký nhà Lương (502-556) chép rằng : «Ngài tấn công

10 vương quốc và kể tên 3 vương quốc, trong số này là K'IN-TOU-K OUEN có lẽ là miền Nam Trung Việt, KIEOU-TCHE và TIEN-SOUEN ở vùng Ligor (Mã lai). Ngài mở mang bờ cõi rộng năm hay sáu ngàn lý (hơn 3000kms), Ngày nay người ta khó tìm những vương quốc này, nhưng có thể đoán rằng các nước ấy thuộc vào những vùng thung lũng sông Mékong, phần đất ở biên hồ TONLÉSAP (Cao Miên) và vùng đồng bằng, ở phía Nam là một phần đất Mã Lai, phía Tây là miền dưới Miến Điện.

Ngài cũng chiếm được phần lãnh thổ chạy dài từ khoảng sông Mékong-Đồng Nai đến vịnh Cam Ranh và Nha Trang nơi mà sau này người ta tìm được bia đá ở Võ Cạnh mang tên ÇRI MÂRA.

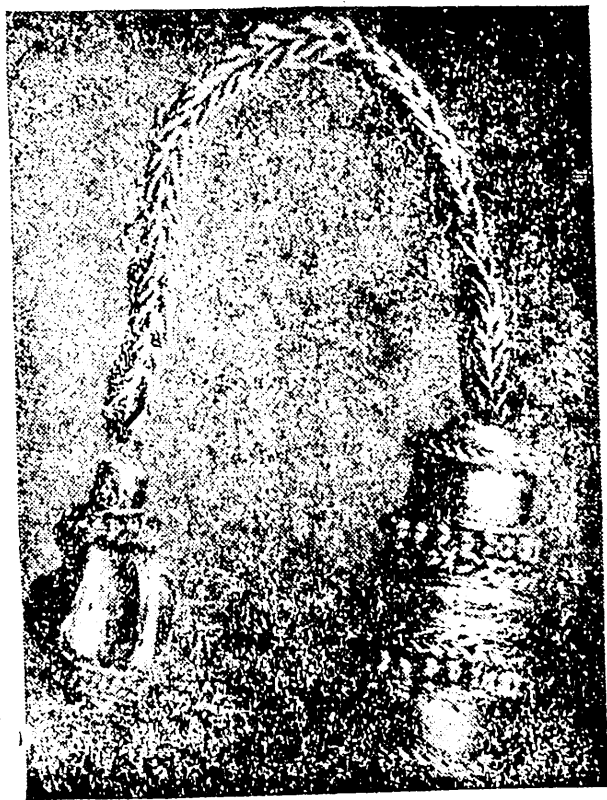
Người Trung Hoa cho rằng Vua FAN-CHE-MAN bị bệnh và thăng hà năm 225 Dương lịch giữa lúc ông cầm binh chinh phạt một quốc gia tên KIN-LIN (Kim-Lân) «biên giới vàng». Người ta cho đây địa danh ở SUVANNABHUMI «đất vàng» theo các bản văn viết bằng chữ Nam Phạn (PALI) hoặc ở SUVARNAKUDYA «vách tường vàng» theo các bản văn viết bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) thuộc miền Nam Miến Điện hay bán đảo Mã Lai. Trước khi lâm chung, Ngài giao ngai vàng cho Thái tử tên FAN-KIN-CHENG (Phạm.kim.Sanh) và truyền lệnh cho con tiếp tục cuộc hành quân.

FAN - KIN - CHENG (225)

Thái tử FAN-KIN-CHENG (Phạm.kim.Sanh) là người con trưởng, bị người anh bà con tên FAN-TCHAN (Phạm-Chiêu) ám sát. Phạm-Chiêu là con người chị cả của Quốc vương

Phạm-Mậu tức là cô của Phạm-kim-Sanh. Ông có 2.000 thũ hạ và sai đến gặt Vua rồi hạ sát để đoạt ngôi.

Quốc vương Phạm-Mậu khi thắng hà có một người còn còn bé tên FAN-TCH'ANG (Phạm-Trường) sống trong dân chúng nên khỏi bị hại.



Giây chuyền vàng có kỳu cài.

FAN-TCHAN (225-245)

FAN-TCHAN (Phạm-Chiêu) lên ngôi. Ngài là một tướng lãnh nắm binh quyền trong nước. Triều đại của Ngài ở vào năm 225 đến 250 Dương lịch. Để củng cố địa vị, năm 228 Dương lịch, Ngài sai Sứ giả triều cống Vua Tàu, bấy giờ là Ngô-tôn-Quyền dưới thời Tam quốc phân tranh. Đây là lần đầu tiên, Phù Nam thông hiếu với Trung Hoa. Năm 229, Thử sử nhà Ngô ở Giao Châu (Việt Nam) là Lữ-Đại cử Sứ giả sang đáp lễ.

Trong quyển «Tam-quốc-chí» (SAN-KOUO-TCHE) của Trần-Thọ (TCH'EN-CHEOU) viết vào cuối thế kỷ thứ III, thuật lại những chuyện xảy ra từ năm 220 đến 280, có ghi ở hồi 60 tiểu sử của ông Lữ-Đại (LU TAI) làm Thử sử đất Quảng Đông và Giao Châu dưới triều đại thứ nhất của nhà Ngô (WOU) vào thượng bán thế-kỷ thứ III như sau:

« ... Ngoài ra, nhà Vua phái các viên quan Tòng sự (TS'ONG CHE) đi khắp miền Nam lãnh thổ phồn thịnh văn minh bản quốc gọi là chiến dịch NAM TUYÊN QUỐC HÓA, và các vị Quốc vương ngoài biên cảnh như Phù Nam, Lâm Ấp và Đường Minh (T'ANG MING) đều có gởi phái đoàn Sứ giả đến dâng lễ cống.»

Quốc vương Fan - Tchan có tiếp một du khách tên KIA-SIANG-LI (Gia-tường-Lê) quê ở tiểu bang T'AN-YANG người Tàu dịch là Đàm Dương thuộc vùng phía Tây Ấn độ. đến Phù Nam. Du khách tường thuật những chuyện lạ về đất Ấn dưới triều đại Murunda (người Tàu dịch là MEOU-LOUEN) như phong tục tập quán, việc thi hành luật pháp, sự giàu có, ruộng đất phì nhiêu. Ông nói rằng ai muốn vật gì cũng

có và nhiều đại cường quốc thần phục quốc gia này từ nhiều thời đại.

Fan-Tchan hỏi :

— Từ đây đến đó bao xa, phải đi mất bao lâu mới tới ?

Kia-Siang-Li trả lời :

— Nước Ấn độ cách xa hơn 30.000 lý, đi và về phải mất ba năm hay bốn năm, đó là trung tâm diêm của Trời và Đất.

Nhà Vua mê say đến nỗi phái một người bà con tên SOU-WOU, người Tàu gọi là TÔ-VẬT, làm Sứ giả đi từ hải cảng T'EOU-KIU-LI (Đầu-Câu-Lợi) có lẽ là TAKKOLA ở bán đảo Mã Lai, theo một cái vịnh lớn thẳng hướng Tây Bắc, qua nhiều biển và nhiều quốc gia ngót một năm mới ngược dòng sông Hằng Hà dài 7000 lý đến triều đình Vua VASUDEVA. Phái đoàn khởi hành vào năm 240. Vua Ấn rất ngạc nhiên khi thấy phái đoàn Sứ giả triều kiến. Ngài phán rằng :

— Ở tận cùng bờ đại dương còn có người ở nữa hay sao ?

Ngài truyền cho bá quan đưa Sứ giả du ngoạn khắp lãnh thổ và gởi tặng Vua Phù Nam 4 con ngựa Nguyệt thị (indo-scythe), người Tàu dịch là YUE-TCHE và cho 2 viên quan mà một vị tên TCH'EN-SONG (Tiền-Tổng) đi theo về Phù Nam để cảm ơn nhà Vua. Khi SOU-WOU trở về vào năm 245, tính ra cuộc du hành mất 4 năm (1).

(1) Ông Lê-tạo-Nguyên (LI TAO YUAN) vào cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 6 cũng có viết truyện này trong quyển THỦY KINH CHU (CHOUËI KING TCHOU).

Theo sử ký Trung Hoa đời Tam quốc nhà Đông Ngô (222-265) thì năm 240, Vua Fan-Tchan có tiếp hai Sứ giả của Vua SUN-CHUAN (Tôn Quyền). Năm 243, nhà Vua gọi một phái đoàn đi Trung Hoa với lễ cống gồm có nhạc sĩ và thồ sản. Năm 244, một văn phòng thương mại Phù Nam thành lập gần thủ phủ Nam Kinh gọi là PHÙ NAM QUÁN (FOU-NAN-KOUAN)

Chính Ngài là tác giả bản, văn khắc trên bia đá tìm thấy ở Võ Cạnh (Nha Trang) trong ấy Ngài cho rằng Ngài là một thân tộc trong gia đình ÇRI MÂRA (FAN-CHE-MAN) vì Ngài là con của em gái của vị Quốc vương này.

Bấy giờ lãnh thổ Phù Nam mở rộng đến bờ vịnh Bengale. Vua Phù Nam giao thương với Ấn độ và Trung Hoa. Năm 225, Quốc vương FAN-TCHAN bị ám sát.

FAN-TCH'ANG (245)

Quốc vương FAN-TCHAN ở ngôi được 20 năm bị Thế tử FAN-TCH'ANG (Phạm-Trường) giết chết. Fan-Tch'ang là bào đệ của Thái tử FAN-KIN-CHENG (Phạm-kim-Sanh) đã bị Quốc vương hạ sát đề cướp ngôi. Năm ấy, Thế tử Fan Tch'ang được 20 tuổi, ngài hô hào các dũng sĩ trong nước giúp Ngài trả thù. Ngài bắt Quốc vương, dùng dao mổ bụng và nói rằng :

— Trước kia, chính mi giết anh ta, bây giờ nhân danh Vương huynh, ta trả mối thù này.

Thế tử FAN TCH'ANG chưa kịp lên ngôi thì bị viên tướng soái tên ASSÂCHEY, người Tàu gọi là FAN-SIUN (Phạm-Tâm) giết và tự xưng làm Vua.

FAN-SIUN (245-287)

FAN-SIUN (Phạm-Tâm) là một nhà Vua hiếu hòa, chăm lo săn sóc con dân và giữ gìn uy tín bằng đường lối ngoại giao hơn là chiến tranh. Ngài xây nhiều vọng tháp, thành quách và thường đi dạo xung quanh. Buổi sáng và trưa, Ngài thiết triều ba hay bốn lần. Người ngoại quốc và thờ dân dâng tặng Ngài chuối, mía, rùa rùa, các loại chim. Vương quốc Phù



Hột chuối bằng vàng

Nam lúc bấy giờ bao gồm miền Nam Trung-Việt, miền Nam Việt Nam, lãnh thổ Cao Miên, miền Hạ Lào, một phần đất Thái Lan và bán đảo Malacca giữ một vai trò quan trọng giữa các quốc gia trên đại dương. Trong bán đảo Mã Lai có 5 nhà Vua đều là chư hầu của Phù Nam mà một là TOUEN-SIUN (Đồn Tồn). Vua Fan Siun có liên lạc ngoại giao với nước P'I-K' IEN (Ti-Khiên) và Vua nước này gởi tặng bộ chén đĩa cho 50 người dùng toàn bằng vàng nguyên chất.

Vào khoảng năm 245 đến 250, Ngài tiếp một phái đoàn Sứ giả Trung Hoa do hai ông K'ANG TAI (Khang Thái) chức Trung lang (Tchong lang) và TCHOU-YING (Châu Ưng) chức Tuyên hóa từng sự (Siuan houa ts'ong che) hướng dẫn. Sứ thần nhà Ngô (222-265) gặp Sứ giả của Vua VASUDEVA là TCH'EN SONG (Trần-Tống) cùng ông SOU WOU (Tô-Vật) vừa trở về Phù Nam. Hai vị được nghe nhiều chuyện về nước Ấn độ và Đông Nam Á, thấy những sự lạ ở Phù Nam nên khi về Trung quốc, ông K'ang Tai soạn quyển «NGÔ THỜI NGOẠI QUỐC TRUYỆN», «KANG THÁI PHÙ NAM TRUYỆN» và «PHÙ NAM THỒ TỤC. Ông TCHOU YING soạn quyển «PHÙ NAM NHÂN VẬT CHỈ» đề thuật lại các điều mắt thấy tai nghe trong chuyến công du. Mấy tác phẩm này không còn nhưng nhiều đoạn được ghi vào sử Trung Hoa. Đây là những sử liệu đầu tiên về Vương quốc Phù Nam.

Ông K'ang Tai thuật rằng :

«Vương quốc Phù Nam bề ngang rộng 3.000 lý, có nhiều đô thị, có tường cao bao quanh và bên trong có nhà ở. Nước da người dân màu đen, tóc quăn, xấu xí, sống khoả thân, đi chân không và xâm mình. Đàn bà mặc cái khăn trùm từ cổ

xuống chân, xô lỗ tai để đeo bông tòn ten. Nếp sống của họ rất đơn giản nhưng họ không trộm cắp. Họ làm nghề nông theo lối cò, gieo giống một năm, gặt hái luôn ba năm. Họ thích điêu khắc và dùng đục chạm trở rất khéo. Nhiều món đồ dùng để ăn cơm như chén, đĩa đều làm bằng bạc. Dân chúng đóng thuế bằng vàng bạc, trân châu và dầu thơm. Họ biết đọc sách và có văn khố. Văn tự của họ giống như nét chữ của dân Hồ (HOU), một sắc dân ở Trung Á châu dùng Ấn tự. Cảnh vật trong xứ rất đẹp, nhưng dân chúng tỏ ra khiêm nhả. Thật là lạ lùng !»

Ông K'ang Tai thuyết phục Vua Fan-Siun ra sắc luật bắt buộc đàn ông mặc quần áo và dân chúng lấy tấm vải quấn tròn xung quanh thân mình, gọi là Can-mạn (Kan man) giống như cái sarong. Nhà Vua truyền cho dân chúng mặc chần dắt mỗi sau lưng gọi là sampot. Người giàu may bằng lụa có thêu bông hoa, người nghèo may bằng vải. Lối kết tóc bắt đầu phát hiện từ ngày ấy. Người Phù Nam làm đồ trang sức rất đẹp như nhẫn nam mặt ngọc, chạm trở vàng bạc, vòng cò, chuỗi hạt (1).

Vua Fan-Siun ở ngôi rất lâu. Về mặt chánh trị, từ năm 270 đến 280, Ngài có gọi quân liên kết với Vua Phạm-Hùng nước Lâm Ấp (Chiêm Thành) tấn công vùng phía Nam nước Cửu Chân (Việt Nam) qua đèo Napé. Đối với Trung Hoa, mối giao hảo được củng cố chặt chẽ nhờ các phái đoàn Sứ giả qua lại thường xuyên. Sứ ký nhà Tấn (TSIN 265 — 420) ghi chép về những phái bộ trong năm 265, 268, 285, 286, 287 như sau :

— Năm thứ 4 triều THÁI THỈ (T'AI CHE 285) Vua Thế tổ

(1) Nhiều di vật này tìm thấy ở Óc Eo.

Vô đế Tư mã Viêm (265-290), vương quốc Phù Nam và Lâm Ấp gọi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

— Năm thứ 6 triều THÁI KHUƠNG (T'AI K'ANG 285) Vua Thái tổ Vô đế, mùa hạ, tháng 4, có 10 quốc gia trong ấy có vương quốc Phù Nam dâng lễ cống cây mía gọi là CHƯ GIÁ (TCHOU-T'CHO) dài 3 gút mỗi trượng (tchang) và 100 đôi giày gọi là BẢO-HƯƠNG LÝ (PAO-HIANG-LU). Hình dáng lạ lùng của đôi giày khiến Hoàng Thượng chú ý đặc biệt và Ngài mỉm cười trước sự cầu tạo có vẻ thô kệch. Tuy nhiên Ngài truyền cất trong dãy kho ở ngoài đề giữ đầy đủ sản phẩm của mỗi nước.

— Năm thứ 7 triều THÁI KHUƠNG (286) có 21 quốc gia trong ấy có vương quốc Phù Nam và 11 nước trong ấy có nước MÃ HÀN (MÁ HAN) gọi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

— Năm thứ 8 triều THÁI KHUƠNG (287) vương quốc Phù Nam và KHUƠNG CỖ (K'ANG-KIN) ở phương Đông gọi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

Ba lần sau này (năm 285, 286 và 287) là kết quả của sự bành trướng về việc giao thương theo đường biển sau khi nhà Tấn dẹp ba nước Đông Ngô, Tây Thục, Bắc Ngụy thống nhất Trung Hoa vào năm 280. Vua nhà Tấn bấy giờ (1) cần mua những phẩm vật thượng hảo hạng của các quốc gia ở phía Nam.

Mặt khác, Vua Phù Nam liên lạc mật thiết với nước Lâm Ấp (Chiêm thành), mà về sau người ta có thể cho rằng nhà Vua đã thống trị lãnh thổ láng giềng này.

(1) Nhà Tấn thống nhất Trung Hoa gọi là Tây Tấn (280-313)

Từ năm 287 đến 357 không hiểu vì lẽ gì người Trung Hoa không ghi chép về Phù Nam suốt 70 năm.

TCHAN - T'AN (357 - ?)

Trước năm 357, không ai biết vì nguyên cớ nào Vương quốc Phù Nam lọt vào tay một nhà Vua lạ mặt. Đầu năm 357, Sử ký nhà TẤN và nhà LƯƠNG (Tsin-Leang 502-556) có ghi những cuộc tiếp xúc với phái đoàn Sử giả Phù Nam do nhà Vua CANDANA, người Tàu gọi là T'IENTCHOU TCHAN-T'AN phái đến. Sử chép :

«*Năm Thặng Bình (1) (CHENG-P'ING 357) triều Vua Mục-đế (MOU-TI) tháng giêng, THIÊN TRÚC CHIÊU ĐÀN (T'IENTCHOU TCHAN-T'AN) Quốc vương Phù Nam dâng lễ cống một bầy voi nhà, Hoàng đế ban chiếu rằng : «Xưa kia, các đấng Tiên vương cho những con vật lạ lùng của các quốc gia ở xa xôi như là nguồn gốc của những điều tai hại cho dân chúng nên đã cấm chỉ. Bây giờ vật ấy chưa đến, ta có thể hoàn lại nguyên xứ».*

T'IENTCHOU là tiếng người Tàu gọi nước Ấn độ. Tên T'IENTCHOU TCHAN-T'AN nghĩa là « người Ấn độ tên TCHAN-T'AN ». Nhà chép sử mô tả nhà Vua giống như một người Ấn TCHAN T'AN là phiên âm chữ Hán của danh từ CHANDAN, tức Vương của các vị KUSHANA thuộc dòng KANISEHA mà Quốc vương Phù Nam có liên lạc mật thiết vào bán thế kỷ thứ 3. Một thuyết khác cho rằng

(1) Vua nhà Tấn bấy giờ là MỤC ĐẾ (MOU-TI) thuộc triều Đông Tấn (317-420)

tước Vương CHANDAN cũng được dùng trong giới KOUCHAN. Vào giữa thế kỷ thứ 4, người KOUCHAN thống trị vùng đất dọc theo bờ sông Hằng Hà đến gần thị trấn Bénarès bị Hoàng đế SAMUDRA-GUPTA đánh dẹp và trục xuất khỏi đất Ấn. Hoàng đế Samudra-Gupta ngự trị vào năm 357, được toàn thể miền Bắc Ấn từng phục. Có lẽ một số Hoàng thân KOUCHAN đã tị nạn ở Phú Nam và nhận một trường hợp nào đó chiếm được ngai vàng.



Kẹp áo bằng vàng

Dưới triều Vua Tchan-T'an có rất nhiều người Ấn di cư vì họa chiến tranh đánh dấu cuộc «Ấn độ hóa» ở Phù Nam lần thứ nhì. Người ta thấy cái mao hình ống và cái chân ngắn của dân Ba tư xuất hiện dưới thời này.

Sử Trung Hoa ghi rằng triều đại Tchan-T'an chỉ triều cống có một lần thôi.

KAUNDINYA (? - ?)

Sau đó, Vương quốc Phù Nam suy tàn, đến hậu bán thế kỷ thứ 4, Sử ký nhà LƯƠNG (Leang 502-556) chép rằng nhà Vua kế vị TCHAN T'AN là người Ấn thuộc giai cấp thượng lưu theo đạo Bà la môn tên là KIAO-TCH'EN-JOU, người Việt dịch là KIỂU-TRẦN NHƯ, chữ Phạn là KAUNDINYA, trùng tên với nhà Vua sáng lập nước Phù Nam. Ngài được Thần linh kêu gọi : «*Hãy sang cai trị đất Phù Nam.*»

Ngài rất hân hoan ngồi thuyền đến lãnh thổ P'AN P'AN và được dân Phù Nam tiếp đón nồng hậu, tôn Ngài lên ngôi. Một thuyết khác cho rằng nhà Vua là một nhân vật có tiếng tăm trong giới trí thức Ấn độ nhân đi viếng xứ Bán-Bàn (1) (Mã lai) gặp lúc nước Phù Nam không có Vua, người Phù Nam sang mời Ngài lên ngôi báu. Ngài xưng tên là ÇRUTAVARMAN, cưới một nàng Công chúa và sửa đổi tất cả luật lệ theo hệ thống cai trị của người Ấn, và tự cho mình là người binh vực Thánh ngữ VÉDA. Bấy giờ đạo Bà la môn phái thờ thần Çiva mới được dân chúng tôn sùng nhưng đạo Phật phái Đại thừa vẫn thu hút nhiều tín đồ. Nhà Vua mời

(1) BÁN BÁN là tiếng Việt dịch danh từ P'AN P'AN của Trung Hoa, một lãnh thổ ở gần vùng LIGOR, nước Mã lai.

nhieu tu sĩ Bà la môn ở Ấn độ sang truyền bá mỗi đạo và tặng nhiều quyền lợi, chức tước. Ngài cho dạy chữ Ấn PRÉ-PALLAVA và lấy kỷ nguyên ÇAKA để tính ngày, tháng (Kỷ nguyên ÇAKA sau Dương lịch 78 năm)

Sau khi Ngài thắng hà, người con trưởng nối ngôi.

ÇRI-INDRAVARMAN

(424 (?) - 438 (?))

Thái tử nối ngôi tên ÇRI-INDRAVARMAN hay ÇRESTHAVARMAN, người Tàu gọi là TCH'Ê-LI-T'Ô.PA-MO (TRÌ LÊ ĐÀ BẠT MA) có sai Sứ sang Trung Hoa dưới đời Vua Văn-đế (WEN TI) nhà Tống (SONG 424-454) để trình một lá sớ và tặng nhiều phẩm vật sản xuất trong nước.

TỔNG THƯ (SONG CHOU) hay Sử ký nhà Tiền Tống (420-478) do ông TRẦN ƯỚC (CHEN YO) soạn có ghi :

— Năm thứ 11 triều NGUYÊN HẠ (YUAN-KIA 434) Vua Văn-đế (424-454), các quốc gia Lâm Ấp, Phù-Nam và Holotan gửi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống các phẩm vật trong nước.

— Năm thứ 12 triều Nguyên hạ (435), tháng 7 ngày Ất-Dậu (YI-YEOU) Vương quốc XÀ BÀ TA ĐẠT (CHÔ P'Ô SO TA) và Phù Nam gửi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống các phẩm vật trong nước.

— Năm thứ 15 triều Nguyên hạ (438) vương quốc Cao Ly, Nhật Bản, Phù Nam gửi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống các phẩm vật trong nước.

Trong đoạn nói về giồng rợ ở phương Nam, Sử chép:

«Dưới triều Nguyên hạ, năm thứ 11 (434), năm thứ 12 (435) và năm thứ 15 (438), Quốc vương Tri-Lê Đà-Bạt-Ma (TCHE-LI-T'Ô-PA-MO) gọi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống».

Trong đoạn nói về xứ Lâm Ấp, Sử ghi :

«Nước Lâm Ấp muốn tấn công nước Giao Châu (KIAO-TCHEOU) và mượn quân Phù Nam. Vua Phù Nam không bằng lòng».

KAUNDINYA - JAYAVARMAN (470 (?) - 514)

Mười năm sau, Sử ký NAM TRIỀU nhà TỀ (T-SI 479-501) dưới triều Vua VÕ-ĐẾ (WOU-TI) (483-494) do ông TỬ-TỬ-HIÊN (SIAO-TSEN-HIEN biên soạn vào đầu thế kỷ thứ 6, lần đầu tiên nhắc đến Vương quốc Phù Nam về nhà Vua KIỀU TRẦN-NHƯ XÀ-DA BẠT-MÁ (KIAO TCH'EN-JOU CHÔ-YE-PA-MO), phiên dịch tên KAUNDINYA-JAYAVARMAN. Ngài tức vị năm nào không thấy nói. Có thuyết cho rằng Ngài trị vì khoảng năm 470 và 514. Ngài được coi là nhà Vua mạnh nhất trong những năm cuối thế kỷ thứ 5. Ngài tôn thờ đạo Phật mặc dầu đạo Bà la môn, phái thờ thần ÇIVA vẫn còn nhiều ảnh hưởng ở Phù Nam với tục lệ thờ vị thần MAHEÇVARA (MA-HÊ-THÙ-LA) mà uy linh ngự trị trên đỉnh núi MO-TAN (MA-ĐAM) hiện giờ gọi là Baphnom. Tất cả các Chư hầu đều được hưởng ơn vũ lộ của Ngài và toàn thể dân chúng sống trong cảnh thái bình vì Đức Quan-thế-Âm, theo Phật giáo ngành Đại thừa, đã che chở và phù hộ cho Vương quốc.

Ngài phái nhiều thương gia sang buôn bán ở Quảng châu (KOUANG-TCHÉOU) thuộc tỉnh Quảng đông (KOUANG-

TONG). Trên đường về xứ có vị Thiền sư Ấn độ tên SĨ-ĐẠT-TA NA-GIÀ-TIÊN (ÇAKYA NAGASENA) tháp tùng. Thuyền họ bị gió cuốn vào xứ Lâm Ấp (Chiêm Thành) và bị thổ dân cướp sạch hàng hoá (1). Vị Thiền sư trở về đế-đô Phù Nam bằng đường bộ, tâu trình Quốc vương rằng: «Suốt dãy giang sơn Trung quốc có một vị Thánh vương vâng lệnh Thượng đế trị vì thiên hạ.»



Tượng kẻ tôi đòi bằng đồng quỳ một gối, chống một tay dưới đất, tay mặt bưng cái mâm tròn.

(1) Có thuyết cho rằng thuyền bị đắm ngoài khơi xứ Lâm Ấp, chỉ có vị Thiền sư sống sót trở về Phù Nam.

Năm VĨNH MINH (YONG-MINH 484) thứ 2 triều Vua Võ-đế nhà Tề (483-494), Quốc vương KAUNDINYA-JAYAVARMAN phái Thiền sư sang Trung Hoa dâng cống nhiều phẩm vật và xin Vua Võ-đế giúp quân tiếp viện để chống lại nước Lâm Ấp. Trong lá sớ Quốc vương viết như vậy:

«Vua nước Phù Nam KAUNDINYA-JAYAVARMAN, kẻ tội thần của Bệ hạ dập đầu xuống đất tâu rằng: «Ơn đức siêu tuyệt của Bệ hạ giáo hóa muôn dân với tấm lòng ưu ái to rộng bao trùm cả uy lực phi phạm; bốn mùa tám tiết nhịp nhàn nối tiếp nhau. Thần qúi xuống kính chúc Thánh thề Bệ hạ tràn đầy mãnh lực trong mọi cử động, cầu chúc Bệ hạ hưởng muôn điều hạnh phúc, cầu mong tất cả cung phi ở Lục viện đều xinh đẹp; tất cả quần thần trong Triều và ngoài Phủ, Quận đều cúc cung tận tụy phò tá Vương quyền, tất cả dân chúng các nước láng giềng và mười ngàn lãnh thổ đều một lòng qui phục, ngũ cốc phong đăng, lời ngoa ngôn không bao giờ có, loạn lạc không nảy sanh, toàn dân ấm no, thịnh vượng, đất nước thanh bình.

Thần hạ và con dân sống tại lãnh thổ trong cảnh sung túc yên vui, bốn mùa nhịp nhàn nối tiếp, nhà tu hành và kẻ ngoại đạo rất nhiều, ấy là nhờ ảnh hưởng tốt đẹp của sự khai hóa của Bệ hạ ban bố cho mọi người được sung sướng.

Trước đây, Thần hạ có phái một đoàn Sứ giả dân cống phẩm vật và trao đổi hàng hóa ở Quảng châu. Vị Thiền sư SĨ-ĐẠT-TA NA-GIÀ-TIÊN (ÇAKYA NAGASENA) người Ấn độ bấy giờ đang ở Quảng đông tháp tùng theo thương thuyền của Thần hạ để đến Phù Nam. Giữa biển khơi, gió cuốn thuyền trôi dạt vào nước Lâm Ấp. Nhà Vua nước này chiếm

đoạt hàng hóa của Thần hạ cả đến hành lý của Thiền sư. Nhà tu hành tường thuật với Thần hạ tất cả sự việc xảy ra từ khi rời đất Trung Hoa đến lúc vào đế đô Phù Nam. Ngang mặt lên trời, Thiền sư tuần tự kể rằng Bệ hạ là một Thánh vương đức độ cao cả, trị vì thiên hạ với lòng nhân từ ; Bệ hạ hằng lưu tâm đến sự sửa đổi phong tục, tập quán. Trong xứ, đạo Phật được bành trướng sâu rộng, tu sĩ rất nhiều, luật lệ được mọi người tôn trọng, quốc gia cường thịnh, vị Lãnh đạo có lòng từ bi đối với thần dân và trong tám phương, sáu hướng không có người nào không phục tùng, Mỗi khi nghe Bệ hạ truyền phán thì không có cõi trời nào, dù là cõi PARAMIRMITAVACA-VARTIN cũng không sánh kịp.

Thần hạ nghe vậy, lòng rộn lên vì sung sướng như được Bệ hạ cho phép ngắm đôi bàn chân cao quý của Bệ hạ. Ngang mặt lên cao, Thần hạ ngưỡng mộ nghĩa cử từ bi của Bệ hạ rải khắp các tiểu quốc lân bang như nguồn hạnh phúc rơi từ trên trời đến tận tay dân chúng. Người người đều nhận được ân huệ của Bệ hạ.

Thế nên, Thần hạ phái Thiền sư SỊ-ĐẠT-TA NA-GIÀ-TIÊN làm Sứ giả đệ trình Bệ hạ lá sớ này, kính dâng chút ít lễ cống, tỏ tác lòng thành và trình bày cảm tưởng của Thần hạ. Lễ vật của Thần hạ quá nhỏ nhen, ít ỏi khiến Thần hạ thẹn thùa không xiết. Thần hạ phủ phục trước ngai vàng, ngưỡng mong Thánh thượng rộng lòng không lưu ý đến và nhận tác lòng thành thật của Thần hạ mà không quở trách.

Thần hạ có một kẻ tôi tớ tên CU'U-THU-LA (KIEOU-

TCH'EOU-LO) (1) lên trốn ở nơi khác, qui tự bọn phiến loạn đánh nước Lâm Ấp và tự xưng làm Vua. Hãn không tỏ vẻ kính trọng Thần hạ, hãn không bao giờ làm một việc phải và vi phạm những nguyên tắc về luật pháp. Tội ác của hãn chống lại người chủ cũ đến Trời cũng không chịu nổi.

Phù phục trước ngai vàng, Thần hạ nghĩ rằng trước kia nước Lâm Ấp bị Tướng ĐÀN-HOÀ-CHI (T'AN-HO-TCHE-) (2) đánh dẹp và từ lâu chịu mệnh Thiên triều, nhờ Bệ hạ che chở. Trong khắp bốn mặt đại dương, thiên hạ đều từng phục oai trời. Nhưng ngày nay, tên CUU-THỦ-LA là kẻ tội đồi bất chính dám làm tất cả việc tồi tệ. Hơn nữa, nước Lâm Ấp và Phù Nam cùng chung một ranh giới và chính hãn là tay thủ hạ của Thần mà lại dám làm phản, thì đối với Bệ hạ ở quá xa, hãn nào có kính trọng gì? Lãnh thổ ấy vốn là Chư hầu của Bệ hạ nên Thần mới kính cần trình bày những điều quan sát như trên.

Thần hạ được biết hiện thời nước Lâm Ấp không gởi phái đoàn Sứ giả và dâng lễ cống. Tên soán ngôi kia có ý muốn tách khỏi Triều đình của Bệ hạ vĩnh viễn. Ta có thể nào dùng chỗ ngồi của con sư tử để cho một con chuột lớn bao giờ.

-
- (1) Theo sử nước Lâm Ấp thì vào khoảng năm 480 đến 492, Thái tử Phù Nam tên TANG-KENTCH'OUEN cướp ngôi nước này. Nhưng vua JAYAVARMAN lại cho đây là một kẻ tội đồ của Ngài tên CUU-THỦ-LA (KIEOU-TCH'EOU-LO) thừa dịp Lâm Ấp bị xáo trộn vì nội loạn mà đoạt ngai vàng chống lại Phù Nam. Người Lâm Ấp gọi Cuu-Thủ-La là PHẠM ĐĂNG CẦN THĂNG.
 - (2) Trận đánh Lâm Ấp do Tướng ĐÀN-HOÀ-CHI chỉ huy vào năm 446 Dương lịch.

Thần hạ phủ phục, ngưỡng mong Bệ hạ cử binh sang dẹp tên phiến loạn xấu xa ấy. Thần hạ sẽ chứng tỏ lòng trung thành bằng cách phối hợp lực lượng vào cuộc thanh trừng ngô hầu những Vương quốc ở dọc theo bờ biển đồng qui phục Bệ hạ. Nếu Bệ hạ muốn chỉ định người nào làm Vua nước ấy, Thần hạ sẽ kính vâng Thánh ý. Trong trường hợp Bệ hạ không muốn cử binh chinh phạt Lâm Ấp, Thần hạ ngưỡng mong Bệ hạ truyền lệnh bằng một chiếu chỉ riêng biệt cho một toán quân nhỏ giúp Thần hạ tiêu trừ tên sát nhân bỉ ổi kia để trừng phạt kẻ xấu xa và hướng theo chính nghĩa.

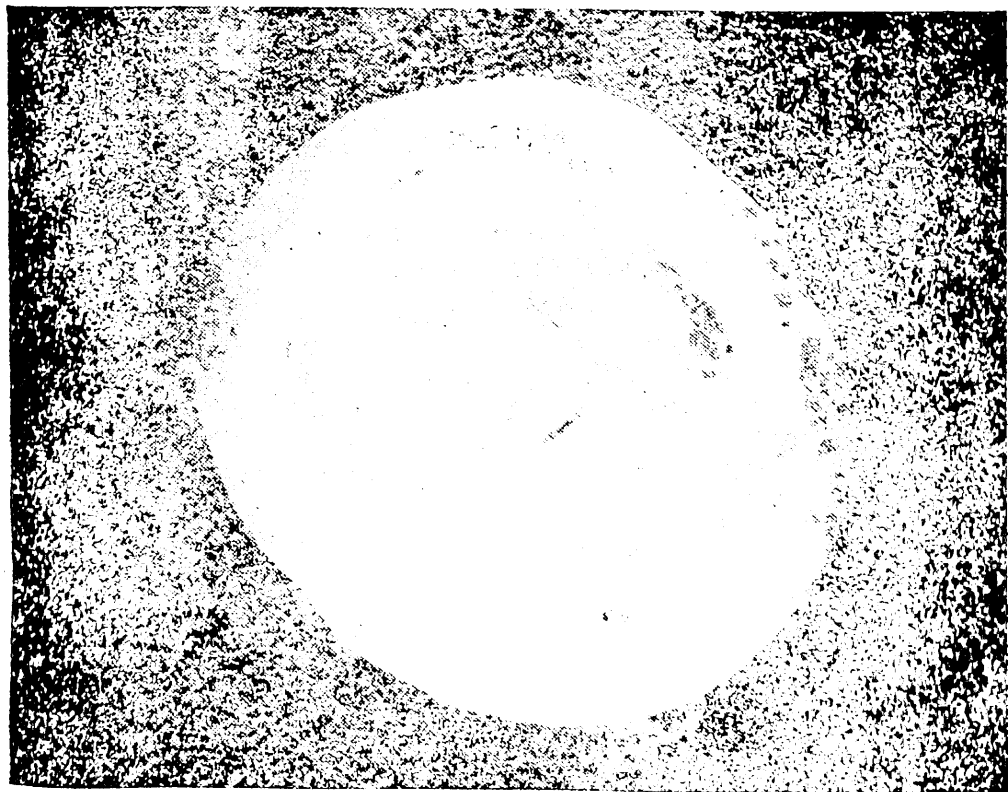
Khi hòa bình trở lại, Thần hạ sẽ dâng số tấu với năm BÀ-LA (P'O-LO) vàng. Hiện giờ, nếu Bệ hạ chấp thuận lời thỉnh cầu của Thần hạ theo lá sớ đầy đủ chi tiết trung thực này, Thần hạ kính trình Bệ hạ Thiên sư NA-GIÀ-TIÊN và đoàn tùy tùng sẽ tâu rõ ràng những chi tiết cần thiết.

Pủ phục trước ngai vàng, Thần hạ ước mong Bệ hạ rủ lòng thương xót Thần hạ. Trong dịp này, Thần hạ kính dâng Bệ hạ một tượng bằng vàng chạm trổ hình ngai Vua Rồng (Long vương) một con voi bằng gỗ bạch đàn, hai xấp vải, hai cái «Sou-Li, (một loại ly, cốc) bằng thủy tinh và một cái mâm trầu cau bằng đồi mồi».

Vua Võ-đế nhà Tề nhận phẩm vật, ngỏ lời cảm ơn Quốc vương JAYAVARMAN nhưng từ chối không gởi quân đánh Lâm Ấp.

Thiên sư NA-GIÀ-TIÊN tâu rằng :

«Dân Phù Nam tôn thờ Thần MAHEÇVARA (MA HÊ THÙ LA THIÊN THẦN), vị Thần thường hiện xuống núi MO TAN (MA ĐAM). Khí hậu trong nước luôn luôn ẩm, cây cỏ không bao giờ khô héo.»



Hột mã-nã chạm hình cái móc tai voi (?)

Thiền sư đệ trình một bản văn như sau :

*Thần MAHEÇVARA ban bố hạnh phúc khắp thế giới và gây ảnh hưởng tốt đẹp cho người đời nhờ sự truyền bá đạo giáo rất sâu rộng. Ngọn núi thánh tên là MO TAN (MA

ĐAM) có các loài cây trái mọc nhiều vô số. Thần chọn nơi này để biểu hiện uy linh. Tất cả Vua Chúa nhận được ân huệ của Ngài và toàn thể dân chúng sống yên vui. Đó là do ân đức của Ngài tỏa rộng khắp các tín đồ trung thành thờ phụng Ngài.

Đức Bồ tát (BODHISATTA) thể hiện lòng từ bi. Tuy là giòng dõi bình dân, nhưng khi Ngài biểu hiện được chính giác, Ngài đã tự hướng tới đạo quả vô thượng, nơi mà Đại thừa và Tiểu thừa chưa đạt tới. Trong những kiếp liên tục. Ngài thu thập nhiều điều thiện và trong lục đại duyên khởi, Ngài đã thực thi lòng từ bi, trắc ẩn và hăng hái vượt khỏi vòng kiếp ba. Bạc vàng châu báu, kể cả bản thân, Ngài đã bỏ thí hết. Ngài cũng chẳng ưa sống ghét chết. Trong lục đạo, Ngài đã cải tâm người nào có mang nặng nghiệp vào thân và Ngài đã đi trọn vòng thập giới. Khi đạo quả và đạo hạnh của Ngài đạt tới chính giác, nơi mà vạn phước, tri thức và hòa điệu tuyệt diệu vĩnh cửu, ánh hào quang từ bi của Ngài đã soi sáng cõi hồng trần. Chúng sinh được thấm nhuần ơn huệ của Ngài và đôi khi thụ được đạo pháp. Ảnh hưởng phổ độ chúng sinh của Đức Phật mệnh mệnh sáu cõi, chúng sinh nào mà chẳng được ban ơn.

Bộ hạ cũng tôn trọng Đại đạo và nghiêng mình trước Tam Bảo vì Ngài nhận thấy trong muôn vạn cảnh ngộ, ơn huệ Phật giáo đã lay động tám hướng mười phương. Trong Vương quốc cũng như các đô thị, ánh hào quang của đấng Từ bi đã thuần lương hóa phong tục giống như Đức ÇAKRA DEVENDRA chế ngự tất cả chư Thần DEVAS (1).

Bộ hạ là đấng chí tôn sống hòa hợp với tất cả thần dân,

(1) Đức ÇAKRA DEVENDRA và thần DEVAS thuộc thần thoại Bà la môn.

bốn biên đều tỏ lòng quy phục. Ông vũ lộ chảy tràn không bờ bến, ngập sâu Vương quốc nhỏ bé của kẻ thần phục Bệ hạ.”

Hoàng đế Trung Hoa đáp rằng :

“Đúng là Thần «Ma-hê-Thù-la», hiền linh uy lực và ban phước cho lãnh thổ ấy. Mặc dầu đó là những tập quán xa xôi, những phong tục khác lạ, Trẫm cũng lấy làm hoan hỉ vô cùng. Được biết tên CUU-THÛ-LA (Kieou-Tch'eu-Lo) nổi loạn tại Phù Nam và chiếm đoạt nước Lâm Ấp, tụ tập bọn bất lương cướp bóc lương dân, nhất định Trẫm phải trị tội nó. Dù nước ấy ở quá xa Thiên triều, nhưng trước kia vẫn nạp lễ cống theo phận Chư hầu. Từ đời nhà Tống (SONG) đã có nhiều điều khó khăn chiểu theo những lá sớ của các quốc gia dọc theo bờ biển thì sự giao thông với Thiên triều bị gián đoạn. Ánh sáng văn minh của Hoàng triều đời với họ là một điều mới lạ, những thói quen cũ kỹ vẫn còn duy trì. Trẫm chỉ dùng văn hóa và ân đức cảm hóa các nước xa xôi, không muốn dùng võ lực. Vì lẽ Vua Phù Nam đến với Trẫm bằng tấm lòng trung thành và xin Trẫm giúp quân, Trẫm nể lá sớ cho vị Pháp quan đề tùy theo tình hình thuận tiện mà trị kẻ phiến loạn và đối đãi êm dịu với kẻ chịu tùng phục, đó là luật lệ chánh yếu của Trẫm.»

Hoàng đế Trung Hoa thường nhờ Thiền sư NA-GIÀ-TIÊN làm thông ngôn giúp các Sứ giả ở quốc gia ngoài biên cảnh. Thiền sư biết rõ ràng chỗ mạnh và chỗ yếu của nước Trung Hoa, và được chỉ định giải thích từng chi tiết lời nhà Vua phán.

Vua nhà Tề ban thưởng Vua Phù Nam nhiều xấp lụa nền đỏ thạch lựu và tím có thêu hình màu vàng, xanh da trời và xanh lá cây, mỗi loại năm xấp.



Tượng Phật bằng gỗ tìm được ở Đồng tháp mười

Truyện này do Sử ký Nam Triều nhà Tề (479-501) chép lại kèm một bài tường thuật về Vương quốc Phù Nam dưới thời Vua KAUNDINYA-JAYAVARMAN như sau:

«Dân Phù Nam khôn quỉ, mưu lược, nhưng tốt bụng và thật thà, chuyên nghề buôn bán, thường đi đánh phá, cướp bóc dân chúng các thị trấn láng giềng nào không tôn trọng mình, bắt kẻ bại trận làm nô lệ. Họ rất giỏi về chiến tranh, khí giới thông dụng gồm: kiếm, lao, cung, nỏ, khiên; chiến sĩ mặc áo giáp bằng da thú. Hàng hóa bán thường ngày là vàng, bạc, lụa, hàng. Con trai nhà phú hộ cắt hàng làm chăn (sarong) dề mặc, đàn bà trùm một mảnh vải từ trên cò trở xuống. Người nghèo mặc chăn bằng vải. Người dân đúc nhẫn và vòng tay bằng vàng, chén đĩa bằng bạc. Họ đồn cây dề cắt nhà ở. Nhà Vua ngự trong cung có lầu, nền xây bằng đá, xung quanh nhà dân chúng có hàng rào gỗ. Dọc theo bờ biển có một loại tre lớn, lá dài từ 8 đến 9 chân (1). Người ta kết lá này dề lợp nhà. Dân chúng cũng ở trong những nhà sàn cao, trên mặt nước, xung quanh có vòng thành bằng đất, cạnh những hào sâu chứa đầy cá sấu. Ở giữa có một hệ thống kinh rạch như bàn cờ, hai bên bờ là nhà gỗ cao chân lợp lá. Họ đóng những chiếc ghe bề dài từ 8 đến 9 trượng (TCHANG) mỗi trượng bằng 10 chân, bề ngang từ 6 đến 7 chân. Mũi ghe và lái có hình đầu và đuôi cá. Khi nhà Vua du hành thì cỡi voi. Dân chúng trải vải ra đường dề voi đi lên. Đoàn hộ tống có lính hầu, lính cầm lọng che, lính đánh trống, thổi tù và. Đàn bà cũng cỡi voi. Đê tiêu khiển, họ đá gà, cho heo cắn lợn, và đánh vật với

(1) Chân (pied) lối đo của đời xưa, bằng bề dài của bàn chân. Ông Mã-Đoàn-Lâm (MA-TOUAN-LIN) thuật rằng: «Người ta lợp nhà bằng lá một thứ cây mọc theo bờ biển, mỗi lá dài từ 6 đến 7 xích (thước) và giống hình con cá». (Đó là dừa nước của ta ngày nay).

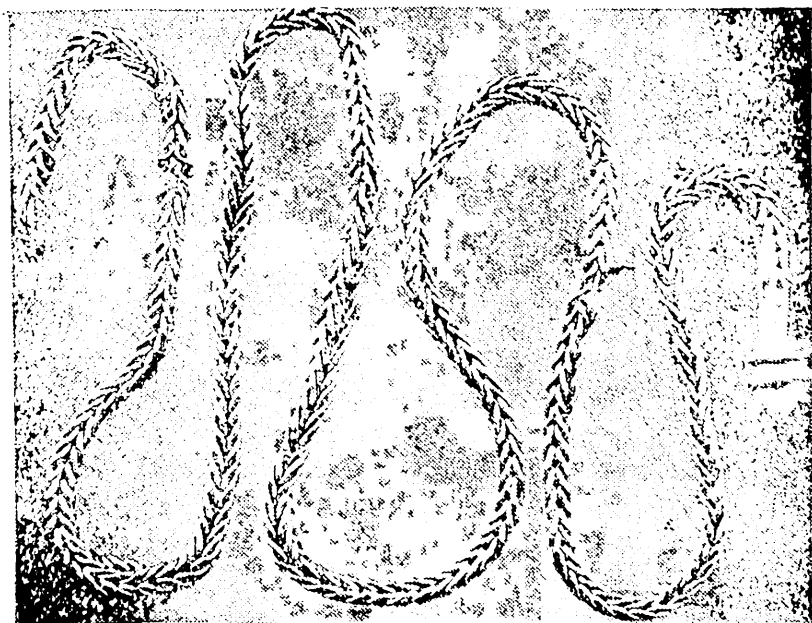
nhau. Trong xứ không có nhà tù. Mỗi khi có chuyện kiện thưa họ dùng phép thần đoán (ordalie) bằng cách quăng nhẵn và trứng gà vào nước sôi để kẻ bị cáo thò tay vào lấy ra. Hoặc họ nường một sợi giây sắt thật đỏ cho bị cáo cầm trên tay đi bảy bước. Người vô tội không bị phỏng tay, kẻ gian bị tróc hết lớp da (hỏa thức thần đoán), hoặc họ bắt bị cáo nhận xuống nước, người vô tội chìm xuống rồi nổi lên, kẻ gian thì chìm luôn (thủy thức thần đoán). Người có tội nặng bị xử một cách bạo ngược như chặt tay, chém đầu hay bán làm nô lệ».

Sử ký nhà Lương (502-556) về sau chép rằng:

«Nơi dân chúng ở không có đào giếng. Mỗi chục gia đình dùng chung một hồ chứa nước. Tập tục của họ là tôn thờ các vị thần trên trời mà họ đúc hình tượng bằng đồng hai mặt, bốn tay, hình bốn mặt thì tám tay, mỗi tay cầm một món đồ vật như một đứa trẻ, một con chim, một con thú bốn chân, hoặc hình mặt trời, mặt trăng, Nhà Vua du hành và hồi cung bằng voi, cả đến các bà Cung phi và Thị vệ cũng cỡi voi. Khi lâm triều, nhà Vua mặc áo dài có thắt lưng vàng, đeo chuỗi ngọc, đội mũ cao, đeo kiếm vàng. Triều đình họp ngay trên lầu. Nhà Vua ngồi trên ngai chạm rồng kê trên cao, chân mặt dựng lên, chân trái thòng xuống. Người ta trải một mảnh vải trước ngai, trên để những bình vàng là lư hương là uy hiệu của nhà Vua. Buổi sáng và trưa, Ngài thiết triều ba hay bốn lần. Khi có tang, họ cạo đầu, cạo râu, mặc đồ trắng. Đối với người chết có bốn lối chôn : thủy táng : quăng xác dưới sông, hỏa táng : đốt ra tro, thổ táng : chôn dưới đất, điều táng : bỏ xác ngoài đồng cho chim ăn.»

Sau này nhờ các nhà khảo cổ tìm được những di tích dưới lòng đất chứng minh dân Phù Nam thạo nghề đánh cá, nghề trồng lúa và chăn nuôi, họ nuôi voi, bò, cừu, heo, trồng

Lúa gieo một lần gặt ba năm, rau, đậu, mía, bông vải, trà và dâu nuôi tằm. Về ngành kỹ nghệ kim loại, họ biết chế kim khí: sắt, đồng, chì, kềm vàng bạc (tìm thấy ở Ốc Eo). Núi MOSO có mỏ sắt là nơi cung cấp sắt cho họ. Nghề làm đồ gốm, nghề dệt, nghề nhuộm hàng vải bằng thảo mộc, nghề làm đường mía ép bằng hai thớt đá rất thanh vượng. Ngành nông nghiệp cũng phát triển mạnh. Các vị Quốc vương sóc chăm đến việc kiến trúc và gìn giữ những hồ chứa nước và kinh đào đem nước



Giây chuyền vàng có khuy cài.

vào ruộng. Chính các Ngài đã biến đổi vùng bùn lầy ở miền Nam thành vườn ruộng phì nhiêu bằng cách đào hơn 200 cây số kinh để nước ứ đọng thoát ra biển. Ngành điêu khắc bành trướng không kém, hiện thời còn vài di tích như tượng thần VISHNOU 8 tay bằng đá hay bằng gỗ, những vị thần Bà la môn như VISHNOU, ÇIVA, INDRA. Họ thạo đường thủy thường ngồi thuyền đi buôn bán xa. Người ngoại quốc tới lui trao đổi hàng hóa như Ấn độ, Trung hoa, Ba tư, La mã, theo các con sông, rạch vào Ốc Eo, Thị trấn trăm đường và thành Angkor Borei. Họ đã có dùng tiền bằng vàng, bằng bạc khắc hình các giống vật, hình mặt trời hay con ốc và tục lệ cất tiền để có đơn vị nhỏ hơn.

Năm Thiên Giám thứ 2 (T'IENT KIEN 503) triều Vua Võ-Đế (502-550), Vua Jayavarman phái Sứ giả sang Trung Hoa. Bấy giờ nhà Tề bị nhà Lương (502-556), lật đổ Vị Hoàng đế là Lương-Võ Đế tiếp nhận tặng phẩm: một tượng Phật bằng san hô và nhiều sản phẩm nội hóa. Hoàng đế Tàu là người sùng đạo Thích đã xây cất ngót trăm ngôi chùa khắp lãnh thổ.

Đạo ấy, Phù Nam ở vào thời cực thịnh được Trung Hoa chú ý và nể vì. Nhân cuộc tiếp đón phái đoàn Sứ giả này, Vua Lương Võ-Đế ban chiếu:

« Vua nước Phù Nam KAUNDINYA JAYAVARMAN ngự trị trên bờ đại dương. Từ thế kỷ trước đến thế hệ sau, nhà Vua và dòng dõi thống trị các quốc gia xa xôi ở phương Nam. Lòng trung thành của nhà Vua lan rộng đến nơi xa bằng những phái bộ Sứ giả tới lui liên tiếp, cùng phẩm vật dâng tặng căn tỏ tình hồ tương bằng cách ban ơn cho nhà Vua và phong

một chức vị vinh quang : AN NAM TƯỞNG QUÁN, PHÙ NAM VƯƠNG (1).

Năm 506, Lương Võ-Đế yêu cầu Vua Phù Nam phái hai nhà Sư tên MANDRASENA và SANGHAPALA (hoặc là tên SANGHAVARMAN), gốc người Phù Nam sang Trung Hoa dịch kinh Phật bằng Phạn ngữ và văn tự Phù Nam ra Hoa ngữ. Tên Thiền sư SANGHAPALA dịch ra Hoa ngữ là SENG-KIA-P'O-LO (Tăng già bà la). Sự tích của Thiền sư được ông CHUNG KHẢI (TCHONG-K'AI) hay ông TĂNG DƯƠNG (SENG-YANG) ghi rằng:

«Sư sanh vào năm 460, đệ tử của Đại đức GUNABHADRA đến Trung Hoa bằng thuyền dưới triều nhà Tề (479-501). Sư biết nhiều thứ tiếng. Khi đến thủ đô Trùng quốc thì nhà Lương (502-556) đã dẹp nhà Tề. Năm 506, Lương Võ-Đế yêu cầu Sư dịch kinh Phật suốt 16 năm ở 5 địa điểm mà một nơi tên là PHÙ-NAM QUÁN (FOU-NAN-KOUAN). Sư tịch vào năm 524 hưởng dương (theo người Tàu tính tuổi) 65 tuổi.»

Tên Thiền sư MANDRASENA dịch ra Hoa ngữ là MAN-T'O-LO-SIEN (Mạn đà la tiên). Sư còn có tên là MANDRA (MAN-T'O-LO, Mạn đà la). Sư đến để đô nhà Lương vào năm 503 và vâng lệnh Vua Võ-Đế hợp tác với sư Sanghapala dịch kinh Phật.

Năm 509, vị tu sĩ Ấn độ tên BODHIBHADRA đến Phù Nam đề sang Trung Hoa yết kiến Vua Lương Võ-Đế.

(1) Có thuyết cho Vua Tàu phong chức cho Vua Phù Nam vào năm 507.

Năm 512 và 514, Vua KAUNDINYA JAYAVARMAN vị Đại đế Vương quốc Phù Nam có phái Sứ bộ sang Trung Hoa, và thắng hà cùng trong năm 514. Sứ ký nhà Lương ghi:

«Năm Thiên Giám thứ hai (T'IENT KIEN 503) mùa Thu, tháng 7, các quốc gia Phù Nam, KOU TCHA và Trung Ấn độ gởi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng cống phẩm vật trong xứ.

• Năm Thiên Giám thứ 10 (511) và thứ 13 (514) tháng 8, ngày Quý Mão (KOU EI-MAO), các quốc gia Phù Nam, KHO TEN gởi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng cống phẩm vật trong xứ.

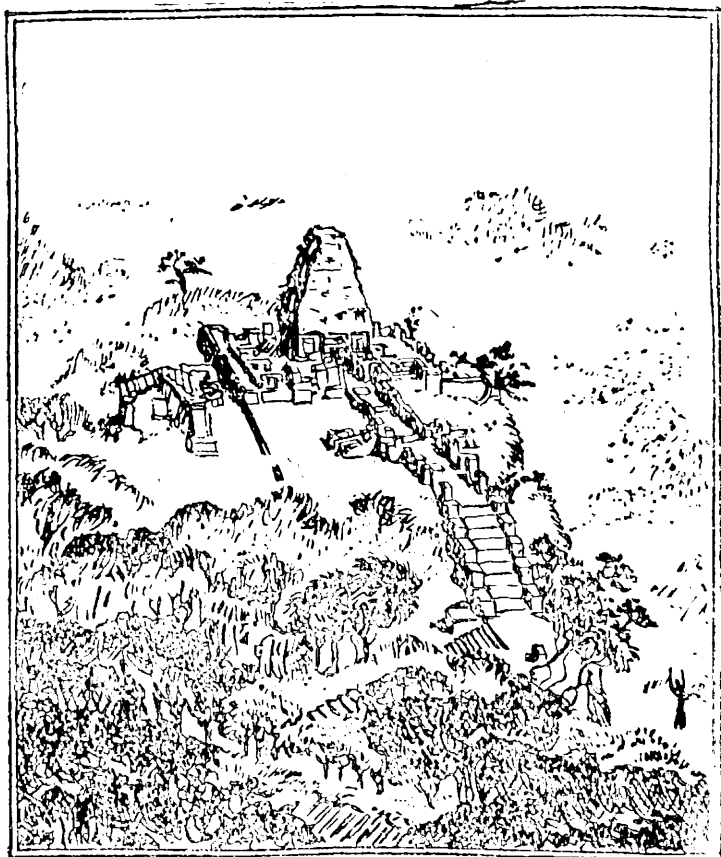
Không có bia đá nào ghi chép về triều đại của nhà Vua chỉ có hai bia đá khắc chữ Bắc Phạn (Sanskrit) của Hoàng hậu tên KULAPRABHĀVATĪ và Thái tử GUNAVARMAN viết theo lối chữ thông dụng vào hạ bán thế kỷ thứ 5.

Trên một bia đá tìm thấy ở Cao Miên trong vùng phía Nam tỉnh Takeo, Hoàng hậu KULAPRABHĀVATĪ muốn thoát tục, thuật lại việc xây cất cái am nhỏ và đào cái ao để ở ẩn. Thi tiết trong lời dẫn đầu của bản văn được thảo theo ý của phái thờ thần VISHNOU.

Trên khối đá xây tường trụ cửa của một ngôi nhà mát cắt dọc theo đường ở Tháp mười (miền Nam Việt Nam ngày nay), Thái tử GUNAVARMAN, con trưởng nhà Vua được gọi là «mặt trăng của dòng dõi KAUNDINYA» ra lệnh khắc một bản văn bằng lối chữ xưa ghi lại cuộc xây cất một ngôi đền trên «vùng đất bùn lầy» do Thái tử «đủ còn nhỏ tuổi» chỉ huy. Trong đền có dấu chân của thần VISHNOU gọi là CHAKRATĪRTHASVAMIN.

RUDRAVARMAN (514-550)

RUDRAVARMAN, người Tàu gọi là LƯU ĐÀ BẠT MA



Ngôi tháp trên đồi BAYAN xây dựng vào năm 604.

(LIEOU-T'Ó-PA-MO), nối ngôi Vua KAUNDINYA-JAYAVARMAN vào năm 514, theo Sử ký nhà Lương là kẻ soán ngôi. Ngài là con của một Cung phi đã ám sát Thái tử GUNAVARMAN. Thái tử tuy là con giòng chánh nhưng nhỏ tuổi hơn Ngài.

Năm Thiên Giám thứ 16 (T'IENT-KIEN 517), Vua RUDRAVARMAN phái một đoàn Sứ giả do vị tu sĩ Bà la môn tên TRÚC-ĐUỜNG BẢO-LÃO (TCHOU TANG PAO LAO) hướng dẫn sang Nam Kinh dâng Hoàng đế nhà Lương một lá sớ và lễ cống.

Năm Thiên Giám thứ 18 (519), Ngài phái một đoàn Sứ giả dâng một tượng Phật bằng gỗ bạch đàn ở Ấn độ và nhiều lá cây bồ đề (bà la, p'ô lô) nơi Đức Phật tịch diệt, nhiều viên ngọc houo-ts'i (?), củ nghệ, tô hạp hương và các loại dầu thơm.

Sau đó, Quốc vương cử nhiều phái bộ vào những năm 519, 520, 530, 535, và 539.

Sử Trung Hoa ghi rằng :

« Năm Thiên Giám thứ 16 (T'IENT KIEN 517), tháng 8, Vương quốc Phù Nam và Bà Lợi (P'Ó-LI) gởi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

« Năm PHỒ THÔNG (P'OU TONG) thứ nhất (520), tháng giêng, ngày Canh Tý (KENG TSEU), Vương quốc Phù Nam và Cao Ly (KAO-LI) phái Sứ giả dâng lễ cống.

« Năm TRUNG ĐẠI THÔNG (TCHONG TA T'ONG) thứ hai (530), tháng 6, ngày Nhâm Thân (JEN CHEN), Vương quốc Phù Nam phái Sứ giả dâng lễ cống.

« Năm ĐẠI ĐỒNG (TA T'ONG) thứ nhất (535), tháng 7,

ngày Tân Mão «SIN-MAO», Vương quốc Phù Nam phái Sứ giả dâng lễ cống.

«Năm Đại Đồng thứ 5 (539) tháng 8, ngày Ất Dậu (YI-YEOU) Vương quốc Phù Nam phái Sứ giả dâng một con u tây còn sống và nhiều phẩm vật nội hóa.

Nhân dịp này, Quốc vương RUDRAVARMAN có trình với Vua Tàu rằng Ngài có một sợi tóc của Đức Thích Ca dài một trượng hai chân. Vị Hoàng đế nhà Lương bèn truyền Thiền sư THÍCH VÂN BỬU «CHE-YUN-PAO» «1» đến Phù Nam thỉnh ngọc xá lợi quý báu ấy.

Một bản văn bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) ghi trên bia đá tìm thấy ở BATI cho biết rằng nhà Vua ngự trị giữa thời kỳ Phật giáo đặt nền móng và bành trướng khắp lãnh thổ. Sự kiện này đã được Vua Lương Võ-Đế là vị Hoàng đế tôn sùng đạo Phật rất chú ý.

Sứ ký nhà Lương có thuật một phái đoàn Sứ giả Trung Hoa đến Phù Nam giữa những năm 535 và 545 yêu cầu Vua Rudravarman gom góp tất cả kinh sách Phật và thỉnh mời các vị Sư sãi sang viếng nước Tàu. Nhà Vua cử vị Thiền sư Ấn độ tên PARAMÂTHA (hoặc GUNARATNA) quê ở vùng UJJAIYINI, lúc ấy đang hành đạo ở Phù Nam, mang 240 bộ kinh qua Nam Kinh. Thiền sư đến nơi vào năm 546.

Khi nhà Vua thăng hà, có lẽ vào năm 550, một phong trào quật khởi do hai anh em BHAVAVARMAN và CITRA-

(1) Tên chữ Phạn là MEGHARATNA. Trong quyền Nam sử (NAN-CHE) lại ghi tên Thiền sư là ĐÀN-BỬU (T'AN-PAO) tên Phạn là DHARMARATNA, còn quyền FO-TSOU-T'ONG-KI soạn trước năm 1269 thì gọi là BỬU-VÂN (PAO-YUN) !

SENA lãnh đạo đã nổi dậy vào khoảng từ năm 540 đến 550 ở lưu vực sông Mékong, rồi trong một tình trạng bí mật họ lật đổ vương quyền Phù Nam. Phái đoàn Sứ giả do Vua Rudravarman phái sang Trung Hoa trên đây là Sứ cuối cùng trong thời Phù Nam còn là Vương quốc độc lập.

Sứ ký nhà Tùy (580-618) không có ghi đoạn riêng biệt về nước Phù Nam, nhưng có hai vương quốc mới đóng một vai trò trong lịch sử nước này. Đó là nước XÍCH THỒ (TCHE T'OU) và nước CHÂN LẠP (TCHEEN LA). Nước Xích Thồ liên lạc với Trung Hoa do Sứ giả THƯỜNG TUẤN (TCH'ANG TSIUN) đến viếng vào năm 607. Hình như lãnh thổ này chiếm vùng lưu vực sông Ménam. Nước Chân Lạp là Cao Miên cử phái đoàn Sứ giả đầu tiên đến Trung Hoa vào năm 616 hay 617.

Đoạn nói về Xích Thồ mở đầu bằng câu : *"Nước Xích Thồ là một nhánh họ khác của Phù Nam"*.

Đoạn nói về Chân Lạp ghi : «Nước Chân Lạp ở về hướng Tây Nam Lâm Ấp, nguyên là một Chư hầu của Phù Nam. Họ của nhà Vua là KSATRIYA, tên Người là CITRASENA, tổ tiên Người đã liên tục tạo dựng lực lượng trong xứ. Vua CITRASENA chiếm Phù Nam và tiêu diệt. Khi Vua băng, Thái tử tên ICANASENA nối ngôi, đóng đô ở ICANA.

Vào thế kỷ sau, Sứ ký nhà Đường (T'ANG 618-907) ghi rằng phái đoàn Sứ giả do Vương quốc Phù Nam gửi đến vào thượng bán thế kỷ thứ 7 không phải của dòng Vua Phù Nam. Sứ chép :

«Trong nước bấy giờ có một cuộc thay đổi lớn, nhà Vua đóng đô ở thành phố ĐẶC MỤC (TÔ MOU), thỉnh linh bị

nước Chân Lạp chiếm đóng, phải chạy trốn về miền Nam, ở
thị trấn NA FOU NA (NA PHÁT NA) » (1).



Lãnh thổ CHÂN LẠP từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 9.

(1) Đúng ra danh xưng NA-FOU-NA theo Phạn ngữ là NAVANA-
GARA

NGÀY TÀN CỦA VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

Vương quốc Phù Nam tuy bị Chân Lạp xâm chiếm vào năm 550 nhưng vẫn còn chống giữ đến năm 627. Trong khoảng thời gian ấy có 4 vị Quốc vương nối tiếp trị vì và tìm cách khôi phục cơ đồ. Vua Phù Nam chiếm đóng ở các tỉnh miền Tây Nam Việt ngày nay, gần bờ biển và vùng Bassac. Quân Chân Lạp đã chiếm Biên Hồ, chặn đường giao thông của Phù Nam với miền Mênam, đóng binh ở thủ đô VYÂDHAP-URA (TÔ-MOU) và miền hạ lưu sông Mékong, rồi tuyên bố dựng nước.

Quốc vương Xích Thồ (TCHE T' OU) ở trung tâm Thái Lan là một nhánh họ của dòng Vua Phù Nam cũng tự xưng độc lập. Năm 607, Vương quốc này tiếp một phái đoàn Sứ giả Trung Hoa.

Nước Sâm Bán (TS'AN PAN) và TAO MING cũng thuộc nhánh họ của Phù Nam, tự xưng độc lập. Năm 625, Vương quốc Ts'an-pan tiếp một phái đoàn Sứ giả Trung Hoa.

Triều đình Phù Nam đóng ở miền Nam Bassac tại NA-FOU-NA. Năm 616 và lần cuối cùng năm 627, Quốc vương Phù Nam gọi Sứ giả sang Trung Hoa cầu quân cứu viện để đánh Chân Lạp nhưng Vua Tàu là nhà ĐƯỜNG (T'ANG 618-907) từ khước.

Sứ Trung Hoa ghi rằng :

«Dưới triều VÕ-ĐỨC (WOU-TO 618-627) Vua Cao tổ Lý Uyên (618-627) và TRỊNH QUÁN (TCHENG-KOUEN 627-650) Vua Thái tông Lý thế Dân (627-650), Vua Phù Nam phái Sứ giả dâng hai người dân «đầu trắng». Giống người này ở về phía Tây nước Phù Nam, mặt trắng toát, da láng như thoa

dầu, sống trong hang núi, bốn mặt vách đá dựng đứng không ai vào được, sát ranh giới nước SÂM-BÁN (TS'AN-PAN)».

Triều đại Phù Nam chấm dứt từ năm 627 Dương lịch.

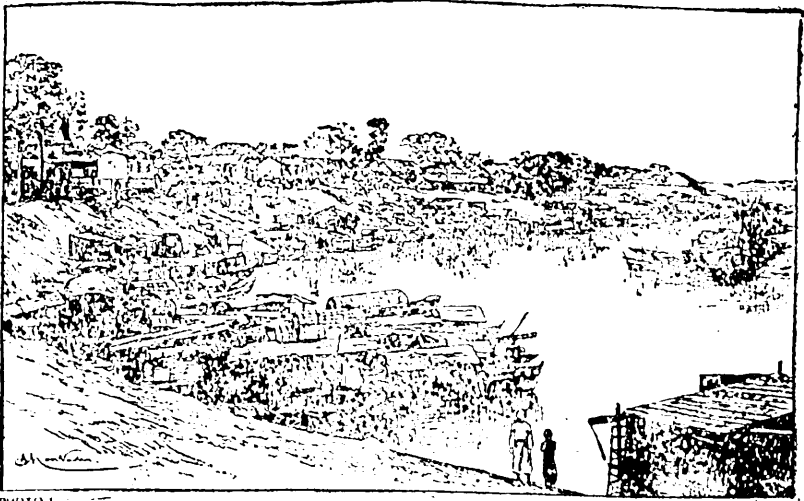


PHOTO 1

PHOTO 2

Thủ đô Cao Miên khi người Pháp mới bảo hộ (giữa thế kỷ thứ 19)

PHỒ HỆ TRIỀU ĐẠI PHÙ - NAM

— LIEOU-YE (DIỆP LIỄU)	hạ bán thế kỷ thứ I
KAUNDINYA (HOUE-	
T'IEH hay HOUE-	
CHEN (HỒN ĐIỀN)	nt
— HOUEH-P'AN-HOUANG	Sinh năm 127
(HỒN BÀN HUỐNG)	mất năm 90 tuổi
— HOUEH-P'AN-P'AN	217—220
(HỒN BÀN BÀN)	
— FAN-CHE-MAN	220—225
(PHẠM SỬ MANG)	
— FAN-KII I-CHENG	bị ám sát 225
(PHẠM-KIM SANH)	
— FAN-TCHAN (PHẠM CHIÊU)	225—245
— FAN-TCH'ANG (PHẠM-TRƯỜNG)	bị ám sát 245
— FAN-SIUM (PHẠM-TẦM)	245—287
— TCHAN-T'AN (CHIÊU-ĐÀN)	357 (?)-(?)
— KAUNDINYA (KIAO-TCH'EN-	(?)-(?)
JOU KIỀU TRẦN NHƯ	
— ÇRI-INDRAVARMAN hay	424 (?) - 438 (?)
ÇRESHTHAVARMAN (TCH'E-	
LI-T'O-PA-MO TRÌ-LÊ-ĐÀ-BẠT-MA)	
— KAUNDINYA-JAYAVARMAN	470 (?) - 514
(KIAO-TCH'EN-JOU CHÔ-YA-PAMO	
KIỀU-TRẦN-NHƯ-XA-ĐÀ-BẠT-MA)	
— RUDRAVARMAN (LIEOU-T'O-PA-MO	514-550
LƯU ĐÀ BẠT MA)	
— ?	?
— ?	?
— ?	?
— ?	? — 627

NIÊN BIỂU

CÁC TRIỀU ĐẠI: TRUNG-HOA, VIỆT-NAM, PHŨ-NAM, CHIÊM-THÀNH
TỪ THỜI THƯỢNG CỔ ĐẾN THẾ KỶ THỨ BẢY

Năm Tây - lịch	TRUNG-HOA	VIỆT-NAM	PHŨ-NAM	CHIÊM-THÀNH
4480	— BÀN CỜ			
4365	— TAM HOÀNG			
trước	THIÊN-HOÀNG			
Tây	ĐỊA HOÀNG	HỌ HỒNG BÀNG		
Lịch (?)	NHƠN HOÀNG	Tục truyền Vua		
	— TOẠI HOÀNG	Đế-Minh đi tuần		
	hay TOẠI NHÂN	thứ phương Nam		
	đạy dân lấy	đến núi Ngủ Lính		
	lửa nấu chín	(tỉnh Hồ - Nam		
	đồ ăn. HỌ	bảy giò) gặp một		
	HỮU - SÀO	nàng Tiên lấy		
	bảy cách kết cành	nhau để ra Lộc-		
	cây trên đại thọ	Tục.Vua Đế-Minh		

ân trú

phong Lộc Tục
làm vua phương
Nam

2852 — NGŨ ĐẾ (2879-258 trước
T.Lịch)

2255 — PHỤC - HI - K I N H -
THỊ hiệu THÁI D U Ơ N G .
trước HẠO (2852-2737) VƯƠNG (Lộc-
Tây lịch. day dân phép Tục) đặt quốc-hiệu
cưới vợ, gả là Xích - Quỷ. Bờ
chông, nuôi thú cỡi nước Xích-Quỷ
vật đề sai khiến, bấy giờ phía Bắc
làm lưới đề săn giáp Đông đình
và đánh cá, vẽ hồ (Hồ-Nam), Nam
hình bát quái, chỉ giáp nước Hồ-Tôn
cải lễ Âm dương (Chiêm - Thành),
sinh hóa của Tây giáp Ba-Thục
muôn vật, chế (Tứ Xuyên), Đông
nhạc khỉ. giáp biển Nam-Hải.

— T H Ầ N - Kinh - dương -

NÔNG-THỊ hiệu Vương lấy con gái
VIÊM-ĐỂ (2737- Động - đình - quân
2697) chế ra cày là Long-nữ đẻ ra
bừa, dạy cày Sùng-Lãm nổi ngôi
ruộng, lập chợ làm Vua xưng là
búa đề trao đổi Lạc - Long-Quân.
hóa vật, nếm các Ấy là Hùng-
thứ cây, cò đề tìm Vương thứ I.
vị thuốc trị bệnh. — LẠC - LONG -
— HỮU-HÙNG QUÂN húy là
THỊ hiệu HÙNG-HIỀN lấy
HUỲNH - ĐỂ con gái Vua Đế Lai
(2697-2597) đẹp là Âu Cơ sanh một
loạn XUY-VUU trăm người con trai.
ở Trác-lộc, dùng Lạc - Long - Quân
xe chỉ nam tìm bảo vợ chia con 50
phương hướng, người theo cha lên
mở mang bờ cõi, núi, 50 người theo
đặt ra y phục, mẹ xuống biển
xây dựng nhà cửa Nam-Hải. Ngai

cung thất, chế đồ phong người con
dùng bằng đồng, trường sang làm
xe cộ, ghe thuyền. Vua nước Văn

Nguyên phi là Lang xưng là
LUY-TỒ phát HÙNG-VƯƠNG
mình nghề nuôi thứ 2.

tằm và thứ xe kéo Nước Văn-Lang
kén ra tợ. Nhà chia ra làm 15 bộ:

Thiên-văn Dung- 1. Văn-Lang (Bách
THÀNH phát hạc tỉnh Vĩnh-Yên)

mình ra máy Cái- 2. Châu - Diên
thiên đề quan sát (Sơn-Tây)

thiên tượng; ông 3. Phúc-Lộc (Sơn-
T H U O N G. Tây)

TRỆT chế ra văn 4. Tân Hưng
tự, tượng hình. (Hưng - Hóa - dài

Sứ giả nước Tuyên-Quang)
Việt thường sang 5. Vũ-Định (Thái-

cống chim Nguyễn Cao-Bằng)
bách trí. Vua 6. Vũ-Ninh (Bắc-

- Fluỳnh để tặng Ninh)
xe Chi Nam dò
đường về.
- KIM-THIÊN
THỊ hiệu THIẾU
HAO (2597-2513)
— CAO -
DUƠNG - THỊ
hiệu XUYẾN -
HỨC (2513-2435)
— CAO - TÂN
THỊ hiệu ĐỂ -
CỐC (2435-2365)
— ĐỂ - CHÍ
(2365 - 2357)
— ĐÀO-ĐUỜNG
THỊ - hiệu -
TÍNH
ĐỂ - NGHIỀU
(2357- 2255) Sai
ông HY, ông HÒA
Quảng-Trị)
7. Lục-Hải (Lạng
sơn)
8. Ninh-Hải
(Quảng-Yên
Đương - Tuyển
Hải-Dương)
10. Giao-Chí (Hà-
Nội, Hưng - Yên,
Nam-Định, Ninh-
Bình)
11. Cửu - Châu
(Thanh-Hóa)
12. Hoài - Hoan
(Nghệ-An)
13. Cửu-Đức (Hà
Tĩnh)
14. Việt - Thường
(Quảng - Bình,
Quảng-Trị)

làm lịch chia một năm 360 ngày có tháng nhuận Ông Thuấn giúp Vua đi tuần thú bốn phương, định phép đo, cân, lường cho nhất luật. Sông Hoàng Hà ngập lụt Ông Cồn trị lý vô hiệu quả.

— HỮU - NGU. THỊ hiệu ĐỂ THUẦN (225-2205) sai ông Võ (con ông Cồn) trị lụt có kết quả, dùng người hiền năng như ông

15. Bình-Văn (?) — H Ữ N G - VƯƠNG thứ 2 đóng đô ở Phong-Châu (bây giờ là Bạch - hạc, tỉnh Vĩnh - Yên) đặt quan văn là Lạc Hầu, tướng võ là Lạc tướng con trai Vua là Quan Lang con gái Vua là Mị-Nương, các quan nhỏ gọi là Bô-Chính. Quyền chính-trị thì cứ cha truyền con nối gọi là phụ đạo. Sứ chép dưới thời này, người

Tiết, Cao, Dao, nước Văn - Lang
ích, Tắc, đặt ra làm nghề chài lưới
lệ tuần thú, lập thường bị giống
nhà học thượng thường luông làm
trường và hạ hại, Vua bắt dân
trường.

ĐỒI TAM ĐẠI

NHA HẠ

2205 — **ĐẠI-VÔ** (2205 không cần giết nữa
1818 2197) chia nước Ở mũi thuyền có
làm 9 châu: Kỳ, vẽ hai con mắt

trước Tây Duyện, Dục, giống như mắt cá
lịch Thanh, Từ, cũng có ý đề các
Dương, Kinh, loài thủy quái
Lương Ung định không quấy nhiễu,
lệ công, thuế cho Vua Hùng -
các Châu ấy, đặt Vương truyền
ra cứu trừ đề được 18 đời đều
định rõ các mối lấy tên Hùng-
luân thường và Vương.

chánh-trị.

— ĐỂ KHẢI VƯƠNG thứ 3
(2197-2188) đánh húy HÙNG QUỐC
đẹp HỮU-HỒ là — H Ữ N G .
một chữ hầu vô VƯƠNG thứ 4
đao. húy HÙNG HIỆP

— THÁI — H Ữ N G -
KHUÔNG VƯƠNG thứ 5
(2188-2159) ham húy HỮNC. HY

chơi bồi, vô đạo — H Ữ N G -
Tù - trường rợ VƯƠNG thứ 6
Đông đi là Hậu húy HÙNG HUỖ.
Nghệ phế, lập em Nước Văn-Lang
Vua lên thay. bị giặc Ân đánh

— TRÔNG- phá. Vua sai sứ
K H U Ơ N G đi tìm người tài
(2159-2146). giới ra chống cự.

— TỬ-TUÔNG Ở làng Phú-Đông
(2146 - 2119) ở bộ Vô Ninh (nay
ngôi 28 năm bị là huyện Võ-giang

Hậu - Nghệ đuôi tỉnh Bắc-Ninh) có đi mà lên thay. đưa trẻ xin đi. Vua lánh ở Vua cho đòi vào Thương - Khâu. đưa trẻ xin Bầy tôi của Nghệ đúc một con ngựa là Hàn-Xúc hay và cái roi bằng sắt Hàn - Thúc giết xong rồi vương Nghệ giết Vua vai một cái hóa ra Tương tự lập cao lớn thúc ngựa làm Vua.

— HÀN- THỨC (soán ngôi) 2119-2079) truyền lập đền thờ

Vợ Vua Tương ở làng Phù Đồng là Mân có thai, phong là Phù-trốn ở Hữu- Đồng Thiên - Nhung sanh Vương, hằng năm Thiếu - Khương đến mừng 8 tháng sau 39 năm, di 4 thì tế lễ. thần nhà Hạ là

- Mi giết Hàn -
Thúc rước Thiệu
Khương lên ngôi.
— THIẾU- — H Ữ N G-
K H Ữ Ơ N G VƯƠNG thứ 7
(2079-2057) húy H Ữ N G
— TRỮ (2057- CHIÊM
2040) — H Ữ N G.
— QUÊ (2040 VƯƠNG thứ 8
2014) húy H Ữ N G-VĨ
— MANG (2014- — H Ữ N G-
1996) VƯƠNG thứ 9
— TIẾC (1996. húy H Ữ N G-
1980) ĐÌNH
— CUỘC.BẮT- — H Ữ N G.
ĐĂNG (1980. VƯƠNG thứ 10
1921) húy H Ữ N G-UY
— BẮT ĐĂNG — H Ữ N G-
(1921-1900) VƯƠNG thứ 11

- CẦN (1900-1879) húy H Û N G-TRINH
— KHÔNG húy H Û N G-
GIÁP (1879-1848) VƯƠNG thứ 12
— CAO (1848-1837) húy HÙNG-QUÝ
— húy H Û N G-
— PHÁT (1837 VƯƠNG thứ 13
1818) húy HÙNG-VIỆT
— LÝ QUÝ hay húy H Û N G
THỦ, gọi là Vua VƯƠNG thứ 14
KIỆT (1818-1783) húy HÙNG-ANH
say mê MUỘI HỖ — H Û N G
lập cung thất, ao, VƯƠNG thứ 15
vườn rất xa xỉ, húy H Û N G
đắm đuối tửu sắc TRIỆU
— H Û N G
giết gián thần là VƯƠNG thứ 16
LONG BÀN, bị
THÀNH THANG húy HÙNG TẠO
lật đồ, dầy ra ở — H Û N G
Nam Sào. VƯƠNG thứ 17

1783
1154 trước
Tây lịch

NHÀ THƯỜNG húy HÙNG-NHỊ
— T H A N H — H Û N G-
THANG (1783- VƯƠNG thứ 18
1753) mời ông Y- húy HÙNG-DUỆ
DOÃN ở đất Vua có người
HỮU-SÀN làm con gái tên Mị-
Tề-tướng đánh Nương nhan sắc
đẹp các Vua chư tuyệt trần. Sơn-
hầu tàn bạo, phé Tinh và Thủy-
Vua Kiệt, lên Tinh đều muốn hỏi
ngôi đế.
— THAI GIÁP hôm sau ai đem đồ
(1753-1720) bạo lễ đến trước thì
ngược bỏ chế độ gả cho người ấy.
củ, bị Y-DOÃN Sơn-Tinh đến
đem an-trí ở trước, cưới Mị-
đất Đông 3 năm Nương đem về núi
mới rước về. Vua Tản-Viên (tức là
sư đòi tánh nét, Vua núi Ba-Vi ở Sơn-
chăm lo việc Tây). Thủy-Tinh

- chánh chủ hầu đến sau, tức giận
đều phục. mới làm mưa
— THÁI-ĐỈNH to gió lớn, dâng
(1720-1691) nước đánh Sơn-
— THÁI CANH Tinh. Sơn-Tinh
(1691-1666) trên cao, hễ nước
— TIÊU GIÁP lên bao nhiêu thì
(1666-1649) làm cho núi cao
— UNG Kử(:649- bấy nhiêu, lại dùng
1637) Kỳ cương sắt sét đánh
rối loạn chủ hầu Thủy-Tinh
không thần phục. phải rút nước chạy
— THÁI-MẬU về. Từ đó, Sơn-
(1639-1562) dùng Tinh và Thủy-
các công Y-TRÁC, Tinh thù nhau,
V U H A M, mỗi năm vào tháng
THẦN-HỘ làm 6, tháng 7 đánh
tướng, nước nhà nhau một lần, dân
thịnh trị. gian thật là cực
— T R O N G khổ.

DINH (1562-

1549)

— NGỌAI

NHÂM (1549-

1534)

— HÀ ĐÂN-

GIÁP (1534-1525)

Thế nước suy vi.

— TỖ ẤT (1525-

1506) dùng VU-

HIỀN làm tướng

để nghiệp lại

hưng vương.

— TỖ - TÂN

(1506-1490)

— THÁI - GIÁP

(1490-1465)

— TỖ - DINH

(1465-1433)

— NAM-CANH

(1433-1408)

— D U Ớ N G
G I Á P (1408-
1401) các con
tranh giành,
trong nước rối
loạn, chư hầu
không thần phục.

— BÀN-CANH
(1401-1373) đời
đồ sang Ân, thi
hành những việc
nhân chính đời
trước, trăm họ
thái bình, chư
hầu đều phục.

— TIÊU-TÂN
(1373-1352) Nhà
Ân lại suy đốn.

- TIÊU - ẤT
(1352 - 1324)
- VÕ - DINH
(1324 - 1265)
- nhờ có tướng là
PHỐ DUYẾT
nên nhà ÂN
lại phục hưng.
- TỖ - CANH
(1265 - 1258)
- TỖ - GIÁP
(1258 - 1225)
- LAM - TÂN
(1225 - 1219)
- CANH-DINH
(1219 - 1198)
- VÕ - ẤT
(1198-1194) chơi
bơi dầm dật, trề
biếng chính sự,

nhà Ân suy dần.

— THÁI-DINH

(1194 - 1191)

— ĐẾ - ẤT

(1191 - 1154)

— ĐẾ TÂN hiệu

TRỤ (1154-1122)

mê đắm ĐẤT.KỶ

đặt thuế khóa

nặng nề, dựng lâu

đài, xây ao hồ,

chơi bởi dâm dật,

dùng hình phạt

thảm khốc.

TÂY-BÁ - PHÁT

hội 800 Chư hầu

đánh. Vua TRỤ

tự thiêu.

1129-256 NHÀ CHÂU

trước Tây lịch TÂY CHÂU

— VÕ VƯƠNG
(1122-1115) diệt
nhà Ân, đặt là
CHÂU.

-- T H A N H -
V U O N G
(1115-1078) còn
nhỏ, CHU-CÔNG
là em Vua Võ-
vương giữ chức
T R Ủ N G - T Ê,
coi việc nước,
đánh dẹp V Ō -
CANH con Vua
TRỤ và QUẢN
T H Ứ C, Q U Í
THỨC làm phản.
Ông lo sửa sang,
đặt ra các chế độ
đáng làm phép

- tắc cho đời sau.
— K H U Ờ N G
V U Ờ N G (1078-
1052). Dưới triều
Thành - Vương và
Khương - Vương
các hình phạt không
dùng hơn bốn
mươi năm.
— C H I Ê U
V U Ờ N G (1052 -
1001) Nhà Châu bắt
đầu suy dần.
— M Ụ C V U Ờ N G
(1001-946).
— C Ứ N G -
V U Ờ N G (946-934
Ý V U Ờ N G (934-
909).

— HIẾU-VƯƠNG

(909-894)

— DI - VƯƠNG

(894-878)

— LỆ - VƯƠNG

(878-827) dùng kẻ

tiểu nhân, làm việc

bạo ngược, ai nói

đến thì giết, bị dân

nổi lên đánh bỏ

chạy vào đất Phệ.

Hai ông CHÂU và

TRIỆU chung coi

việc nước, sử gọi

là chính thể Cộng

Hòa.

— T U Y Ê N -

VƯƠNG (827-781)

Nhà CHÂU phục

hưng, đời sau gọi

Vua là TRUNG-
HUNG-CHỦ.

— U-V U Ớ N G
(781-770) say mê
BAO - TỰ phế
chánh cung
KHƯƠNG-HẬU,
cha bà là THÂN-

HẬU nhờ rợ
K H U Y Ề N -
NHUNG đánh giết
Vua, lập Thái-tử
lên thay.

— BÌNH-VƯƠNG
(770-719) đời đô
sang LẠC-ẤP, Sử
gọi là ĐÔNG
CHÂU.

ĐÔNG CHÂU
— HOÀN

VƯƠNG (719-696)

Nhà CHÂU suy vì
chư hầu thôn tính
lần nhau tổng số
hơn 1000 còn lại

12 là TỀ, SỖ,
TẤN, TÀN, LỒ,
VỆ, TỔNG, YÊN,
TRÌNH, TÀO,
TRẦN, SÁI.

— T R A N G -
VƯƠNG (696-681)

— H I - VƯƠNG
(681-676)

— HUỆ VƯƠNG
(677-651)

— T U Ō N G
VƯƠNG (651-
618)

— K H U Y N H

VUÔNG (618
612)
— KHUÔNG
VUÔNG (612-
606)
— ĐINH
VUÔNG (606-
585)
— GIẢN
VUÔNG (585-
571)
— LINH
VUÔNG (571-
544)
— KIẾN
VUÔNG (544-
520)
— DAO VUÔNG
(520-519)
— KINH

- VƯƠNG (519-475)
- NGUYỄN-VƯƠNG (475-468)
- TRINH-ĐÌNH-VƯƠNG (468-440)
- AI-VƯƠNG (440)
- TỬ-VƯƠNG (440)
- KHẢO-VƯƠNG (440)
- OAI-LIỆT-VƯƠNG (425-401)
- AN-VƯƠNG (401-375)

— LIỆT -
VƯƠNG (375 -
368)

— HIỀN -
VƯƠNG (368 -
320)

— THẬN QUÍ
VƯƠNG (320-
314)

— BẢO VƯƠNG
(314-255)

NOAN VƯƠNG
Đ Ô N G

CHÂU QUÂN
(255)

Chính lệnh Thiên
Tử không được
Chư hầu tuân
phụng nữa người
xưng Công, kẻ

xung Bá đánh
nhau không ngớt
đời sau gọi là
thời XUÂN-THU
Chu hầu nào lấy
có tôn phù nhà
Châu được làm
Minh chủ gọi Bá.
Thuở ấy có 5
Chư hầu kẻ
nhau làm Minh
chủ nên gọi là
NGŨ-BÁ : Hoàn
(257-207 trước Tây
công nước Tề, lịch)
Văn Công nước
Tần, Tương Năm Quý Mão
(258 trước Tây lịch)
Công nước Tống, Thục Phán diệt họ
Trang Công nước
Sở, Mục công Hồng-Bàng lấy
nước Tần. Tất nước Văn-Lang,
đổi quốc hiệu là

NHÀ THỤC

cả đều bị nước
Tần tiêu diệt luôn
cả nhà CHÂU.

Âu-Lạc.

Vua Hùng-
Vương thứ 18

256-206

NHÀ TẦN

trước

TRẠNG TƯỚNG

Tây lịch

VUÔNG (256-?)

tử.

— V U Ơ N G Năm Giáp Thìn

CH Á N H nổi (257 trước Tây

nghiệp, đánh dẹp lịch) Thục Phán

5 nước, thống dẹp yên mọi nơi,

nhất lãnh thổ. lên tức vị, xưng là

ngôi Hoàng đế AN - DƯƠNG-

hiệu là THỦY VUÔNG đóng

HOÀNG(221-208) đô ở Phong Khê

chia nước làm 36 (nay thuộc huyện

quận, chỉnh đốn Đông-Anh, tỉnh

mọi việc cho nhất Phúc-An). Năm

thống, thu hết Bính-Ngo (255)

bình khí, đúc 12 Ngai xây Loa-

người bằng đồng, thành.

đựng cung A Năm Đinh-Hợi
phòng, xây Hoàn (214) Vua Tào là
lãng, đắp đường, Tần - Thi-Hoàng
xây Vạn-lý trường sai tướng Đồ-Thư
thành, sai Đồ- đánh lấy đất Bách-
THƯ đánh lấy Việt. An-dương-
miền Bắc bộ Vương xin thần
nước Âu-Lạc; phục. Nhà Tần
Vua AN - chia đất Bách
D U O N G - Việt và Âu-Lạc
VƯÔNG xin làm ba quận :
thần phục. Thủy- Nam-Hải (Quảng-
Hoàng nghe lời đông), Quế Lâm
LÝ-TU đốt hết (Quảng-Tây) và
sách cỏ, chôn Tượng quân (Bắc-
sống 460 người Việt). Người
dám chỉ trích. Bách Việt trốn
— NHỊ THỂ trong rừng ở, ít
(208-205) nghe lời lâu sau nổi lên
TRIỆU - CAO giết Đồ-Thư.

dùng binh pháp
rất hà khắc, giết
hại các vương tử,
đại thần, anh
hùng khắp nơi
nổi dậy. Vua nghe
Triệu giết Lý-Tư,
và ba họ rồi bị
Triệu giết, lập
Thái-Tử lên.

— VƯƠNG TỬ
ANH (205-206)
tức vị liên giết
Triệu-Cao. Lưu-
Bang tiến quân
vào Bá-Thượng
TỬ-ANH đầu
hàng

206-202 -- HÁN. SỞ
trước Tây TRANH HÙNG

NHÀ TRIỆU
207-111 trước

lịch

— HẠNG VÔ Tây lịch
(Số) theo LƯU- — TRIỆU - VŨ
BANG (Hán) vào VƯƠNG (207-
đất Tần cướp phá 137 trước Tây
Hàn dương, giết lịch, Triệu Đà
VƯƠNG - TỬ - đánh được An
ANH, quật mở Dương - Vương
TẦN - THỦY - sắp nhập nước
HOÀNG, đốt Âu-Lạc vào quận
cung thất 3 tháng Nam-Hải đất là
mới cháy hết. Nam - Việt tự
Hạng Vô tôn SỞ xưng là VŨ-
HOÀI. VƯƠNG VƯƠNG đóng
làm NGHĨA ĐẾ, đô ở Phiên,
rồi lại giết mà Ngung, gần thành
tự lập làm TÂY Quảng-Châu bảy
SỞ BẢ. VƯƠNG, giờ.
lập LƯU. BANG
làm H A N.
VƯƠNG. Lưu-

Bang cùng Hạng
Vô đánh nhau
bốn năm. Hạng Vô
tự tử ở Ô-Giang.
Lưu Bang lên
ngôi Hoàng-Đế.

202 trước
Tây-lịch
lịch —
9 (T.L.)

NHÀ HÁN
— CAO - TỒ
(Lưu-Bang) (202-
194) đóng đô ở
Trường An, giết
lần lần những
công thần khai
quốc như Hàn
Tín, Bành-Việt,
Anh-Bổ làm phản
bị đánh rồi chết.
Vua phong cho họ
hàng và công thần
làm vương thần ở

Vua Cao-Tồ nhà
Hán sai Lục-Giả
sang phong cho
VŨ-VƯƠNG.

các yếu địa, đất còn lại thì chia ra quận huyện : chế độ «quận quốc». Năm thứ 7, Mao-đốn Thuyền-Vu, Vua Hung-Nô xâm lấn vây Vua ở Bạch-dăng 7 ngày. Sau, Vua gả con gái tông thất cho Mao-đốn để cầu hòa.

— HUỆ-ĐẾ Năm Mậu - Ngọ (Doanh) (194 (183), Lữ Hậu 187) — Bà Lữ cấm người Hán Thái Hậu (vợ buôn bán với Nam Vua Cao - Tò) Việt, Triệu - Vũ-lâm triều tranh Vương tự lập làm quyền Vua. Hoàng-đế cử binh

— THIỀU - ĐẾ đánh quận
(187- 179) ngồi Trường-Sa (tỉnh
làm vì, quyền Hồ-Nam). Năm
chính trong tay Canh-Thân (181),
LỮ THÁI HẬU. Hán triều sai quân
nên sử chép triều đánh Nam-Việt bị
đại nầy thuộc về thua to. Triệu Vũ
CAO - HẬU hay Vương oai danh
LỮ-THỊ . Cao - cả đây.
Hậu phong
Vương cho họ
hàng, giết hại công
thần nhà Hán

— HIẾU - VẤN -
ĐẾ (Hàng) (179 sai Lục Giả đem
156). Cao - Hậu thư khuyên Vũ
băng, Thái Úy Vương thuận bỏ
Chu Bật và Thừa đế hiệu. Nam,
tướng Trần-Bình Bắc giao thông,
chém cả họ hàng hòa hiếu như xưa.

họ Lữ. Vua Văn-
đế nhân kiện, bỏ
nhục hình, bỏ lễ
cống, miễn thuế,
lấy đức hóa dân.

— HIẾU CẢNH
ĐẾ (156-140)

lên ngôi thu bớt
một phần đất đai
của mấy nước.
Các nước này làm
phản nhưng bị
đẹp yên. Vua tiết
kiệm, thương dân
nên nước giàu,
kho dựn đầy đủ,
ấy là thời cực
thịnh của nhà
Hán.

— HIẾU-VÕ-ĐẾ Năm Giáp Thìn

(Triệt) (140-186) (137) Triệu-Vũ-sai Lê Bá-Đức, Vương băng, thọ DƯƠNG - BỘC được 121 tuổi bình định Nam - TRIỆU - VĂN - Việt (Lương) (Hồ) VƯƠNG (137-125 trước Nam và Bắc bộ Tây-lịch) là cháu Việt Nam ngày đích tôn của Vũ-nay, thu vào bản Vương lên ngôi. đồ đặt làm 9 Năm 135 quận. Đoàn xua quân Mãn - Việt quân vào Triều đánh phá biên tiên, dẹp rợ Hung thù Nam - Việt, nô, sai Trương Triệu-Văn-Vương Khiên đi sứ Đại không dám đánh, nhục Chi ở sai sứ cầu cứu Trung - Á, giao nhà Hán. Vua thông với các Hán sai Vương-nước Tây Vực Khôi và Hàn-An-tuyên đường oai Quốc đánh dẹp

đức nhà Hán. Nhờ Mân - Việt Vua Vô đế, Đông Á và Triệu cho con là Trung A được Anh-Tề sang Tàu hưởng một cảnh châu Vua Hán và thái bình mà sứ ở đến 10 năm mới Tây gọi là Thái bình Trung Quốc bằng.

(Pax Sinica). Vì TRIỆU-MINH-VƯƠNG thời đại về vang (125-113 trước T. ấy mà người Tàu tự xưng là người Hán.

Tề về nước lên ngôi, đem người vợ lẽ là Cù-thị và đứa con tên Hưng về lập Hoàng hậu và Thái Tử.

— HIẾU CHIÊU ĐỂ (Phật Lãng) (86-73) lên ngôi mới có 8 tuổi nhờ ông Hoắc-Quang làm phụ chính.

— HIẾU TUYÊN (113 trước T.L) Thái

ĐẾ (73-48) Chiêu Tử Hưng nói
để không có con, ngôi cha. Vua
Quang rước Hán sai An-
Xương ấp Vương Quốc-Thiếu - Quý
là Hạ lên ngôi, sang dụ Nam-
nhưng Vương Việt. Thiếu-Quý
dâm dật, chơi tư thông với Cù-
bởi nên ông phế Thị đồ dành Ai-
đi, lập Tuyên đế. Vương đem Nam-
Vua sai Thường Việt dâng nhà
Huệ đẹp Hưng Hán. Tề Tướng
Nô, đặt nền đồ Lữ-Gia đem quân
hộ ở Tây Vực. cấm binh giết Sứ
— HIẾ U Hán, Cù-thị và
NGUYÊN ĐẾ Ai-vương, tôn
(Thích) (48-32). Thái-tử Kiến-Đức
Nhà Hán bắt đầu là con trưởng của
suy-vi, Vua như Minh Vương lên
nhược, ít quyết ngôi.
đoán. Ngoại thích T R I Ệ U

là SỬ-CAO kết D U Ơ N G
cầu với loạn quân VƯƠNG (113-
giết công thần. 111 trước T.L.)

— H I Ế U tức vị độ một
THÀNH ĐỂ năm thì Vua Vĩ-
(Ngao) (32-6) Đế nhà Hán sai
dùng con bà Lộ-bác-Đức và
Vương Thái-hậu Dương-Bộc xua
là Vương Phụng quân đánh Nam
làm Đại-Tư Mã. Việt giết Vua
Anhem họ Vương Dương-Vương và
thay nhau nắm
chính quyền.

**BẮC THUỘC
LÀN THỨ
NHẤT.**

(111 trước Tây-
lịch - 39 sau Tây-
lịch).

Vua Võ Đế giết
Triệu Dương-

Vương rồi cái tên nước Nam Việt là Giao-chỉ bộ, chia ra làm 9 quận là Nam - Hải, Thương-Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao-chỉ, Cửu Chân, Nhật-Nam Châu-Nhai, Đạm-nhi, mỗi quận có quan Thái-Thú và có quan Thứ-sứ giám sát các quận. Ở Giao-chỉ có những Lạc-tướng hay là Lạc Hầu cai trị các bộ lạc. Vị Thứ sử đầu tiên là Thạch

Đãi đóng phủ trị
ở Long Uyên.

— HIẾU AI

ĐỂ (6 trước Tây
T.L. — 1 T.L.)

— HIẾU BÌNH Năm 2 Tây-lịch,
ĐỂ (1-6) lên ngôi ông Tích-Quang
còn nhỏ, Bà Thái-
Hậu lâm triều, quận Giao-Chỉ
Tân đô hầu là hết lòng lo việc
Vương Mang giữ khai hóa, dạy dân
chính quyền. lấy điều lễ nghĩa,
Mang giết Vua, được nhiều người
lập cháu huyền kính phục.
tôn Vua Tuyên đế

2 tuổi tên là ANH
lên ngôi.

— NHỰ TỬ

ANH (6 - 9)
Vương Mang tự

xưng là Giả Hoàng
đế, tiến ngôi Vua
đổi quốc hiệu là
TÂN.

(9-23)

V Ư Ơ N G
MĂNG

(6-9) thi hành một
cuộc cách mạng xã
hội, kinh tế
sâu rộng. Tôn
thất nhà Hán là
LƯU DIỄN và
LƯU - TỬ tôn
LƯU - HUỖN
làm Hán đế, đóng
ở đất Uyển (Hà-
Nam). Lưu Tú
vào Trường An
giết Vương -
Mãng.

— ĐỂ HUỖN
(23 - 25) như
nhược, không làm
được việc gì. Các
tướng xin Lưu -
Tú lên ngôi
Hoàng đế.

**NHÀ ĐÔNG
HÂN HẠY
HẬU HÂN**

25-220

— QUANG-VÔ

(Lưu-Tú) (25-58)
dời đô về Lạc
Dương, dẹp yên
nội loạn gọi hàng
Phàn - Sùng thủ
lãnh nhóm Xích-

Năm 26 ông Nhâm
Diên làm Thái-
thủ quận Cửu -
Châu dạy dân
dùng cây bừa
khai khẩn ruộng
đất, dạy làm lễ

**PHỦ NAM LẬP
QUỐC**
— LIEOU - YÊ
Diệp Liêu) (?-?)
— KAUNDINYA
(Houen - T'ien,
Hòn Diên) (? - ?)
Kaundinyatư Ấn-
Độ đến Phủ-Nam
theo lời Thần
báo mộng, thụ
phục được Lieou-

sai Mã-Viện bình
định Giao chỉ đẹp
Trung-Trắc.

khí lấy vợ, lấy
chồng.

Năm Giáp
Ngọ 34, Vua
Quang-Võ sai Tô.
Định làm Thái-
thủ quận Giao
chỉ là người bạo
ngược, tàn ác.
Năm Canh-Tí (40
Tô-Định giết Thi
Sách. Vợ Thi-
Sách là Trung-
Trắc con gái quan
Lạc tướng huyện
Mê - Linh cùng
em là Trung Nhị
nổi lên đánh đuổi
Tô-Định, hạ 65

Ye, cưới làm vợ,
lên ngôi Vua, lập
ra nước Phù -
Nam Ngải đem
văn-hóa Ấn, chữ
viết và luật pháp
truyền bá trong
dân gian, bắt vợ
và dân phải mặc
chăn không cho
đề trần truồng.

thành tự xưng làm
Vua.

Năm Tân - Sửu
(41), Vua Quang-
Vô sai Mã-Viên
đánh Trưng -
Vương nhiều trận
mãi đến ngày
mồng 6 tháng 2
năm Quý-Mão (43)
hại Bà giec mình
xuống sông Hát-
Giăng tự tử.

— HIẾU-MINH-
ĐẾ (Trang) (58-
76) sai quan quân
bình các phiên
bang. Hung-Nô
và các nước Tây
BẮC THUỘC
LẦN THỨ 2 (43-
544) Nhà Hán dựng
cột đồng ở chỗ
phân địa giới
khắc sáu chữ

Vực cho Hoàng- «Đồng trụ chiết,
Tứ vào học và Giao Chỉ diệt»

vào châu. Quan lại sang cai

— H I Ế U
CHƯÔNG - ĐẾ ác, tham nhũng bắt
(Huyện) (76-89) dân lên rừng xướng
các nước Tây biến tìm châu báu.
Vực phản loạn. Dân ở quận Hợp-
Vua sai Bàu-Sieu Phố phải xướng
đánh dẹp, oai biển mò ngọc trai
danh lừng lẫy. khổ quá đến nỗi
— HIẾU - HÒA- phải bỏ xứ mà đi.
ĐẾ (Kiến) (89- Vua ở xa, quan
106) Bắc Hung tha hồ đục khoét
Nô dôi, trong nên thường có
nước đại loạn. loạn lạc, dân
Vua sai Đậu- gian khổ sờ trảm
Hiếu dẹp. Ban chiều.
Sieu đánh được

Năm Nhâm Dần
(102) phía Nam
quận Nhật Nam
có huyện -
TƯỜNG - LÂM,
người ở huyện
này thường sang
cướp phá Nhật -

Nam. Vua Hòa-Đế
nhà Hán đặt quan
cai trị huyện này
đề phòng giữ sự
rối loạn.

nước Yên - Kỳ,
làm chủ đến Iran
tận biên giới Ấn-
Độ. Đậu - Thái-
Hậu cầm quyền,
anh là Đậu-Hiến
chuyển quyền
làm bầy. Vua mưu
cùng loạn quân
Trịnh Chung giết
Hiến. Hoàn quan
được đặc dụng.
-- HIẾU
THƯƠNG - ĐẾ
(106-107)
— HIẾU-AN-ĐẾ
(Hộ) (107 - 125)
dùng bọn hoàn
quan làm những

việc bạo ngược.

— HIẾU-THIỆU

ĐỂ (125-126)

— HIẾU -

THUẬN-ĐỂ (126

145) phong hoạn

quan làm Hầu,

phong cha vợ là

Lương - Thương

làm Đại-Tướng

quân. Thương

chết, con là Ký

lên thay phóng

túng, cho họ hàng

làm quan đầy

triều.

— HIẾU-XUNG

ĐỂ (145-146)

— HIẾU-CHẤT-

— HOUEN-P'AN Năm 137. dân

HOUANG (Hồn

Bàng-Huống) ?- phá thành này và

217) sanh năm giết chết viên

127, nổi ngôi Vua

cha, chia lãnh thổ

làm nhiều Chư

hầu rồi cầm quân

đánh dẹp giao cho

con cháu trấn

đóng gọi là Tiều

Vương, Năm 217

Ngài thắng hà.

ĐỂ (145-147) bị
Lương Kỳ đánh
thuốc độc chết,
lập Hoàn - Đế
thay.

— H I Ế U -
HOÀN - ĐẾ
(Chi) (147 - 168)
mưu cùng hoàn
quan giết Lương
Kỳ rồi phong
Hầu, Hoàn quan
đắc thế bị các
quan chống đối
và nảy sinh ra
họa «đảng cố»
khiến nhà Hậu
Hán lung lay.

— HIẾU - LINH Quan tâu cái trị

ĐẾ (Hoàng) (168 tàn ác, Vua lại
189) dùng ĐẠO bạc đãi người
Võ, Trần - Phồn, bốn xứ. Dân
Lý Ưng, ĐỒ- Giao Chỉ có học
Mật. ĐẬU và hành thông thái
Trần mưu giết đến đâu cũng
hoạn quan Tào không được giữ
Tiết, Vương Phủ việc chánh - trị.
không thành, bị Mãi đến đời Hiếu
chúng hạ sát và Linh đế mới có
hại tất cả người ông LÝ - TIẾN
nào chống báng được cất làm
đề tự do tung Thử Sứ ở Giao-
hoành. Trương Chi, LÝ CẨM làm
Giác nôi loạn gọi quan Tư lệ Hiệu
là giặc Hoàng Càn. Ủy và TRƯỞNG
Vua sai Hoàng TRONG làm
Phủ Tung và Tào Thái thú ở Kim
Thảo đẹp. Thành.

— THIÊU - ĐỂ Nước Tàu loạn (Biến) (189-190) lạc, ở Giao-Chỉ dùng anh bà Thái nhờ quan Thái Hậu là Hà-Tấn 'Thú là Sĩ-NHIẾP cầm chính quyền, cùng với anh em mưu cùng Viên-Thiệu giết hoạn quan. Hà Tấn bị được yên.

hoạn quan giết.
Viên-Thiệu đem binh bắt giết hơn 2.000 hoạn quan diệt hẳn tai họa. Đồng - Trắc vào Triều phết Thiệu - để lập Hiến-đế.

— HIẾU-HIẾN- Năm Quý Mùi — HOVEN - — KHU LIÊN
ĐẾ (Hiệp) (190- (203) quan Thứ- P'AN-P'AN (Hôn (SRI-MARA) (192-

220) Đông - Trác tự làm tướng quốc năm chánh quyền. Châu quận ở Quan Đông khởi binh đánh Trác tôn Viên-Thiệu làm Minh chủ. Tư đồ Vương Doãn mưu Lữ-Bổ giết Trác. Tào Tháo rước Vua qua đất Hứa đánh Viên-Thiệu bình Kỳ-châu, Ô Hoan, lên chức Thừa Tướng. Tháo đánh Lưu-sử là Trương Tân cùng Thái-Thú Sĩ Nhiếp dâng sớ xin Vua Hiến đế cải Giao-Châu. Vua Hán thuận. Sĩ-Nhiếp giữ được đất Giao - Châu khởi loạn và vẫn giữ lệ triều cống nên Vua Hán phong chức An-Viên-Tướng quân Long độ đình hầu. Sĩ-Nhiếp tự được dân chúng bầu lên ngôi Vua. Ngài chinh phục dân cho nên lòng lân bang trên lục

220) Năm 192, Khu Liên ở huyện Tượng Lâm giết quan Tà, tự xưng làm Vua gọi là nước LÂM-ẤP.

Bản Bản 217-220 nói ngôi Vua cha theo cuộc bầu cử rồi giao hết binh quyền cho Tướng Cri-Mara (Fan-Man) Phạm-Mậu. Năm 220, Ngài thắng hà. — FAN CHE MAN (Phạm-Sử Mang 220-225) là toàn danh của Tướng FAN-MAN. Ngài được dân chúng bầu lên ngôi Vua. Ngài chinh phục lân bang trên lục

Bị ở Từ Châu, người cảm mộ địa và trên mặt
Bị chạy đến Kinh công đức gọi tôn biển nổi tiếng lấy
Châu rồi nương là Sĩ-vương, lưng. Ngài lập

Tôn-Quyền hợp một hải cảng, đóng
lại đánh Tháo thuyền lớn vượt
tại Xích Bích, nhiều

Tôn-Quyền chiếm khắp đại dương.
Giương - Đông. Người thời bấy

Lưu - Bị chiếm giờ tôn Ngài là
Tây-Thục. Tháo Phú - Nam đại

tự tôn làm Ngụy-vương. Ngài tấn
Vương. Tháo mất, công 10 vương

con là Tào-Phi quốc, mở rộng bờ
kế vị ép Vua cõi đến 5 hay 6

Hiển-đế như rồng ngàn lý. Năm 225,
ngôi (220) Ngài thăng hà lúc

213.280 — TAM QUỐC

TRẠU HÁN Nhà Đông Hán gia Kim-Lân.
hay THỰC HÁN mất ngôi, nước

— KHU. ? (220-270)

Thục-Từ con Khu-

— CHU-ÊU-LIỆT

Tàu chia làm ba nước: Tây Thục, Bắc Ngụy, Đông Ngò. Đất Giao-chiếm Tây-Thục xung là Hán Châu thuộc về Trung - Vương Đông Ngò.

nghe Tào - Phi chiếm nhà Hán (220) mới xưng đế, kết hợp Đông Ngò đánh Ngụy

— HẬU - ĐẾ (Thuyền) (223 - 263) dùng Gia-cát-Lượng làm Phụ chính, 6 lần xuất binh đánh Ngụy mà không

Liên nổi ngời. Năm 221, Lâm-Áp tấn công Nhật-Nam có nhờ quân Phú-Nam giúp đỡ. Năm 230. Vua Lâm-Áp gọi phải đoàn Sĩ giả đến Thống Đốc Quảng - Đông và Thử Sĩ Giao-Châu. Năm 248, quân Lâm-Áp tấn công quận Giao-Chỉ và Cửu Chân.

— PHẠM HÙNG (FAN-HSUNG 270-284) là cháu ngoại Khu-Liên xưa quân tấn công Giao-Châu

FAN - KIM - CHENG (Phạm - Kim-Sanh 225) là Thái - Tử nổi ngời, bị người anh bà con tên Fan-Tchan (Phạm

thành công.
Lượng mất,
Khương-Duy giữ
quốc chính bị
Đặng - Ngải,
tướng nhà Ngụy
đánh vào Thành
Đô. Hậu Đế ra
hàng.

2. NGUY

TRIỀU

— VÂN-ĐẾ (Tào
Phi) (220 - 227)
mấy lần đem binh
đánh Ngô đều
thất bại.
— MINH - ĐẾ
(Tào Đế) (227-
240) sai Tư Mã

Chiêu ám sát, bị đánh lui ở Badon
đợt ngôi.

— FAN TCHAN Chi, Cửu Chân
(Phạm-Chiêu 225-
245) Năm 228, 10 năm liền.

nhà Vua phái Sứ (284-336) nổi ngôi
giả triều cống Vua cha. Sứ giả
Vua Tàu. sang Tàu năm 284.

Năm 229, Thứ sử là phái đoàn đầu
Giáo-Châu là Lữ tiên. Nhà Vua nhận
Đại cử Sứ giả một người Tàu
sang Phú - Nam làm Cố vấn tên
đáp lễ. Vua Ngô Phạm-Vân và phong
phái viên quan làm Tư tướng.

Tùng sự đến Phú — PHẠM - VÂN
Nam phở biển (FAN-YI) (336-349)
nên văn minh cướp ngôi, năm
Trung-quốc. 340 gọi sứ giả sang
Năm 240, Vua Tàu và chiếm phần

Ý binh Liêu đông.

-- PHÉ - ĐẾ (Phượng) (240-254) Từ mã Ý giết Tào Sấn lên làm Thừa-Tướng. Con Ý là Tư-Mã-Sư phé Vua lập Tào-Mao.

-- THIẾU - ĐẾ (Mao) (254-260) Em Tư Mã Sư là Tư - Mã - Chiêu phé Vua lập Tào-Hoán.

-- TỔNG-ĐẾ (Hoán) (260-265) Bấy giờ oai

Fan Tchan tiếp đất ở Đèo Ngang. một du khách Năm 347 đánh Ấn Độ tấn chiếm Nhật-Nam Kia Siang Li bắt viên quan Tàu rồi sai người tế sống. bà con tên Năm 349, Lâm Tô - Vệt (Sou-Wou) sang đất Bắc.

Ấn triều kiến -- PHẠM-PHẬT Vua Vasudeva. (FAN - FO) (349-Năm 240, Vua 377) nổi ngôi Vua Phù-Nam tiếp 2 cha.

Sứ giả của Ngô Năm Quý Sửu Tôn-Quyền. (353) đời Vua Mục Năm 243, Ngải đế nhà Đông Tấn. gởi lễ cống Thứ sử Giao-Châu sang Tàu gồm có là Nguyễn-Phụ-đánh nhạc sĩ và thò Vua Lâm-Ấp phá sản, được hơn 50 đồn

quyền họ Tư Mã
cực thịnh. Con
Chiêu là Viêm ép
Vua Ngụy
nhường ngôi cho
minh.

Năm 244, lụy. Năm 359, Vua
thành lập gần Lâm-Áp trả phần
Nam-Kinh một đất vùng Đèo
văn phòng Ngang cho Giao-
thương mãi gọi Châu.
là Phù - Nam Năm 372 và 377

3. NGÔ - TRIỆU Năm Bình-Ngô quân.
— DAI-ĐẾ (Tôn (226) Sĩ Nhiếp Năm 245, Ngải
Quyền) (229-252) mất, con là Sĩ- bị ám sát.
đóng đô ở Kiến Huy thay. Tôn — FAN TCH'-
Khương hợp Quyền chia đất ANG (Phạm-
với Thục-Đế Giao-Châu từ Trường) (245) là
chống nhà Ngụy. Hợp phổ về Bắc bảo đệ của Vua
— PHẾ - ĐẾ gọi là Quảng- Fan Kin - Cheng
(252-258) Châu sai Lữ-Đại giết Vua Fan
— KIỀNG-ĐẾ làm Thứ sử Tchan đề trả thù
(258-264) Quảng-Châu, Đái anh. Sau đó,

— VỊ-ĐẾ (Ngô- Lương làm Thứ- Ngải bị Tướng
Hạo) (264- sứ Giao - Fan Siun

565) say mê Châu, Trần giết và cướp
tửu sắc, tàn ác Thi làm Thái-
ngôi. — FAN SIUN
khuyến trong nước Thú quận Giao
đại loạn. Tấn Võ- (Phạm-Tâm 245-
Chỉ, bắt giết Sĩ- 287) tiếp ông
Đế sai Đỗ-Dự và Huy.
Vương - Tuấn Năm Mậu-Thìn
đánh. Ngô chủ Khang Thái và
xin hàng. (248), Vua Ngô ông Châu - Ứng
sai Lục-Dận làm cùng Sứ giả Vua
Thứ-sử Giao- Ấn-độ Vasudeva
Châu. Năm ấy ở là Tchéen Song
quận Cửu-Chân theo ông Sou Wou
có bà Triệu-Âu về Phù - Nam.
khởi binh đánh Ngài liên kết
nhà Ngô. Bà cỡi với Vua Phạm-
vôi mặc áo giáp Hùng nước Lâm
vàng xưng là Ấp tấn công Cửu-
Nhụy - Kiêu Chân (Việt-Nam).
tướng quân. Bà Năm 265, 268
chống với nhà 285, 286, 287.

Ngô sáu tháng, Ngài gọi Sứ giả vì quân ít thế cô triều cống Vua Võ phải tự tử; bấy đề nhà Tấn, Ngài giờ mới có 23 bành tướng việc tuổi.

— Năm Giáp-đường biên với Thân (264), nhà Trung-Hoa và Ngô lấy đất Nam-liên lạc mật thiết Hải, Thương - với nước Lâm-Áp Ngô, Uất - Lâm (Chiêm-Thành).

làm Quảng-Châu,
đất Hợp - Phổ,
Giao-Chỉ, Cửu
Chân và Nhật-
Nam làm Giao-
Châu.

Năm Ất-Dậu
(256) nhà Ngô
mất, Giao-Châu

265 —
313

NHÀ TÂY IÁN

thuộc về nhà Tấn.

Quan lại nhà

Tấn cai trị Giao-

Châu cũng là bọn

tàn ác, tham lam,

nhân dân làm

than khổ sở. Lắm

khí bọn quan lại

có người phản

ngịch đánh giết

lẫn nhau khiến

trong nước loạn

lạc luân.

Vua Tấn có ý

muốn giảm bớt

quân ở các châu,

quận, nhưng quan

Thứ-Sử Giao-

Châu là Đào-

— THẾ TÒ VỖ

ĐỂ (Tư-Mã-

Viên 265-290)

thống nhất đất

nước, lại kiêu sa,

dâm dật, chính sự

rối nát.

— HUỆ ĐẾ

(Trung) (290-307)

là người ngu tối.

Hoàng hậu Giả-

Thị nắm chính

quyền. Triệu

— PHẠM-HỒ DẬT

(B H A D R A V A

R M A N) (377-

413) là con hay cháu

của Phạm-Phật nổi

ngôi. Năm 380,

Vương Tư mã
Luân cử binh
giết Giả Hựu,
truất Vua, tự lên
thay.

Lâm-Ấp tấn công
Nhật-Nam bị đẩy
lui. Năm 400, Trung
Hoa đánh Lâm-Ấp
lui khỏi Đèo Ngang.

Phù-Nam thường
sang quấy nhiễu
đất Nhật-Nam,
nếu giảm bớt quân
ở Giao - Châu sợ
Lâm-Ấp lại sang
đánh phá „.

— HOÀI ĐỀ

(Luân) (307-313)

Các Thân vương
đẩy binh tranh
giành lẫn nhau,
cốt nhục tương
tàn nát 16 năm

(Từ năm 287 đến

357, Sử Trung-

Hoa không có ghi

gì về Phù-Nam)

gọi là «loạn Bát
Vương». Bấy giờ
5 giống rợ ở Tây
Bắc Trung-Hoa
là Hung-Nô, Yết,
Tiên-Ti, Chi và
Khương nổi lên
chiếm giữ vùng
lưu vực sông
Hoàng-Hà bắt
Vua Hoài-Đế sai
mời rượu hầu
khách rồi giết.

— MÀN - ĐẾ
(Nghiep) (313)
nổi ngôi cũng bị
rợ Ngũ-Hồ bắt
làm nhục như
Hoài đế giết chết.

Năm 405 và 407,
Vua Lâm-Áp khuấy
nhiều Giao - Châu
luôn luôn,

Nhà Tây Tấn
mất, rợ Ngũ-Hồ
lũ lượt xưng Đế,
xưng Vương
trước sau 16
nước !

317-420 NHÀ ĐÔNG TẤN

— NGUYỄN-ĐỂ
(Tư - Mã - Duệ)
(317-323). Duệ
là tăng tôn của
Tư-Mã-Y, chức
Lang-Nha-Vương
lên ngôi ở Kiến
Khương lập nhà
Đông Tấn. Vua
dùng Vương Đạo
và Vương Đôn

nên thế lực họ
này rất mạnh.

— MINH-ĐỂ
(323-326)

— THÀNH-ĐỂ
(326-343)

— KHƯƠ-NG
ĐỂ (343-345)

— MỤC-ĐỂ
(345-362) dùng
Hoàn Ôn đánh
diệt nước Thành,
đại phá nước Tần.

— A I - ĐỂ
(362-366)

— ĐỂ DIỆC hay
DỊCH (366-

371) Hoàn Ôn
đánh nước Yên

— TCHAN TAN
(Chiêu-Đàn 357-?)

Năm 357, Vua
Phù-Nam cồng

Vua Tàu một bảy
voi nhà. Vua Tàu

từ khước. Nhiều
người Ấn di cư
sang Phù-Nam vì
họa chiến tranh.

— K A U N
DINYA (? - ?)

(Kiao-Tch'en-Jou
Kiêu-Trần-Như)

từ Ấn-dộ sang
Phù-Nam được

dân chúng tôn lên

bị thua to, lại trở về phé Vua lập Giản-Văn-Đế !

— GIẢN-VĂN.

ĐẾ (Dục)
(371-373).

— HIẾU - VÕ

ĐẾ (Xương-Minh) (373-397).

Vua Tần là Phù-

Kiên đánh Đông

Tần bị Tà - An

đánh lui. Hiếu

Võ-Đế bị Trương

Quí- Nhân giết.

— AN-ĐẾ (Đức Tông) (397-419) (399) Vua Lâm-dùng Đạo-Tử làm Ấp là Phạm-Hồ-

ngôi. Ngai sửa đổi tất cả luật lệ theo hệ thống cai trị của người Ấn.

Ngai cưới một nàng Công-Chúa và xưng tên là C R U T A - V A R M A N.

Năm 413, Phạm-Hồ Đạt, Vua Lâm-Ấp thân chinh đánh Nhật-Nam bị chết ở đây.

— DỊCH-CHỐN (G A N G A R A J A)

(413) con của Phạm Hồ-Dạt nổi ngôi rồi nhường cho người cháu đẻ đi Ấn-đô hành hương.

— MANORATHA VARMAN (413-420 cháu Vua Dịch-Chốn

Thái - phó nhiếp
chánh. Từ đề
con là Nguyên-
Hiền tự ý sinh
sát. Hoàn-Huyền
nổi dậy kéo binh
vào kinh giết Đạo-
Tư rồi ép Vua
nhường ngôi —
Lưu-Dủ khởi binh
đánh được Huyền
lên chức Tổng-
Công lại giết Vua,
lập Cung-Đế lên
ngôi.

Đạt đánh lấy hai
quận Nhật-Nam
và Cửu-Chân rồi
đánh Giao-Châu.
Thái - Thú
Giao - chỉ là
Đồ - Viện đuổi
quân Lâm - Ấp
được phong
Giao-Châu Thứ
sử.

— Năm Quý-Sử
(413) Phạm-Hỗ-
Đạt đánh phá
quận Cửu-Chân.
Con Đồ-Viện là
Đồ-Tuệ Độ chém
tướng Phạm-Kiến
bắt hơn 100 quân

kế nghiệp. Sử không
có ghi điều gì.

— YANG MAH(420-
431). Không rõ gốc
tích. Nhà Vua đánh
Giao-Châu thất bại.
Năm 421, Vua xin
Trung - Hoa tấn
phong.

— YANG MAH (431
446). Con Vua trước,
nổi ngôi mang một
tên với cha, Ngài
điều động trên
10 chiến thuyền
đánh phá ven biển
Nhật-Nam.

Quán Tàu phản
công chiếm vùng Khu-

Lâm-Ấp.

— CUNG - ĐỂ
(Đức-Văn) (419-
420) Lưu-Dũ tự
tôn là Tống -
Vương rồi được
Vua Tấn nhường
ngôi.

— Năm Canh-
Thân (420), Đò
Tuệ-Độ cử binh
sang đánh bắt
người Lâm - Ấp
hàng năm phải
cống tiến voi,
vàng bạc, đồ mồi.

420-589 NAM - TRIỀU

NHÀ TÔNG

(420-478)

— CAO-TÒ VÕ-

ĐẾ (Lưu-Dũ)

(430-423) khai

quốc ở phương

Nam, cương vực

bao gồm đất đai

ở hai tỉnh Sơn-

— Năm Canh-

Thân (420), Lưu-

Dũ lập nhà Tống

ở phương Nam

Đất Giao-Châu

thuộc về Nam

Triều.

Túc (Huế). Vua
Lâm-Ấp mượn quân
Phù-Nam đánh Giao
Châu.

Năm 433, Yang
Mah xin Trung-
Hoa cho cai trị
Giao-Châu nhưng
không được chấp
thuận.

Năm 446, Vua
nhà Tống sai Đán-
hòa-Chi đánh chiếm
Khu-Túc và kinh-

Đông, Hà-Nam.
Trung-Quốc chia
ra làm Nam Triều
và Bắc Triều.

— THIẾU-ĐẾ
(423-424). Nước
Ngụy (Bắc-Triều)
xâm lấn cướp
mất 4 châu
Thanh, Duyện,
Tự, Dự. Quyền
thần phế Thiếu-
Đế.

— VÂN - ĐẾ — Năm Quý Dậu — ÇRI-INDRA
(424-454) không (433), Vua Lâm-
lo đối ngoại chỉ lo Ấp là Phạm-
mưu hại lẫn Dương-Mại xin MO) Trì lệ đà
nhau, gây nội loạn lãnh đất Giao-
rối rắm. Vua Châu cai trị. Vua — 438 (?) nổi

đô Trà - Kiệu
(Champapura) cướp
đoạt 100.000 lượng
vàng. Vua Lâm-Ấp
buồn rầu mà chết.

— PHẠM-THÂN-
THÀNH (446-481)
là con hay cháu nhà
Vua lên ngôi kế vị
Năm 456, 458 và
472, Ngài gọi Sứ
giả sang Trung-
Hoa.

Nguy nhiều phen Văn-Đế không ngôi Vua cha, đánh phá các cho. Họ Phạm năm 424, sai Sứ quân, ấp. cướp phá Nhật-sang đệ trình là

— HIẾU-VÕ. Nam và Cửu-sở lên Vua Văn-Chân. Năm 446, Đế nhà Tống và

ĐỂ (454-465) Vua Tống sai tặng nhiều phẩm — PHỄ ĐỂ (465) Đàn-Hòa - Chi là vật.

— TINH-ĐỂ (465-473) cả hai Thứ-sứ Giao-Năm 434, 435 Vua Hiếu-Võ-Đế Châu và Tôn Xác 438, Ngai phải Sứ đánh dẹp. Phạm-giả triều cống Vua nghị ký tôn thất, Dương-Mại chạy Tàu.

giết họ hàng rất thoát. Đàn-Hòa-Nước Lâm-Ấp nhiều. Vua dau Chi vào đất Lâm-mượn quận Phù-mời Tiêu-Đạo-Ấp lấy được Nam đánh Giao-Thành bảo vệ vàng bạc châu báu châu, nhưng Vua Thái-Tử Dục rất nhiều. Đàn-Phù-Nam từ chối. Thành giết Dục Hòa-Chi vì cớ — KAUNDINYA-lập Vua khác. ấy mà bị gièm pha J'AYAVARMAN — THƯONG phải cách chức (Kiao-T'chen Jou

VỠ - VƯƠNG
hay HẬU-PHẾ-
ĐẾ (473-477)
— THUẬN-ĐẾ
(477-478) Tiểu-
Đạo-Thành đẹp
Viên - Xáng và
Trầm-Du-Chi lên
làm Trưởng Quốc
tước Tề Vương
rồi phế Vua, tự
lập nhà Tề.

đuôi về Tàu, Chó-ye-pa-mo :
Kiều - Trần-Như
Xà - đa-bạt - ma
470 (?) - 514). Nhà
Vua phải nhiều
thương gia sang
buôn bán ở Quảng
Châu thuộc tỉnh
Quảng - Đông.
Trên đường về
có vị sư Na-già-
Tiên tháp tùng.
Thuyền bị gió
cuốn vào Lâm-
Áp, thò dân cướp
sạch hàng hóa Nhà
sư đi bộ về Phù-
Nam.

Năm Kỷ-Mùi

— PHẠM - ĐẮNG-

479-501

NHÀ TÊ

(479), nhà Tống
— CAO-ĐẾ hay mất, nhà Tề kế

CAO-TỎ (Tiểu- nghiệp. Đất Giao-

Đạo-Thành 479- Châu không được

483) mấy khi yên ổn

— VÕ-ĐẾ (483- vì quan Tàu cai

494) trị thấy nước họ

— UẤT - LÂM loạn lạc, muốn

hay CHIÊU- tìm cách độc lập

NGHIỆP (494). nên cứ giết lẫn

Vua là người vô nhau.

đạo bị tôn thất

tên Tiêu - Loan

giết lập Chiêu-

Văn.

— CHIÊU-VĂN

(494) Vua lại bị

Tiêu - Loan giết

CẦN - THĂNG

(KIEOU-TCHIEU

LO Cựu-Thủ-La (?)

(481-492) là quan

cận thần của Vua

Phù-Nam cướp ngôi

Vua Lâm-Ấp. Vua

Tàu nhìn nhận vào

năm 491.

Năm 492, Vua

này bị cháu Vua

Yang Mah là PHẠM

CHU-NÔNG truất

phế.

— PHẠM - CHU -

NÔNG (492-498)

trị vì 6 năm bị

chết đuối ngoài

biển khơi.

mà tự lập, xưng
là Minh-Đế.

— MINH - ĐẾ
(Tiêu-Loan) (494-
499)

— BẢO-QUYÊN
(Đông-Hôn- Hầu
?) (499-501). Nhà
Vua vô đạo, dám
dật, ngược đãi
đại thần. Tiêu-
Diên là tôn thất
khởi binh ở
Trưng - Dương.
Em Vua là Bảo
Dung tự lập làm
Vua ở Giang-
Lăng, ấy là Hòa
Đế.

— PHẠM - VĂN -
TÔN (498 - 520?)

— HÒA - ĐỂ
(Bảo-Dung) (501).
Tiêu - Diên giết
Vua, kéo binh
vào kinh đô, được
Bảo - Quyền
nhưông ngời, đòi
quốc hiệu là
LƯƠNG.

502-556 NHÀ LƯƠNG

— VÕ-ĐẾ (Tiêu-
Diên) (502-550).
Vua giết hai tôn
thất nhà Tề, Tiêu
Bảo-Dần dẫn binh
Nguy về cướp
phá. Hầu - Cảnh
vây Đải - Thành,
Vua tói mà chết.

— Vua nhà
Lương sai Tiêu-
Tư làm Thứ sử
Gia-Châu. Tiêu-
Tư là người tàn
 bạo làm cho lòng
dân oán hận.

Năm 503, Vua — PHẠM-THIÊN-
Phù-Nam phái Sứ KHÔI (DEVAVAR-
giả sang Trung- MAN 520-526).
Hoa dâng một — BÁT-TÔI-BÁT
tượng Phật và MA (VIJAYAVAR-
nhiều sản phẩm MAN 526-529).
nội hóa. — RUDRAVAR -
Vua Tàu phong MAN I (529-605).
Vua Phù-Nam là Năm 530, được Vua

- GIÀN-VĂN-
ĐẾ (Cương) (550
551) Hầu - Cảnh
giết Vua lập Dự-
Chương - Vương
— D Ự -
C H Ự Ớ N G
VƯƠNG (Đổng)
(551-552). Vua bị
Hầu - Cảnh tiếm
ngôi tự xưng là
Hán đế.
- NGUYỄN-ĐẾ
(Trưng - Đông -
Vương) (552-555)
Vua là tôn thất
lên ngôi đế ở
Giang-Lăng, sai
Trần - Bí - Tiên
- NHÀ TIỀN LÝ
544-602
LÝ - NAM - ĐẾ
(544-548)
Năm Tân-Dậu
(541), ông LÝ-
BÔN ở huyện
Thái-Bình đánh
đuổi Thự-sử Tiêu-
Tư chiếm giữ
thành Long-Biên.
Năm Quý-Hợi
(543), quân Lâm-
Áp sang đánh ở
quận Nhật-Nam
Lý-Bôn sai Phạm
Tu dẹp yên.
- An nam Tướng
quân Phù - Nam
Vương.
Năm 506, Vua
Tàu yêu cầu Vua
Phù - Nam phái
hai vị sứ
Mandrasena và
Sanghapala sang
dịch kinh Phật.
Năm 509, vị
tu-sĩ Ấn - độ
Bodhibhadra đến
Phù-Nam đề sang
Trung-Hoa.
Năm 512 và
514, Vua Phù-
Nam sai Sứ sang
Tàu.
- Võ-Đế nhà Lương
phong Vương
Năm 534 gọi Sứ
già sang triều cống.
Năm 543, tấn công
Giao-Châu bị Tướng
Phạm-Tu đánh bại.
Hòa hoạn tại Mỹ
Sơn thiêu hủy cả
ngôi đền đầu tiên
của Bhadravara.

đánh dẹp Hùu tự xưng là Nam- — RUDRAVA-
Cảnh. Tây Ngụy Việt đế, đặt quốc MAN (Lieou-t'o
tiền quân giết hiệu là Văn-Xuân. pa-mo : Lưu đà
Nguyễn-Đế cho Năm Ất - Sửu bặt ma 514-550)
Nhạc - Dương - (545), Vua Lương ám sát Thái-tử
Vương lên thay Võ-Đế sai Dương GUNAVARMAN
gọi là nhà Hậu- Phiêu làm Thứ soán ngôi. Năm
Lương. sứ Giao - Châu, 517, 519, 520,
— NHAC- sai Trần-Bá-Tiên 530, 535, 539 sai
D U Ơ N G- đánh Nam Việt. Sứ sang Tàu dâng
VƯƠNG hay Lý-Nam-Đế thua lễ cống và
Trinh - Dương chày. Năm sau phái vị Tu sĩ
Hầu (555-556). đánh ở hồ Điện Bà-la-môn tên
— KINH ĐẾ Triệt thua nửa, Trúc-Đường-bảo
(Phuơng - Trí) Lý-Nam-Đế giao lão đến châu Vua
(556). Vua được ông Triệu-Quang- Lương-Võ Đế-
Trần - Bá-Tiên ông Triệu-Quang- Năm 539, Vua
biệt lập ở Kiến- Phục đóng ở đầm Phù-Nam dâng
Khương rồi bị Dạ-Trạch. một con u-tây

tiếm ngôi mà tự
lập nhà Trần.

— TRIỆU-VIỆT còn sống và trình
VƯƠNG (549 - Vua Tào rằng
571). Năm Mậu- Ngải có sợi tóc
Thìn (458), Lý- của Phật. Vua Tào
Nam-Đế băng, sai nhà sư Thích-
năm sau (459), Vân - Bửu sang
Triệu - Quang - thỉnh tóc ấy.
Phục xướng là Giữa những
Triệu - Việt - năm 535 và 545,
Vương, rồi đánh Vua Lương - Võ-
phá quân Tào Đế yêu cầu Vua
lấy lại thành Phù - Nam tặng
Long-Biên. kinh Phật và cử

557-589 NHÀ TRẦN

— VÕ-ĐẾ (Trần
Bí-Tiên) (557 -
560)

— VẤN-ĐẾ (560
567)

Năm Đinh-Sửu các vị sư sang
(577), Lý-Phật-Tử Tào.
nổi lên chống Năm 546, sư
Triệu-Việt Vương Paramatha đến
bị thua phải xin Trung-Hoa đem
giảng hòa. Việt- theo 240 bộ kinh.

— LÂM - HẢI - Vương giả con Năm 550, Vua
VƯƠNG (567 - gái cho Phật-Tử Rudra và
569) đề tồ tình hòa thân hà, Phú.

— TUYÊN - ĐẾ hiếu. Nam bị hai em Năm 568. 572 và

(569 - 583). Vua Năm Tân-Mão Bhavarman và 595, Vua Lâm-Áp
đánh Bắc-Tề lấy (571), Phật - Tử Citrasena lật đổ
được mấy quận thỉnh lĩnh đánh vương quyền sắp
ở Giang-Bắc và Việt-Vương đuổi nhập vào nước
bị nhà Bắc-Chu đến sông Đại-Châu lập.
đánh bại ở Từ-Nha (tỉnh Nam-Nga) Vua nói
Duyệt. Việt - ngôi không biết
HẬU - CHỮA Vương trăm tên gì phải chạy
(Thúc-Bảo) (583- minh tự từ. trốn về miền
589) hoang dân HẬU-LÝ NAM-Nam ở thị trấn
vô độ, thu thuế ĐẾ (571-602). Lý-NA FOU NA.
quá nặng, bị Vua Phật-Tử chiếm
Tùy-Văn-Đế thay Long - Biên rồi
nhà Bắc - Chu xưng đế hiệu,
đánh dẹp, thống đóng đô ở Phong

nhất Nam Triều, Bắc Triều) BẮC . TRIỀU gồm nhà Hậu Ngự dựng nước vào năm 386 (sau chia làm Đông- Ngự và Tây- Ngự) nhà Bắc- Tề và nhà Bắc- Chu. Cao-Dương tiếm Đông-Ngự lập Bắc-Tề. Vu- Vân-Giác tiếm Tây-Ngự lập Bắc-Chu rồi diệt Bắc - Tề, sau nhường cho Dương Kiên lập	Châu (thuộc huyện Bạch - Hạc, tỉnh Vĩnh-Yên) sai Lý Đại-Quyền giữ Long-Biên và Lý- Phồ-Đĩnh giữ Ô- Diên.
---	--

nhà Tùy (581).
Năm 589, Tùy
đẹp nhà Trần,
thống nhất hai
triều.

589-618 NHÀ TÙY

-- VẤN - ĐỀ Năm Năm
(Dương - Kiên) Tuất (602), Vua
(589 - 605) sửa Văn-Đế nhà Tùy
sang chánh trị, sai tướng là Lưu-
nhân dân thái Phương đánh
bình, giàu có. Nam-Việt. Lưu-
Rợ Đột - Quyết Phương sai người
xin thần phục. dụ hàng, Lý-
Thái-Tử Dương Phật-Tử sợ đánh
Quảng giết Vua không lại, chiu
cha và anh là phục, Đất Giao-
Thái-Tử Dương- Châu lại bị nước
Động rồi lên ngôi. Tàu cai trị.

— S. AMBHU
VARMAN (605-
629) (Phạm-Phạm-
Chi) là con Vua
trước nổi ngôi
cha. Năm 602,
Vua Văn - Đế nhà
Tùy sai Lưu-
Phương chiếm Nam-
Việt rồi qua năm
605 đánh luôn Lâm-
Ấp chiếm vùng Khu
Túc và kinh đô,
cướp nhiều vàng bạc

— DƯƠNG-ĐẾ
(Quảng) (605-617)
bê tha quá độ,

kho tàng hao hụt,
sai đảo nhiều sông
ngôi, đắp thành
xây cung thất,
thường động binh
đánh rợ Đột-
Quyết, binh nước
Lâm Ấp. Thồ-
Cốc-Bồn, Cao-
Ly. Nhân dân ta
thán, hào kiệt
chiếm cứ khắp

nơi nổi loạn. Lý-
Nguyên đem binh
vào Trường-An
lập Cung-đế Hựu

**BẮC THUỘC
LẦN THỨ 3
(603-939)**

Năm Ất-Sửu
(605). Vua Tùy
sai Lưu-Phượng
đánh Lâm - Ấp.
Vua Lâm - Ấp là
Phạm-Phàm - Chí
bỏ thành chạy
trốn. Lưu Phương
bị bệnh về đến
Ly. Nhân dân ta
nữa đường thì
chết.

Đối với Giao-
Châu, Sử nhà Tùy
không có ghi điều
gì quan trọng.

đốt sách vở của
Hoàng triều, bắt
Lâm-Ấp phải thần
phục. Vua Sambhu
varman không phục
lại xư sở và chịu lời
với Vua Trung-Hoa.

lên ngôi, tôn Vua
làm Thái-Thượng
Hoàng.

— CUNG - ĐỂ
(Dương - Hựu)
(617 - 618) Lý-
Uyên ép Vua
nhường ngôi lập
Nhà Đường.

Năm 616, Vua
Phù-Nam (không
biết tên) gọi Sứ
giả sang Trung-
Hoa cầu binh cứu
viện nhưng bị từ
chối.

618-907 NHÀ ĐƯỜNG

— CAO-TÔ (Lý-
Uyên) (618-627). Năm Tân-Tị
(621), Vua Đường
Vua sai con là Lý-
Thế-Dân đánh Hòa làm Đại-
đẹp hào-kiệt ở
các nơi, nhất
tổng đốc nước,
rồi truyền ngôi,
làm Thái-Thượng
các triều trước,
Nhà Đường cai trị
cải trị Giao-Châu
khắc nghiệt hơn

Năm 623, 625, 628
Vua Lâm-Ấp gọi Sứ
giả triều cống nhà
Đường.

Hoàng.

— T H A I -
TÔNG (Ly-Thế-
Dân) (627-650).
Vua thân trọng
hình pháp, lấy
nhân nghĩa hóa
dân, thiên hạ thái
bình thịnh trị.
Vua đẹp yên
Đông Đột-Quyết
Tây Đột-Quyết,
diệt Thồ - cốc -
phồn, thu hồi
Thanh-Hải, nhờ
Huỳnh - Trang
sang Ấn-Độ thỉnh
kinh Phật.

— CAO-TÔNG Năm Kỷ-Mão(679),

Năm 627, Vua
Phù-Nam (không
biết tên) phái Sứ
giả sang Tàu cầu
bình cứu viện
đánh Chân-Lạp
nhưng Vua nhà
Đường từ chối.
Triều đại Phù-
Nam chấm dứt
từ năm 627.

(650-684), Vua VuaCao-Tông chia đánh dẹp Tây đất Giao-Châu làm Đột-Quyết, Bách-Tề, Tân-La, thu và đặt Annam đó nạp Vô-Hậu là tài hộ phủ :

nhân của cha làm 1. Giao-Châu có Hoàng-Hậu, cho 8 huyện.
tham dự triều 2. Lục-Châu có 3 chính.
huyện.

— T R U N G 3. Phúc - Lộc - TÔNG (Triết) Châu có 3 huyện.

(684 - 685) Vô - 4. Phong-Châu có Hậu giữ chính 3 huyện.

quyền, phế Vua, 5. Thang-Châu Giảng làm Lư có 3 huyện.

lăng Vương, đưa 6. Trường-Châu em Vua lên ngôi. có 4 huyện.

— DUYỆ-TÔNG 7. Chi-Châu có 7 (Đản) (685-690) huyện.

Vua ngồi làm vị, 8. Võ Nga-Châu
Võ-Hậu nắm hết có 7 huyện.

quyền binh, trừ 9. Võ-An-Châu
lần bốn tôn thất có 2 huyện.

nhà Đường, phế 10. Ái-Châu có 6
Vua, xưng là Võ-

Tắc-Thiên Hoàng 11. Hoàn-Châu
Đế. có 4 huyện.

— VÕ - TẮC- 12. Diên-Châu
THIÊN (690-705) có 7 huyện.

đời quốc hiệu là Về phía Tây
Châu nghe lời Bắc Giao-Châu

Địch - Nhân-Kiệt có một Châu gọi
vời Lư-Lăng-

Vương về làm cả những người
Thái-Tử, giáng Mùông, lệ cứ

Vệ-Tông xuống hàng năm phải
tước Tương - triều cống.

Vương.

— T R U N G
TÔNG (Lần 2)
(705-710). Nhân
Võ-Hậu đau,
Trương-Giản-Chi
đem binh vào
cung giết kẻ súng
bể Võ-Hậu, rước
Lư-Lăng-Vương
lên ngôi, phục lại
quốc hiệu.

SÁCH và TÀI-LIỆU THAM KHẢO

- Ethnographie des peuples étrangers à la Chine D'HERVEY de Saint DENIS
- Les états hindouisés d'Indonésie et d'Indochine G. ÇOEDES
- Etudes asiatiques --- Quelques textes chinois concernant l'Indochine hindouisée
- Les peuples de la péninsule indo-chinoise G. ÇOEDES
- Le Founan (BEFEO III page 248-303) PAUL PÉLLIOT
- Les pays d'Occident d'après le Wei-lïo Ed. CHAVANNES
- L'archéologie du Delta du Mékong tome I et III L.MALLERET
- Le Ngan-nan-tche-yuan et son auteur E.GASPARDONE
- Châm-Lạp phong thờ ký CHÂU-ĐẠT-QUAN

- Le K'ouen-Louen et les anciennes navigations interocéaniques dans les mers du Sud G.FERRAND
- Deux peuples méconnus S.LÉVI
- Inscriptions de Võ-cạnh (BEFEO 1915 Fasc. 2 page 3) G.ÇOEDÈS
- Deux inscriptions sanscrites du Fou Nan (BEFEO XXXI 1931 page 1) G.ÇOEDÈS
- L'inscription NAK TA DAMBAN DEK (BEFEO XXXVII 1937 Tome II pages 606 et 627) G.ÇOEDÈS
- A new inscription from Fu-Nan. The Journal of the Greater India Society (Vol IV N° 2, 1937 pages 117-121) G.ÇOEDÈS
- Inscriptions de VAT BATI (BEFEO 1942 Tome II page 140) G.ÇOEDÈS
- Histoire de l'Extrême-Orient R.GROUSSET
- Histoire de l'Asie Dr.HERBERT H.GOWEN
- Histoire générale de la Chine (Tong Kien Kang mou) de MORIAC de MAILIA
- Annam chí lược LÊ TẮC
- Việt-Nam sử lược TRẦN-TRỌNG-KIM
- Le royaume du Champa MASPÉRO

- Histoire du Cambodge C.L.MADROLLE
 - Histoire du Cambodge A DAUPHIN
MEUNIER
 - Trung-Quốc sử lược PHAN-KHOANG
 - Chiêm-Thành lược sử DOREHIEM
 - Đông Nam Á sử lược (Bản dịch G.E.HALL
của Nguyễn-Phút-Tấn)
 - Le Bouddhisme en Annam TRẦN-VĂN-GIÁP
- Hình ảnh của Viện Bảo Tàng và trích
trong quyển LE CAMBODGE của
Louis Cheminais. trong tạp chí
NOKOR KHMER ở PhnomPenh.

In tại nhà in Đoàn Viên, 131
Cổng Quỳnh Saigon 2. Số
lượng in : 2.000 cuốn. Ngày
phát hành 20-8-1974 giấy phép
số 4191/74 BDVCH/KSALP/
TP, ngày 29-7-1974.

Cùng một tác giả

- | | |
|-------------------------------|------|
| 1— Quả dấm thối sơm | 1952 |
| 2— Tự học chữ Miên | 1963 |
| 3— Truyện cổ quốc tế | 1969 |
| 4— Người Việt gốc Miên | 1969 |
| 5— Truyện vui quốc tế | 1969 |
| 6— Truyện cổ Cao Miên I và II | 1969 |
| 7— Angkor (Đế Thiên Đế Thích) | 1970 |
| 8— Truyện tích Việt-nam | 1970 |
| 9— Chợ trời biên giới | 1970 |
| 10— Sử Cao Miên | 1970 |
| 11— Truyện cổ Ấn độ | 1971 |
| 12— Truyện thỏ khắp thế giới | 1971 |
| 13— Việt Kiều ở Cao Miên | 1971 |
| 14— Người hùng | 1973 |
| 15— Chân lạp phong thổ ký | |

